



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 06 + 07

Ngày 25 tháng 02 năm 2022

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

30/12/2021	Quyết định của UBND tỉnh số 52/2021/QĐ-UBND về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La.	2
17/01/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 02/2022/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La	120

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

18/01/2022	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 108/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh Sơn La ban hành hết hiệu lực đến hết ngày 31/12/2021	123
------------	--	-----

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 ngày 18 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 203/TT HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thường trực HĐND tỉnh về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 599/TTr-STC ngày 24 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho các vị trí, tuyến đường, loại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2022, như sau:

1. Đất nông nghiệp

a) Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác:

- Đối với các xã tại Phụ biểu số 01 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,1 lần.

- Đối với các xã tại Phụ biểu số 02 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,1 lần.

- Đối với các xã tại Phụ biểu số 03 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

b) Đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

c) Đối với đất nông nghiệp trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt và đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

2. Đất ở

Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn: Chi tiết theo Phụ lục từ số 01 đến Phụ lục số 13 kèm theo.

3. Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị và tại nông thôn; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (*không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị và tại nông thôn; đất khu công nghiệp và đất cụm công nghiệp*): Hệ số điều chỉnh giá đất bằng hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị hoặc tại nông thôn liền kề theo từng vùng, từng tuyến đường, từng vị trí đã quy định tại Điểm 2.2, Mục này.

4. Đất khu công nghiệp và đất cụm công nghiệp: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng trong các trường hợp quy định tại:

- Điểm a, Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất (*nội dung được sửa đổi tại Khoản 4, Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai*).

- Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

- Khoản 1, Khoản 2, Điều 4 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất (*nội dung được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 2, Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ*).

- Khoản 5, Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (*nội dung được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước*).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 53/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Quyết định số 53/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 100 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN THÀNH PHỐ SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
1	Đường Lò Văn Giá					
-	Đoạn từ ngã tư UBND thành phố đến ngõ số 17 (cổng chào nhà văn hóa tổ 2 phường Chiềng Lè)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngõ số 17 (cổng chào nhà văn hóa tổ 2 phường Chiềng Lè) đến hết Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La đến đầu cầu bản Cá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường Hoa Ban					
-	Từ ngã tư UBND thành phố đến cổng UBND thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đường Lê Thái Tông					
-	Từ giao nhau với đường Lò Văn Giá đến hết đường Lê Thái Tông (giao nhau với đường Tô Hiệu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Đường Chu Văn Thịnh					
-	Đoạn từ ngã tư UBND thành phố đến Cầu Nậm La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Nậm La đến ngã ba đường rẽ vào Sở Giáo dục và Đào tạo	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường rẽ vào Sở Giáo dục và Đào tạo đến hết đất Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh tỉnh Sơn La đến ngã tư Cầu Trắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đường Thanh Niên					
-	Đoạn từ ngã ba giao nhau với đường Chu Văn Thịnh đến hết Sở Giáo dục và Đào tạo	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đoạn từ hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến hết trường THPT Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đường Tô Hiệu					
-	Đoạn từ ngã tư UBND thành phố đến hết số nhà 183 (ngõ rẽ từ đường Tô Hiệu đến đường Lê Thái Tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết số nhà 183 đến ngõ số 5 Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngõ số 05 Tô Hiệu (Trung tâm Văn hóa tỉnh Sơn La) đến hết Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đến hết đất Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất Chi nhánh ngân hàng Nông Nghiệp đến ngã tư Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Đường Cách mạng tháng tám					
-	Đoạn từ ngã tư công an phòng cháy chữa cháy đến hết số nhà 57	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết số nhà 57 đến ngã ba giao với đường Chu Văn Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Đường Ngô Quyền					
-	Từ ngã ba giao đường Chu Văn Thịnh đến ngã ba giao đường Tô Hiệu (Ngân hàng Đầu tư và Phát triển đường cầu treo Dây văng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Đường Điện Biên					
-	Đoạn từ ngã tư cầu trắng đến Cầu Trắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Trắng đến hết số nhà 2 (Bảo hiểm Viễn Đông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 2 (Bảo hiểm Viễn Đông) đến ngã ba giao nhau với đường Nguyễn Văn Linh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Nguyễn Văn Linh đến hết nhà văn hóa tổ 9 phường Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết nhà văn hóa tổ 9 phường Tô Hiệu đến hết ngã ba Khí tượng (ngã ba Két nước)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba Khí tượng (ngã ba Két nước) đến hết số nhà 158 (giáp vườn hoa Tổ 10, phường Chiềng Lè)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ hết đất số nhà 158 đến ngã ba bản Hìn (giao với đường Quốc lộ 6 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Đường Nguyễn Văn Linh					
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Điện Biên đến cổng Tỉnh ủy	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng tỉnh ủy đến hết cổng thoát nước bản Coóng Nọi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Đường Lê Thanh Nghị					
-	Từ ngã ba giao đường Điện Biên (Quốc lộ 6) vào đến hết trường Mầm non Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết trường Mầm non Tô Hiệu đến đường Điện Biên (Quán Thét kỷ mới)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Đường Khau Cả					
-	Từ ngã tư Góc phượng đến hết tuyến đường (giao với đường Điện Biên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
13	Phố Khau Cả					
-	Đường từ ngã ba Két nước đến hết Khách sạn Hoa Đào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
14	Đường Trường Chinh					
-	Đoạn từ ngã tư cầu Trắng đến đường rẽ vào Hoàng Quốc Việt	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường rẽ vào đường Hoàng Quốc Việt đến ngã tư Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
15	Đường Hoàng Quốc Việt					
-	Đoạn từ ngã ba giao với đường Trường Chinh đến ngã tư bản Mé Ban phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
16	Đường Nguyễn Lương Bằng					
-	Đoạn từ ngã tư cầu Trắng đến đường rẽ vào phố Giảng Lắc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường rẽ vào phố Giảng Lắc đến ngã tư chợ 7/11	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chợ 7/11 đến ngõ số 204 đường rẽ vào đài truyền hình tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đoạn từ ngõ số 204 đường rẽ vào đài truyền hình tỉnh Sơn La đến ngã tư Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
17	Phố Giảng Lắc					
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Trường Chinh đến ngã ba giao nhau với đường Nguyễn Lương Bằng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
18	Đường 3/2					
-	Đoạn từ ngã ba giao nhau với đường Trường Chinh đến ngã tư chợ 7/11	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chợ 7/11 đến hết số nhà 179	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết số nhà 179 đến hết diện tích Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
19	Phố Hai Bà Trưng					
-	Từ ngã ba giao nhau với phố Giảng Lắc đến ngã ba giao nhau với đường 3/2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
20	Đường Lê Đức Thọ					
-	Từ giao nhau với đường 3/2 đến hết UBND phường Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết UBND phường Quyết Thắng đến hết dốc đá Huổi Hin (hết địa phận phường Quyết Thắng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
21	Phố Xuân Thủy					
-	Đường xung quanh chợ Rạng Téch đến hết nhà văn hóa Tổ 10 phường Chiềng Lề	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết nhà văn hóa Tổ 10 phường Chiềng Lề đến ngõ số 4	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngõ số 4 đến hết số nhà 29	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 29 tới hết tuyến	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
22	Phố Lê Lợi					
-	Đoạn ngã ba giao đường Chu Văn Thịnh đến hết nhà văn hóa tổ 15	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
23	Phố Trần Hưng Đạo + Phố Lý Tự Trọng					
-	Các tuyến đường có độ rộng mặt đường trên 5,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường có độ rộng mặt đường từ 2,5m đến 5,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Các tuyến đường còn lại có độ rộng mặt đường dưới 2,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
24	Đường Nguyễn Trãi					
-	Đường từ cây xăng Tỉnh đội đến hết số nhà 79 Đường Nguyễn Trãi (doanh nghiệp Tùng Lộc)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 79 Đường Nguyễn Trãi (doanh nghiệp Tùng Lộc) đến hết trường Tiểu học Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết trường Tiểu học Quyết Thắng đến ngã ba bãi đá đô thị cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
25	Phố Mai Đắc Bân					
-	Từ ngã ba giao đường Nguyễn Lương Bằng đến ngã ba giao đường 3/2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
26	Đường Trần Đăng Ninh					
-	Đoạn từ ngã tư Quyết Thắng đến ngõ số 07 đường rẽ vào Tiểu đoàn 1 (K4)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường rẽ vào Tiểu đoàn 1 (K4) đến hết UBND phường Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết UBND phường Quyết Tâm đến ngã ba đường rẽ vào đường Chu Văn An nhánh 2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường rẽ vào đường Chu Văn An nhánh 2 đến hết đường Trần Đăng Ninh (ngã ba giao đường Chu Văn An nhánh 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
27	Đường Lê Duẩn					
-	Đoạn từ đầu đường Chu Văn An nhánh 1 đến hết Hạng 10 (cũ) số nhà 42 và đoạn từ cửa hàng xăng dầu số 3 Bó Ân đến hết Viện quân Y 6	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết Hạng 10 (cũ) số nhà 42 đến hết cửa hàng xăng dầu số 3 Bó Ân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết Viện Quân y 6 đến hết đất trường trung học cơ sở Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất trường trung học cơ sở Chiềng Sinh đến hết đất cửa hàng xăng dầu số 14	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất cây xăng 14 đến đường rẽ vào cổng nhà văn hóa tổ 5 phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ cổng đường vào nhà văn hóa tổ 5 đến ngã ba đường Lê Quý Đôn giao đường Lê Duẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba đường Lê Quý Đôn giao đường Lê Duẩn (hết trụ sở cơ sở 2 Công an tỉnh) đến hết địa phận thành phố (đến ngã 3 Trại Ong)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
28	Đường Hoàng Văn Thụ					
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba đường rẽ vào trường Mầm non Bé Văn Đàn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba đường rẽ vào trường mầm non Bé Văn Đàn đến hết đất Trường chính trị tỉnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất trường Chính trị tỉnh đến ngã ba rẽ vào bản Nam	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
29	Đường Nguyễn Chí Thanh					
-	Từ ngã ba giao đường Trần Đăng Ninh (Quốc lộ 6) đến hết đất trường tiểu học Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
30	Đường Nguyễn Thị Minh Khai					
-	Từ ngã 3 Trường Mầm non Bé Văn Đàn đến hết đất nhà văn hóa tổ 5 phường Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất nhà văn hóa tổ 5 phường Quyết Tâm đến các tuyến đường trong khu dân cư tổ 5 phường Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
31	Đường Chu Văn An					
-	Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6) đến ngã ba Trường Đại học Tây Bắc (nhánh 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Trần Đăng Ninh (đối diện Nhà văn hóa tổ 3 phường Quyết Tâm) đến ngã ba đường quy hoạch vào Trường đại học Tây Bắc (nhánh 2)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn giao nhau nhánh 1 và nhánh 2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
32	Đường Trần Phú					
-	Từ ngã tư cơ khí đi hết địa phận phường Chiềng Sinh theo hướng đi Ca Láp - Chiềng Ngần đến giữa dốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
33	Đường Lê Trọng Tấn					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Ngã ba Lê Duẩn (Quốc lộ 6) đến chân dốc Noong Đức	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
34	Đường Nguyễn Du					
-	Từ ngã ba giao đường Lê Đức Thọ tổ 11 đến hết Công ty cổ phần In và bao bì Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Công ty Cổ phần In và Bao bì đến công Thao trường Thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
35	Đường Ngô Gia Khảm					
-	Đường từ đầu bản Cá (Đường Quốc lộ 279D) đến cổng đường vào bản Cá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng bản cá đường rẽ vào bản Cá đến hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (hết địa phận Phường Chiềng An)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
36	Đường Văn Tiến Dũng					
-	Đoạn từ cổng thoát nước Nà Coóng đến hết địa phận khu đô thị Pôlô Nội phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết địa phận khu đô thị Pôlô Nội đến hết địa phận phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
37	Đường Lê Quý Đôn					
-	Đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6 mới) đến nhà Phiến Phường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà Phiến Phường đến hết địa phận thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
38	Đường Hùng Vương					
-	Từ ngã ba đường Lê Duẩn rẽ đường Hùng Vương (Trại trẻ mồ côi cũ) đến hết số nhà 58	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 58 đến ngõ 216 (Cổng chào nhà văn hóa tổ 7 phường Chiềng Sinh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngõ số 216 (cổng chào nhà văn hóa tổ 7 phường Chiềng Sinh) đến hết số nhà 344.	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 344 đến hết địa phận phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
39	Tuyến đường Chiềng Sinh					
-	Đoạn giao đường Lê Duẩn đến cổng Nhà máy Xi măng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đoạn giao đường Lê Duẩn đến cổng Nhà máy gạch Tuynel	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đất trong phạm vi Nhà máy gạch Tuynel và Nhà máy Xi măng	1,0	1,0	1,0		
40	Đường Bản Bó					
-	Đường bản Bó (từ giao đường Lò Văn Giá đến cổng nước Bản Bó)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
41	Đường Bản Cọ					
-	Đoạn từ giao đường Lò Văn Giá đến Cầu bản Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cầu bản Cọ đến Mỏ nước bản Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
42	Các đường nhánh					
-	Từ hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến hết đất trung tâm hướng nghiệp dạy nghề	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Ngã ba giao với đường Chu Văn Thịnh đến cổng trường mẫu giáo tư thục Ban Mai (đường bản Hẹ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các nhánh đường thuộc quy hoạch đường Thanh niên và Chợ Trung tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường nhánh từ đường Lê Thái Tông sang đường Lò Văn Giá và đường Tô Hiệu (thuộc địa phận tổ 2, tổ 7 phường Chiềng Lè)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường đằng sau Công ty điện lực (từ nhà văn hóa tổ 10) đến ngã 3 giao đường Lê Đức Thọ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Trần Đăng Ninh đến hết Cục Thú y	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường Chi cục Thú y đến hết Trại lợn cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Trại lợn cũ đến hết địa phận bản Là, phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cuối đường 13 m khu quy hoạch Lam Sơn đến đường bản Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Mỏ nước bản Cọ đến ngã ba bãi đá đô thị cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường hai bên chợ Trung tâm vào khu dân cư tổ 11, tổ 12 phường Chiềng Lè (hết địa phận chợ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba Công ty Cổ phần In và Bao bì đến đỉnh dốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ hết đất Công ty Điện Lực Sơn La đến cổng trường tiểu học Quyết Thắng	1,0				
-	Từ khu quy hoạch Ao Quảng Pa đến ngã ba giao đường Nguyễn Trãi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cống nước tổ 4 phường Chiềng An đến hết các tuyến đường trong bản Bó	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường từ đường Lò Văn Giá vào đến cổng nhà máy nước	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6) qua bản Hẹo phường Chiềng Sinh đến bản Phường xã Chiềng Ngân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường trục chính tổ 3 (đoạn từ đường Trần Đăng Ninh tổ 10, phường Quyết Tâm đi hết địa phận tổ 3, phường Chiềng Cơi)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường nhánh trong khu dân cư bản Cọ (đường Bê tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường nhánh trong khu dân cư bản Cọ (đường đất, các loại được không đạt đường bê tông, đường nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã tư Mé Ban sang bản Là phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường trong bản Bó Phứa Cón đường bê tông rộng trên 2,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường trong bản Bó Phứa Cón đường bê tông rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0	1,0		
43	Đường nhánh trong khu quy hoạch					
43.1	Lô số 3a, kè suối Nậm La					
-	Đường quy hoạch từ 18 m đến 18,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 13 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 8,0 m	1,0	1,0			
43.2	Khu quy hoạch 4a, kè suối Nậm La					
-	Đường quy hoạch 18,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
43.3	Lô số 4b, Kè suối Nậm La					
-	Đường quy hoạch 18 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đường quy hoạch 15,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 10,5 m đến 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 8,5 m đến 9,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5 m đến 5,5 m	1,0				
43.4	Lô số 4c, Kè suối Nậm La					
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5 m	1,0				
43.5	Khu dân cư thương mại suối Nậm La - Lô số 5					
-	Đường quy hoạch từ 18 m đến 18,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch từ 13 m đến 13,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0	1,0			
43.6	Lô số 6b, Kè suối Nậm La					
-	Đường quy hoạch 25 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0				
43.7	Khu đô thị phường Chiềng An (lô số 6, 7 dọc suối Nậm La)					
-	Đường quy hoạch 25 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 20,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 18 m đến 18,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 16,5 m đến 17,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 13 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 10,5 m đến 11,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 7 m đến 7,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
43.8	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dọc suối Nậm La (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (khu vực Hồ Tuổi trẻ)					
-	Đường quy hoạch rộng 25,0 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 18,0 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 17,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 12,0 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 9,5 m	1,0				
43.9	Quy hoạch chi tiết xây đô thị tỷ lệ 1/500 dọc suối Nậm La (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm) thành phố Sơn La (khu đất trụ sở Sở Y tế, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Chi cục Kiểm Lâm tỉnh) để xây dựng khu dân cư mới tổ 3 phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La					
-	Đường quy hoạch rộng từ 7,5 m trở lên	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 4,0 m đến 4,5 m	1,0	1,0			
43.10	Khu quy hoạch dân cư tổ 12 phường Chiềng Lè (khu quy hoạch Lam Sơn)					
-	Đường quy hoạch 20 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 12 m đến dưới 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10 m đến dưới 12 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,0 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
43.11	Khu quy hoạch dân cư Đồi Châu, tổ 9, phường Chiềng Lè					
-	Đường quy hoạch rộng 7,5 m: Đoạn từ giáp đường Tô Hiệu đến đường quy hoạch 5,0 m giáp với nhà văn hóa tổ 9 cũ, phường Chiềng Lè (trừ vị trí của đường Tô Hiệu)	1,0	1,0			
-	Đoạn còn lại của đường quy hoạch 7,5 m.	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 6,5 m (trừ vị trí 1 đường Tô Hiệu)	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 5,0 m	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch từ 3,0 m đến dưới 4,5 m (đường đổ bê tông hoặc rải nhựa)	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch dưới 2,5 m (đường đổ bê tông hoặc rải nhựa)	1,0	1,0			
43.12	Khu quy hoạch dân cư tổ 3 phường Chiềng Lè					
-	Đường quy hoạch từ 5 m đến 7,5 m	1,0				
43.13	Khu dân cư tổ 8 phường Tô Hiệu					
-	Đường quy hoạch 21 m	1,0				
-	Đường quy hoạch từ 11,5 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch 09 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 07 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
43.14	Khu quy hoạch dân cư tổ 8, phường Tô Hiệu (trường Tiểu học Tô Hiệu cũ)					
-	Đường quy hoạch từ 7,0 m đến 7,5 m	1,0				
43.15	Khu quy hoạch dân cư tổ 8, phường Tô Hiệu (cạnh nhà khách UBND tỉnh)					
-	Đường quy hoạch rộng từ 5,0 m đến dưới 8,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 4,5 m.	1,0				
43.16	Khu dân cư tổ 3, phường Quyết Thắng (Khu Tỉnh đội bàn giao)					
-	Đường quy hoạch từ 07 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch 05 m đến dưới 7 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng từ 2,5 m đến dưới 5 m	1,0				
43.17	Khu dân cư tổ 2, Đại Thắng phường Quyết Tâm					
-	Đường quy hoạch trên 21 m	1,0				
-	Đường quy hoạch trên 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch trên 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch trên 9,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch trên 7,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
43.18	Khu tái định cư 1,3 ha dân cư bản Giàng Lắc - Quyết Thắng					
-	Đường quy hoạch từ 16,5 m trở lên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 1 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 9 m đến 10,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 5,5 m đến 7,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.19	Khu quy hoạch tổ 8 phường Quyết Thắng (<i>Vật liệu xây dựng I</i>)					
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 4,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 4 m	1,0				
43.20	Khu quy hoạch chợ 7/11					
-	Đường quy hoạch 4,5 m	1,0				
43.21	Khu dân cư mới phường Quyết Thắng (<i>khu tái cư số 1</i>)					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 13,0 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,0				
43.22	Khu quy hoạch dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 9,0 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 6 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch dưới 6 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.23	Khu dân cư trục đường Nguyễn Văn Linh (<i>Bản Chậu phường Chiềng Cơi</i>)					
-	Đường quy hoạch rộng trên 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 9,5 m	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch rộng 5,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng dưới 5,5 m	1,0				
43.24	Khu dân cư tổ 13, Phường Quyết Thắng (UBND Phường Quyết Thắng)					
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 9,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 7,5 m.	1,0	1,0			
43.25	Khu dân cư tổ 6, Phường Quyết Tâm					
-	Đường quy hoạch rộng từ 7,5 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 5,5 m đến dưới 7,5 m	1,0				
43.26	Khu quy hoạch dân cư VINCOM, tổ 3, phường Quyết Thắng					
-	Đường quy hoạch 15,0 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 13,0 m	1,0	1,0			
43.27	Khu quy hoạch dân cư tổ 4, phường Quyết Tâm					
-	Đường quy hoạch rộng 5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
43.28	Khu dân cư tổ 8, phường Chiềng Sinh (khu quy hoạch tái định cư Noong Đức cũ)					
-	Đường quy hoạch 21 m trở lên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 15,5 m đến 16,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 5,0 m trở lên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.29	Khu quy hoạch tổ 2 phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 15 m	1,0				
	Đường quy hoạch trên 15 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch dưới 7,5 m	1,0				
43.30	Khu quy hoạch tổ 3 phường Chiềng Sinh (giáp trạm điện 110KV)					
-	Đường quy hoạch 12 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch từ 7,5 m trở xuống	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch 10,7 m	1,0				
-	Các đường nhánh trong khu vực dân cư có chiều rộng từ 2,5 m đến 5 m xe con vào được	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.31	Khu dân cư bản Bó Phường Chiềng An (<i>cạnh Trụ sở Chiềng An</i>)					
-	Đường quy hoạch 10 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 05 m	1,0				
43.32	Khu tái định cư Trường Đại học Tây Bắc					
-	Đường quy hoạch 30 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 11 m	1,0				
43.33	Khu quy hoạch dân cư phía Đông và Tây Nam Trung tâm Bến xe khách Sơn La					
-	Đường quy hoạch 15,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0				
43.34	Khu QH dân cư bản Buôn, phường Chiềng Còi (<i>Doanh nghiệp Trường Sơn</i>)					
-	Đường quy hoạch 25 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 13 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
43.35	Khu dân cư bản Hẹo Phung, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 30 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch 12 m đến 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch từ 7,5 m trở xuống	1,0				
43.36	Khu dân cư tổ 5, Phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch rộng 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
43.37	Khu dân cư và dịch vụ ngã tư Cơ Khí, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 25 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 5,5 m	1,0				
-	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m đến dưới 5 m (<i>đường đổ bê tông hoặc đường nhựa dải nhựa</i>)	1,0	1,0	1,0		
-	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m đến dưới 5 m (<i>đường đất xe công nông, xe con vào được</i>)	1,0	1,0	1,0		
43.38	Khu dân cư bản Cọ phường Chiềng An (<i>trục đường từ Công ty TNHH nhà nước MTV môi trường đô thị Sơn La đến Trung tâm phòng chống HIV</i>)					
-	Đường quy hoạch từ 10,5 m trở lên	1,0				
43.39	Khu quy hoạch chợ, dân cư bản Hải, phường Chiềng An					
-	Đường quy hoạch 20,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 13 m.	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				
43.40	Khu quy hoạch dân cư Trung tâm hành chính - Văn hóa Phật giáo Sơn La					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5 m.	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 9,5 m.	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng từ 7 m đến 7,5 m.	1,0				
43.41	Khu tái định cư Bệnh viện đa khoa 550 giường tỉnh Sơn La					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
43.42	Khu tái định cư trường Trung cấp Luật Tây Bắc, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 21 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 4 m	1,0				
43.43	Khu đô thị số 1 phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 13 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0	1,0	1,0		
43.44	Khu dân cư tại tổ 5, (khu vực Trạm truyền dẫn sóng phát thanh cũ), phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch từ 20,5 m đến 21 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 13 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 10,5 m đến 11,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 7 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0	1,0	1,0		
43.45	Khu dân cư bản Mé Ban phường Chiềng Cơi					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,0 m	1,0				
43.46	Khu quy hoạch tái định cư số 2 phường Chiềng Cơi					
-	Đường quy hoạch rộng từ 11,5 m trở lên	1,0				
43.47	Khu dân cư bản Cọ phường Chiềng An (sau chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam)					
-	Đường quy hoạch 13 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
43.47	Khu quy hoạch công viên 26-10					
	Đường quy hoạch 17 m trở lên	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Đường quy hoạch 9 m	1,0				
43.49	Đường giao thông 2A, 2B, 2C khu quy hoạch dân cư OC-1 và OC-4					
	Đường quy hoạch 38 m	1,0				
	Đường quy hoạch 9 m	1,0	1,0			
43.50	Khu dân cư mới đường Chu Văn An, thành phố Sơn La					
	Đường quy hoạch 30 m	1,0				
	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
43.51	Đoạn từ ngã ba mai Sơn (giao đường Hùng Vương) đến hết địa phận thành phố theo hướng đi huyện Sông Mã (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.52	Từ ngã ba hướng đi bản Khoang đến khu vực quy hoạch nghĩa trang nhân dân thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.53	Khu dân cư bản Mé Ban phường Chiềng Cơi (Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 8,0 m	1,0				
44	Các khu quy hoạch bổ sung chưa có mặt bằng					
44.1	Quy hoạch khu dân cư bản Có phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 20,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 3,0 m	1,0	1,0			
44.2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm Hành chính - Chính trị thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La					
-	Đường quy hoạch rộng 45,0 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 21,0 m	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch rộng từ 16,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 12,0 m	1,0	1,0			
44.3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu vực từ Công ty cổ phần Thực phẩm Sơn La đến khu dân cư bản Buôn phường Chiềng Cơi gắn với suối thoát lũ từ phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La					
-	Đường quy hoạch rộng 13,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 10,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 7,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 3,0 đến 3,5 m	1,0	1,0			
44.4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư bản Noong La, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 8,5 m	1,0	1,0			
44.5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và dịch vụ bản Cang, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 13,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 11,5m	1,0	1,0			
44.6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư tổ 12, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La (<i>khu đất thu hồi của công ty cổ phần xây dựng II</i>)					
-	Đường quy hoạch rộng từ 13,0 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 9,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 3,0 đến 4,5 m	1,0	1,0			
44.7	Các tuyến đường trong khu dân cư tổ 5, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch rộng lớn hơn bằng 12 m	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch lớn hơn bằng 5 m và nhỏ hơn 12 m	1,0				
-	Đường quy hoạch nhỏ hơn 5 m	1,0				
44.8	Tuyến đường 1A khu quảng trường	1,0				
44.9	Đường dọc kè suối Nậm La (bờ kè bên phải) hướng nhìn từ cầu 308 đến cầu B trường tiểu học Ngọc Linh	1,0				
44.10	Từ DNTN Thanh Hà đến hết đất Hợp tác xã Nậm La	1,0				
44.11	Điểm dân cư thuộc quy hoạch khu tái định cư số 01, bản Buồn, phường Chiềng Cơi					
-	Tuyến đường rộng 15 m	1,0				
-	Tuyến đường rộng 9 m	1,0				
-	Tuyến đường rộng 7 m	1,0				
44.12	Khu đô thị bản Buồn phường Chiềng Cơi (do Công ty cổ phần An Phú Sơn La chủ đầu tư thực hiện dự án)					
-	Tuyến đường 25 m	1,0				
-	Tuyến đường 15 m	1,0				
-	Tuyến đường 13 m	1,0				
-	Tuyến đường 10,5 m	1,0				
-	Tuyến đường 5,5 m	1,0				
44.13	Từ ngã tư đường Hoàng Quốc Việt đến hết đất bệnh viện Cuộc Sống					
-	Tuyến đường 25 m	1,0				
44.14	Từ ngã ba đường Hoàng Quốc Việt – bản Buồn – Trần Đăng Ninh đến khu đô thị bản Buồn, bản Mé (Kim Sơn) (tuyến đường 16,5 m)	1,0				
44.15	Điểm dân cư thuộc quy hoạch khu tái định cư số 02 bản Mé, phường Chiềng Cơi					
-	Tuyến đường 16,5 m	1,0				
-	Tuyến đường 11,0 m	1,0				
-	Tuyến đường 10,5 m	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Tuyến đường 9,5 m	1,0				
44.16	Đường từ ngã tư đường Hoàng Quốc Việt đi trụ sở HĐND-UBND tỉnh đến đường Nguyễn Văn Linh	1,0				
44.17	Đường từ ngã tư bản Mé Ban qua cầu Coóng Nọi đến đường Nguyễn Văn Linh	1,0				
44.18	Đường từ ngã tư bản Mé Ban đến khu dân cư Mé Ban (<i>khu đất thu hồi của Công ty Cổ phần Nhóm Sông Hồng</i>) (tuyến đường rộng 16,5 m)	1,0				
44.19	Từ ngã tư Công ty TNHH Sông Lam đến Hạ tầng khu dân cư lô số 1A (<i>quy hoạch khu đô thị phía Tây Nam thành phố</i>)	1,0				
44.20	Đường 31m bờ bên phải nhìn từ Cầu Coóng Nọi đến Hạ tầng khu dân cư lô số 1A (<i>quy hoạch khu đô thị phía Tây Nam thành phố</i>)	1,0				
44.21	Điểm khu dân cư mới tổ 1, phường Chiềng Cơi					
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0	1,0			
44.22	Khu dân cư mới Coóng Nọi, phường Chiềng Cơi					
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 2,5 m	1,0				
44.23	Các đường nhánh					
-	Từ hết đất trường mầm non Đại Thắng đến nhánh đường Chu Văn An	1,0				
-	Từ Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Sơn La đến hết đất trung tâm Quan trắc TNMT	1,0	1,0			
44.24	Đường Lê Hiến Mai (<i>dọc kè suối giáp khu đô thị số 1</i>), phường Chiềng An					
-	Đường quy hoạch 18 m	1,0				
44.25	Đường Song Hào (<i>dọc kè suối Giáp bản Cọ và bản Hài</i>), phường Chiềng An					
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
44.26	Đường nhánh khu dân cư bản Phứa Cón, phường Chiềng An					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường cấp phối, đường đất rộng trên 2,5 m	1,0	1,0			
-	Đường cấp phối, đường đất rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0			
44.27	Đường Phố Xuân Thủy					
-	Đoạn từ ngã ba giao giữa đường phố Xuân Thủy với ngõ số 04 đến hết tuyến đường phố Xuân Thủy	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
44.28	Đường dọc kè suối Nậm La (bờ bên phải) hướng nhìn từ cầu 308 đến cầu Nậm La					
-	Tuyến đường rộng 11,5 m	1,0				
-	Tuyến đường rộng 7,5 m	1,0				
44.29	Khu quy hoạch dân cư phía Đông và Tây Nam Trung tâm Bến xe khách Sơn La					
-	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				
45	Các tuyến đường nội thị còn lại trên địa bàn thành phố					
45.1	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m trở lên nội thành phố (đường đổ bê tông hoặc đường nhựa dải nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
45.2	Các đường nhánh có mặt đường rộng dưới 2,5 m trở xuống nội thành phố (đường đổ bê tông hoặc dải nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
45.3	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m trở lên nội thành phố (đường đất, đường lát gạch, đường vỉa xi măng, đường chưa đủ điều kiện là đường bê tông xe công nông, xe con vào được)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
45.4	Các đường nhánh có mặt đường rộng dưới 2,5 m trở xuống nội thành phố (đường đất, đường lát gạch, đường vỉa xi măng, đường chưa đủ điều kiện là đường bê tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Đường Văn Tiến Dũng					
-	Đoạn từ hết địa phận phường Chiềng Cơi đến công trụ sở UBND xã Hua La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ tiếp công trụ sở UBND xã Hua La đến hết nhà văn hóa bản Mòng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
II	Đường Ngô Gia Khảm					
-	Từ hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (<i>hết địa phận Phường Chiềng An</i>) đến hết cầu bản Panh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Quốc lộ 279D					
-	Từ hết cầu bản Panh đến chân dốc Cao Pha	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Đường Điện Biên					
-	Từ ngã ba bản Hìn (<i>giao với Quốc lộ 6 cũ</i>) đến hết địa phận thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Xã Chiềng Ngần					
1	Đường Nguyễn Văn Cừ					
-	Từ dốc đá Huổi Hìn đến đường rẽ vào trường Tiểu học Chiềng Ngần A (bản Híp)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường rẽ vào trường tiểu học Chiềng Ngần A (bản Híp) đến ngã ba UBND xã Chiềng Ngần	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường Lê Hồng Phong					
-	Từ ngã ba UBND xã đến ngã tư bản Ca Láp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã tư Ca Láp đến hết sân tập trường lái	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba UBND xã đến ngã ba bản Phiêng Pát	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Ngã ba chợ Phiêng Pát phạm vi 200 m đi 3 hướng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đoạn từ ngã ba giao đường Chu Văn An đến chân dốc tiếp giáp với bản Khoang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Các đường nhánh còn lại thuộc bản Dừn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ ngã tư bản Ca Láp đi hết cổng trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Khu quy hoạch dân cư trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật	1,0				
10	Đường Trần Phú					
-	Từ ngã tư bản Ca Láp đi hết địa phận xã Chiềng Ngần đến (đỉnh dốc), theo hướng đi bản Thắm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Các tuyến đường thuộc xã Chiềng Ngần					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ sân tập trường lái rẽ đi bản Kềm qua bản Ổ, bản Muông đến hết bản Nà Lo	1,0	1,0			
-	Ngã ba chợ Phiêng Pát từ 201 m trở đi 3 hướng	1,0	1,0			
-	Đường từ bản Híp sang bản Nong La, đường lên nhà máy xử lý rác thải rắn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ bản híp sang hết địa phận bản Khoang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Đường từ chân dốc bản Pát đi vào hết bản Púng					
-	Đường bê tông rộng trên 2,5 m	1,0	1,0			
-	Đường bê tông rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0			
13	Các đường nhánh, đường ngõ từ bản Kềm, bản Ổ, bản Muông, bản Nà Lo					
-	Đường bê tông rộng trên 2,5 m	1,0	1,0			
-	Đường bê tông rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0			
VI	Trung tâm các xã					
1	Chiềng Cọ, Chiềng Xôm, Chiềng Đen: Bán kính 500m tính từ trung tâm xã đi các hướng	1,0	1,0	1,0		
2	Đất khu vực trung tâm cụm dân cư (<i>trung tâm các bản</i>), các ngã ba, ngã tư nơi giao thông đi lại thuận tiện (200 m đi các hướng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đường Quốc lộ 6 đến hết đất của trụ sở UBND xã Chiềng Cọ; Chiềng Đen, đường đến các bản (trừ Mục 1 và Mục 2 ghi trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Các tuyến đường nhánh từ 2,5 m trở lên (<i>trừ Điểm 3 ghi trên</i>)	1,0	1,0	1,0		
5	Các đường nhánh còn lại trong các xã nhỏ hơn 2,5 m	1,0	1,0	1,0		
VII	Các tổ, bản thuộc phường có điều kiện như nông thôn					
1	Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Thắm Mây, bản Phung, bản Hẹo, phường Chiềng Sinh (<i>trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên</i>)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các tổ, bản: tổ 1, tổ 2, tổ 4, bản Cọ, bản Hải, bản Cá) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
3	Các đường nhánh thuộc Phường Chiềng Cơi (trừ tổ 2,3, bản Là, Bản Buồn, Bản Mẻ Ban) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
4	Các tuyến đường nhánh từ 2,5 m trở lên (trừ Điểm 3 ghi trên)	1,0	1,0	1,0		
5	Các đường nhánh còn lại trong các xã nhỏ hơn 2,5 m	1,0	1,0	1,0		
VII	Các tổ, bản thuộc phường có điều kiện như nông thôn					
1	Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Thắm May, bản Phung, bản Hèo, phường Chiềng Sinh (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các tổ, bản: tổ 1, tổ 2, tổ 4, bản Cọ, bản Hải, bản Cá) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
3	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng Cơi (trừ tổ 2,3, bản Là, Bản Buồn, Bản Mẻ Ban) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
VIII	Điểm dân cư thuộc quy hoạch khu tái định cư số 01 bản Sàng, xã Hua La					
-	Tuyến đường 17,5 m	1,0	1,0			
IX	Khu dân cư bản Hôm, xã Chiềng Cọ					
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				

Phụ lục số 02**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ VÀ
ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN QUỲNH NHAI***(Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)*

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ						
I	Đường trục chính Đường quốc lộ 6B (Tỉnh lộ 107 cũ)						
1	Từ cổng chào (đầu cây xăng Sơn Lâm) đến cầu số 1 (tiếp giáp với QL279) + 150 m đi bến phà Pá Uôn	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Các đường nhánh trong phạm vi quy hoạch thị trấn mới huyện Quỳnh Nhai (trừ các vị trí được xác định theo giá đất đường trục chính Quốc lộ 6B đến hết vị trí 5)						
1	Đường số 8: Từ ngã ba sau nhà ông Lò Văn Mến đến hết công viên thể dục thể thao nối với đường số 19	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đoạn đường từ Cây xăng Sơn Lâm đến cầu số 2 nối với đường Quốc lộ 279 (gồm đường số 20, số 15, số 6, số 5), trừ đoạn đầu nối đường số 11 (chỗ vòng xuyên) đến tiếp giáp đường số 1 thuộc tuyến đường số 05	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Tuyến đường số 05, từ đoạn đầu nối với tuyến đường số 11 (chỗ vòng xuyên) đến tiếp giáp đường số 01	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Tuyến đường số 11 theo quy hoạch (từ ngã tư rẽ vào chợ trung tâm đến tuyến đường số 5)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Tuyến đường 11 theo quy hoạch (đoạn đường từ đường số 5 đến đường số 22)	1,0	1,0	1,0	1,0		
6	Các tuyến đường được đánh số theo quy hoạch từ T1 đến T29 (trừ T9, T10) khu quy hoạch tái định cư Phiêng Lanh và tuyến đường số 22 khu quy hoạch Phiêng Nèn	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Các tuyến đường còn lại trong phạm vi quy hoạch tái định cư Phiêng Lanh + Phiêng Nèn huyện Quỳnh Nhai	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
B1	Đất ở tại khu dân cư ven đô, khu công nghiệp, đầu mối giao thông, trục đường giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch						
I	Đường trục chính Đường Quốc lộ 6B (tỉnh lộ 107 cũ)						
1	Quốc lộ 6B: Đoạn từ địa phận huyện Quỳnh Nhai (giáp huyện Thuận Châu) đến nhà Ông Cà Văn Hao bản Ca, xã Chiềng Khoang	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đường Quốc lộ 6B: Đoạn từ Nhà ông Cà Văn Hao đến ngã 3 vào bản He (Trạm khuyến nông xã Chiềng Khoang) + 500m đi về phía Quỳnh Nhai	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Quốc lộ 6B: Đoạn từ ngã ba vào bản He (Trạm khuyến nông xã Chiềng Khoang) – 500 m đến nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Chiềng Bằng	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Quốc lộ 6B: Đoạn từ nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Chiềng Bằng đến Cổng chào huyện Quỳnh Nhai (gần cây xăng Sơn Lâm)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Trục đường 279						
1	Từ trạm biến áp (Quán Nguyệt Nga cũ xã Mường Giàng) đến hết cây xăng Hải Vinh xã Mường Giôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ đầu cầu bản Bo (gần nhà ông Tòng Văn Tiến) đến hết địa phận ranh giới huyện Quỳnh Nhai và huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ trạm biến áp (Quán Nguyệt Nga cũ) đến hết nhà ông Cầm Văn Nam bản Pom Mường xã Mường Giàng (trừ 150m đường đi bến phà Pá Uôn)	1,5	1,1	1,1	1,1	1,1	
4	Từ hết đất nhà ông Cầm Văn Nam bản Pom Mường, xã Mường Giàng đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai (Ranh giới huyện Quỳnh Nhai với Tuần Giáo)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
III	Trục đường Tỉnh lộ 107						
1	Từ ngã ba bản Bon (xã Mường Chiên) đến Ngã ba bản Huổi Kẹm (xã Chiềng Khay)	1,0	1,0	1,0	1,0		
2	Từ nhà ông Bùi Minh Trung bản Bo xã Mường Giôn đến hết đất trạm khuyến nông xã Chiềng Khay	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã ba Huổi Kẹm, bản Phiêng Bay đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai (giáp ranh huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
IV	Trục đường Tỉnh lộ 116						
1	Đoạn đầu nối Quốc lộ 6B đến bến phà Nậm Ét (địa phận xã Chiềng Khoang)	1,0	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ ngã ba Bến phà Nậm Ét đến ngã ba bản Muông xã Nậm Ét	1,0	1,0	1,0	1,0		
3	Từ ngã ba bản Muông xã Nậm Ét đi đến hết địa phận xã Nậm Ét (giáp ranh giới xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu) trừ đất thuộc tuyến đường trong trung tâm xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
V	Trục đường chính cấp huyện						
1	ĐH.02: Đường vào xã Pá ma Pha Khinh - Mường Chiên - Cà Nàng (trừ đoạn trung tâm xã Mường Chiên, trung tâm xã Cà Nàng)	1,0	1,0	1,0	1,0		
2	Đường vào xã Chiềng Bằng (ĐH.08: Từ ngã ba Huổi Cuối + 500 m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Đường vào xã Chiềng Bằng (ĐH.08: Từ ngã ba Huổi Cuối + 500m) đến Cảng thủy sản	1,0	1,0	1,0	1,0		
4	Đường liên huyện Thuận Châu - Quỳnh Nhai (ĐH.05: Từ ngã ba bản Phiêng Ban tiếp giáp đường 279 đến địa phận xã Phổng Lái huyện Thuận Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0		
5	Đường vào xã Mường Giàng (ĐH.04: Từ quốc lộ 279 đến bản Kiếu Hát, xã Mường Giàng)	1,0	1,0	1,0	1,0		
6	Đường liên huyện Quỳnh Nhai - Mường La (ĐH.01: Từ bản Cút xã Mường Giôn đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Đường vào xã Chiềng Ôn (ĐH.03: Từ Quốc lộ 279 đến bản Bình Yên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Đường vào xã Mường Sại (ĐH.06: Từ tỉnh lộ 116 đến nhà ông Ngàn Văn Liếm bản Còi)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Đường vào xã Nậm Ét (ĐH.07: từ tỉnh lộ 116 đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai, giáp xã Liệp Tè huyện Thuận Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
B2	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ						
I	Các tuyến đường trung tâm xã Mường Giôn						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
-	Từ cây xăng Hải Vinh đến đầu cầu bản Bo (gần nhà ông Tòng Văn Tiến)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
II	Các tuyến đường trung tâm xã Chiềng Khay						
1	Tỉnh lộ 107 (từ Trạm khuyến nông đến ngã ba Huổi Kẹm)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đoạn tiếp giáp tỉnh lộ 107 (Km 12 + 900) đến chân dốc Đồng Hiêm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Đoạn tiếp giáp tỉnh lộ 107 (Km 12 + 500) đến ngã ba trường trung học cơ sở dân tộc bản trú xã Chiềng Khay	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
III	Các tuyến đường trung tâm xã Nậm É						
1	ĐH:07 Đoạn từ ngã ba bản Muông đến nhà ông Lường Văn Hảy bản Nong + 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ chợ trung tâm xã Nậm É đến ngã ba nối trục đường ĐH:07	1,0	1,0	1,0	1,0		
IV	Các tuyến đường trung tâm xã Mường Sại						
-	Đoạn đầu nối từ đường ĐH.06 (ngã ba trạm phát sóng VIETTEL) đến nhà ông Là Văn Cường bản Búa Bon	1,1	1,0	1,0	1,0		
V	Các tuyến đường trung tâm xã Pá Ma Pha Khinh						
-	Đường vào trụ sở UBND xã (từ Đh.02 đến hết khu vực trường cấp I + II)	1,0	1,0	1,0	1,0		
VI	Các tuyến đường trung tâm xã Mường Chiên						
-	Đường Đh.02: Đoạn từ bãi đá Bản Bon đến công nhà ông Đạt bản Hua Sát	1,0	1,0	1,0	1,0		
VII	Các tuyến đường trung tâm xã Cà Nàng						
-	Đường ĐH.02: Đoạn từ trạm Y tế xã đến cầu tràn xã Cà Nàng (đường đi điểm TĐC Huổi Pha)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	
B3	Đất ở thuộc địa bàn các xã của huyện Quỳnh Nhai	1,0	1,0	1,0	1,0		

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN THUẬN CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số: 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Thị trấn Thuận Châu					
1	Đoạn từ cầu trên đường Tây Bắc giáp chợ hướng đi Sơn La (cả 2 bên đường)					
a	Đường Tây Bắc (Hướng đi Sơn La)					
-	Từ Km 335 + 750 m (từ cầu suối cạn đường vào phòng Giáo dục) đến đường vào Bệnh viện huyện	1,0	1,0	1,0		
-	Từ đường vào Bệnh viện huyện đến hết đất nhà ông Chăm Văn Tỉnh	1,0	1,0	1,0		
-	Từ hết đất nhà ông Chăm Văn Tỉnh (Tiểu khu 10 thị trấn) đến Km 334 + 310 m (đến hết đường đôi)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 334 + 310 m (từ hết đường đôi) đến Km 333 + 640 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 333 + 640 m đến hết nhà ông Quàng Văn Dân	1,0	1,0	1,0	1,0	
b	Phố Pha Luông					
-	Đường số 1 khu vực quy hoạch dịch vụ bờ hồ Chợ trung tâm	1,0				
-	Ngõ số 1 từ đường Tây Bắc vào cổng Chợ trung tâm (trừ lô đất giáp đường vào chợ)	1,0				
-	Ngõ số 2 từ đường Tây Bắc vào cổng chợ trung tâm (trừ lô đất giáp đường vào chợ)	1,0				
-	Từ đường số 1 sang đường số 6 tuyến đường số 4 (trừ lô đất giáp đường số 1)	1,0				
-	Từ đường Tây Bắc đi cổng sau chợ tuyến đường số 6 (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0				
c	Đường Tây Bắc (Hướng đi Điện Biên)					
-	Từ hết Km 335 + 750 m (từ cầu suối cạn đường vào phòng Giáo dục Tiểu khu 6 thị trấn) đến Km 336 + 100 m (đến đầu lên phố Nguyễn Lương Bằng)	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đường 21-11 (Hướng đi Điện Biên)					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ hết Km 336 + 100 m (từ đầu lên Phố Nguyễn Lương Bằng) đến Km 336 + 280 m (đến khu đất hạt 108)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 336 + 280 m (từ khu hạt 108) đến Km 336 + 530 m (đến qua ngã ba đường đi Co Mạ hướng Điện Biên 20 m)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 336 + 530 m (từ cách ngã ba đường 21 - 11 đường đi Co Mạ hướng đi Điện Biên 20 m) đến Km 337 + 420 m (đến hết đất hồ Noong Hoi bản Bó xã Chiềng Ly)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 337 + 420 m (từ khu vực hồ Noong Hoi bản Bó xã Chiềng Ly) đến Km 338 + 260 m (đến khu vực nghĩa trang bản Coóng)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 338 + 260 m (đến hết đất khu vực nghĩa trang bản Coóng) đến Km 339 + 260 m (đến cuối đường đôi)	1,0	1,0			
3	Đường Trung Dũng (cả hai bên)					
-	Từ đường Tây Bắc đến ngã ba đi phố 23-8 (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba đi phố 23-8 đến ngã tư đường lên trường Tiểu học thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã tư đường lên trường Tiểu học thị trấn đến cổng phụ trường ĐH Tây Bắc (cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cổng phụ trường ĐH Tây Bắc (cũ) đến khu hiệu bộ trường ĐH Tây Bắc (đầu ngõ 124 đường Trung Dũng)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cổng trường ĐH Tây Bắc (cũ) đến ngã tư đầu phố Chu Văn An (đường Quy hoạch)	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Các đường nhánh còn lại nối với Đường Tây Bắc					
-	Đường vào Đội đô thị đến Trạm biến thế (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đường Tỉnh lộ 108					
-	Từ ngã ba bản Pán đường 21-11 đường lên Co Mạ đến cầu Suối Muội (trừ lô đất giáp đường 21-11)	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Phố Nguyễn Lương Bằng (cả hai bên)					
-	Từ ngã ba Quốc lộ 6 đến cổng trường Đại học Tây Bắc (trừ lô đất giáp Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Phố Khau Tú (cả hai bên)					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngã ba đường Trung Dũng lên trường Tiểu học thị trấn đến hết đất nhà ông Bê Hùng	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Phố Lò Văn Hặc (cả hai bên)					
-	Từ ngã ba đường Tây Bắc đến cổng UBND huyện (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 1: Từ hết đất nhà ông Bắc Duyên đến hết đất nhà ông May (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 2: Từ hết đất nhà ông Lực đến hết đất nhà ông Lê (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 3: Từ hết đất nhà ông Trung Lê đến hết đất nhà ông Áo (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 4: Từ hết đất nhà ông Yến Duyên đến hết đất tập thể Ngân hàng cũ (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 5: Từ hết đất nhà ông Hưng Lan đến giáp đất nhà Khách UBND huyện (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
9	Phố Chu Huy Mân (cả hai bên đường)					
-	Từ ngã ba đường Tây Bắc đến hết đất nhà khách UBND huyện (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0		
10	Phố 23-8					
-	Đường nối từ Phố Chu Huy Mân sang đường Trung Dũng (trừ lô đất thuộc phố Lò Văn Hặc và phố Chu Huy Mân)	1,0	1,0	1,0		
11	Phố Lê Hữu Trác (cả hai bên)					
-	Từ ngã ba đường Tây Bắc đến cầu Suối Muội (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cầu Suối Muội đến cổng Bệnh viện đa khoa Thuận Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Các tuyến đường thuộc khu dân cư Tiểu khu 9	1,0	1,0	1,0		
12	Phố Chu Văn An					
-	Từ ngã tư (đường lên ngõ số 1) đến ngã ba ngõ số 38 phố Chu Văn An (giáp trường Tiểu học Chiềng Ly)	1,0	1,0	1,0		
-	Từ ngã ba ngõ số 38 phố Chu Văn An (giáp trường Tiểu học Chiềng Ly) đến đường 21-11 (trừ lô đất giáp đường 21-11)	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngã tư (đường lên ngõ số 1) đi hướng đi phố 7-5 đến đường 21-11	1,0	1,0	1,0		
-	Từ ngã tư đầu phố Chu Văn An lên ngõ số 1 đến hết đất nhà ông Toàn	1,0	1,0	1,0		
13	Phố 7-5					
-	Từ ngã ba giáp phố Nguyễn Lương Bằng đến ngã ba giao với Phố Chu Văn An (nhà ông Giang Văn Đáp)	1,0	1,0	1,0	1,0	
14	Các đường nhánh còn lại nối với đường Tây Bắc và đường 21-11					
-	Từ hết ngã ba đường Tây Bắc + 150 m vào bản Đông cạnh đất UBND thị trấn (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đường từ đường Tây Bắc ngõ số 188 (cạnh đất ngân hàng chính sách) đến ngã ba nhà ông Đoàn Hường (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba nhà ông Đoàn Hường đến ngã ba phố Nguyễn Lương Bằng (đầu ngõ số 42 cổng Sân vận động)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba phố Nguyễn Lương Bằng (ngõ số 34) đến hết số nhà 31 (đất nhà Huyền Sơn)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ đầu ngõ số 128 đường 21-11 (đường lên trường THPT Thuận Châu) đến cổng Trường nội trú	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Các tuyến đường còn lại trong nội thị trấn, xe con, xe công nông đi vào được, trừ các lô đất giáp trục đường chính chưa được quy định ở các điểm ở trên	1,0	1,0	1,0	1,0	
15	Khu dân cư					
-	Khu dân cư còn lại trong nội Thị trấn chưa quy định ở trên	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Thị tứ Tông Lạnh, huyện Thuận Châu					
1	Từ ngã ba Quốc Lộ 6 hướng đi Sơn La (hai bên đường)					
-	Từ ngã ba Km 328 + 150 m (đường đi Quỳnh Nhai) đến Km 327 + 400 m (đến khu đất chợ)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 327 + 400 m (hết khu đất chợ) đến Km 327 + 300 m (đến hết đất nhà ông Nhã Loan Tiểu khu 1 Tông Lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 327 + 300 m (từ giáp đất nhà ông Nhã Loan Tiểu khu 1 Tông Lạnh) đến Km 327 + 220 m (đến hết cây xăng dầu Lương thực Tiểu khu 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ hết Km 327 + 220 m (từ giáp đất cây xăng dầu Lương thực TK 1 đến Km 326 + 775 m (giáp cầu Vòm Chiềng Pắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ Trung tâm đường Quốc Lộ 6 hướng đi Quỳnh Nhai (hai bên đường Quốc lộ 6B)					
-	Từ trung tâm đường Quốc lộ 6 hướng đi Quỳnh Nhai (cả hai bên đường Quốc lộ 6B) Từ Km 00 + 250 m (khu đất nhà Dung Bản) trừ các lô đất giáp trục đường Quốc Lộ 6	1,1	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 00 + 250m (từ giáp đất nhà ông Dung Bản cũ) đến ngã ba bản Bai (giao với đường Quốc lộ 6B) (Tiểu khu 4 Tông Lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba bản Bai đến cầu bản Hình (đường QL 6B) xã Tông Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba bản Bai (giao với đường QL 6B) đến cầu bản Hình (mới) xã Tông Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Trung tâm ngã ba đường Quốc lộ 6 hướng đi Thuận Châu					
-	Từ ngã ba Quốc lộ 6 Km 328 + 200m (đường đi Quỳnh Nhai) đến Km 328 + 400 m (đến hết đất của hàng xăng dầu Tiểu khu 3 Tông Lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết Km 328 + 360 m (từ giáp đất của hàng xăng dầu Tiểu khu 3 Tông Lạnh) đến Km 328 + 600 m (đến hết đất nhà ông Quàng Sơ bản Cuông Mường xã Tông lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Km 328 + 600 m (hết đất nhà ông Quàng Sơ bản Cuông Mường xã Tông Lạnh) đến khu đất ao quốc phòng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đất ao Quốc phòng đến hết đất quán ăn Hương Rừng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ giáp quán ăn hương rừng đến cầu trắng (cầu Suối Muội)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Khu dân cư					
-	Khu đất xung quanh trường phổ thông Trung học Tông Lạnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu đất đường vào trường phổ thông Trung học (trừ lô đất giáp Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Các tuyến đường còn lại quanh khu vực Thị tứ Tông Lạnh chưa quy định tại các điểm trên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Cụm dân cư Nam Tiến, xã Bon Phặng - Phiêng Bông, Muối Nội (đường Quốc lộ 6)					
1	Từ đường vào Sân bóng bản Nam Tiến đến cách ngã ba đi Bản Lằm 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đi Bản Lằm về Thuận Châu 200 m, về phía Sơn La 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cách ngã 3 đi Bản Lằm 200 m đến ranh giới thành phố Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Cụm dân cư xã Chiềng Pắc (đường Quốc lộ 6)					
1	Từ cổng Nhà máy Xi măng đi hướng Thuận Châu 100 m, đi hướng Sơn La 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cách cổng nhà máy Xi măng 100 m hướng đi Thuận Châu đến hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp (đường vào bản Xi Măng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp (đường vào bản Xi Măng) đến Cầu Vòm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Cụm xã Chiềng Pha (Đường Quốc lộ 6)					
1	Từ trụ sở UBND xã hướng đi Sơn La 300m và hướng đi tỉnh Điện Biên 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cửa hàng Thương nghiệp hướng đi Sơn La (đến vị trí tiếp giáp Mục 1, cụm xã Chiềng Pha), hướng đi tỉnh Điện Biên 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đường mới: Chiềng Pha (giáp quốc lộ 6) đi Chiềng La 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Cụm dân cư xã Nong Lay và xã Tông Cọ					
1	Trung tâm ngã ba Chiềng Ngảm đi 3 hướng					
-	Đi hướng Quốc lộ 6 400 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đi hướng Quỳnh Nhai 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đi hướng Chiềng Ngảm 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đoạn đường từ cầu bản Hình đến hết đất Cơ sở vệ tinh Thuận Châu	1,0	1,0			
3	Từ hết đất Cơ sở vệ tinh Thuận Châu đến đường đi vào Nhà máy chế biến mủ cao su Châu Thuận	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Từ đường đi vào Nhà máy chế biến mủ cao su Châu Thuận đến hết thửa đất nhà ông Pó + 100 m	1,0	1,0			
5	Từ hết đất trang trại nhà ông Pó đến cách trung tâm ngã ba đi Chiềng Ngâm 400 m	1,0	1,0			
6	Từ chân dốc Bó Mạ đến giáp ranh huyện Quỳnh Nhai cả hai bên (trừ 300 m cụm xã Noong Lay)	1,0	1,0			
V	Cụm dân cư xã Chiềng La					
1	Từ nhà ông Bạ đến hết đất ông Hà	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Trung tâm ngã ba đi bản Long Cạo đến hết đất nhà ông Cà Văn Hốp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Trung tâm xã Phông Lái: Lấy ngã ba đường Quốc lộ 6 đường đi bản Mô Cống làm trung tâm (cả hai bên đường)					
1	Từ giữa ngã ba Quốc lộ 6 đường đi Mô Cống, hướng đi Sơn La đến hết đất cây xăng của DN Thanh Nga cả hai bên đường	1,0	1,0			
2	Từ hết đất cây xăng DN Thanh Nga hướng đi Thị trấn Thuận Châu đến hết đất nhà ông Phước cả hai bên	1,0	1,0			
3	Đường Quốc lộ 6 cũ (từ lô đất nhà bà Vân Anh đi phía thị trấn Thuận Châu đến ngã ba Quốc lộ 6 cũ) giáp khu đất Mục 2- Phần VI)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ giữa Ngã ba đường đi bản Mô Cống hướng đi Điện Biên đến hết thửa đất nhà Phụng Lảnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ giữa ngã ba Quốc lộ 6 đường đi bản Mô Cống đến đường vào bản Kiến Xương	1,0	1,0			
6	Từ ngã ba vào bản Kiến Xương đến hết Trường trung học cơ sở	1,0	1,0			
7	Từ giáp đất nhà Phụng Lảnh đến qua đường vào bản Khau Lay 100m (chân đèo Pha Đin)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Trung tâm xã Phông Lãng					
1	Từ giáp đường đôi về hướng Điện Biên qua UBND xã 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Khu vực các điểm giáp ranh					
1	Đất trục đường Quốc lộ 6 từ giáp ranh giới thành phố Sơn La đến giáp ranh giới tỉnh Điện Biên chưa quy định tại các điểm trên	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Đất các khu dân cư ven trục đường giao thông chưa nêu ở trên	1,0	1,0	1,0		
IX	Đất cụm xã, trung tâm xã Mường Bám					
1	Dọc đường tỉnh lộ 108 từ bản Nà La đến bản Nà Cầu (giáp xã Xuân Lao Mường Ảng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đường đi Nà Làng đến bản Phèn A-B	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba đường đi Bôm Kham đến bản Pá Chóng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba bản Lào đi vào bản Pá Sàng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cầu treo bản Lào đi đến cầu cứng bản Nà La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
X	Đất cụm xã, trung tâm xã Co Mạ					
1	Từ Cây xăng của công ty TNHH Hùng Mậu đến trụ sở UBND xã Co Mạ nằm trên tuyến đường 108	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Ngã ba đi Long Hẹ 200 m vào đến bản Pha Khuông	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ Bản Nong Vai đến chợ trung tâm 3 xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ bản Co Mạ đến bản Po Mậu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XI	Đất cụm xã, trung tâm xã chưa được quy định ở các mục trên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XII	Các tuyến đường còn lại trừ các tuyến đường đã xác định ở trên có mặt đường rộng từ 4 m trở lên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIII	Các tuyến đường còn lại trừ các tuyến đường đã xác định ở trên có mặt đường rộng 2m đến dưới 4 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIV	Các tuyến đường còn lại trừ các tuyến đường đã xác định ở trên có mặt đường rộng từ 2 m trở xuống	1,0				

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN MƯỜNG LA**

Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Đường Tô Hiệu					
1	Từ ngã ba huyện ủy cũ hướng đi Sơn La đến hết trụ sở Điện lực huyện Mường La	1,1	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết trụ sở Điện lực Mường La đến công thoát lũ tiểu khu 4	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ công thoát nước tiểu khu 4 đến ngã ba Nà Kè	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã ba Huyện ủy cũ đến suối cạn giáp bản Chiềng Tè	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ Suối cạn giáp bản Chiềng Tè đến Cầu Nậm Păm mới	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Đường Lê Thanh Nghị					
	Từ ngàm suối Nậm Păm cũ đến ngã ba hướng đi xã Pi Toong 100 m, hướng đi xã Ngọc Chiến 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
III	Phố Lò Văn Giá					
1	Từ ngã ba huyện ủy cũ đến ngã ba Ban Quản lý dự án di dân tái định cư huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã ba Ban quản lý dự án di dân tái định cư huyện đến công Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ công Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện đến hết đất sân bay	1,0	1,0	1,0	1,0	
IV	Đường từ đường Tô hiệu đến hết sân vận động (tiểu khu 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	
V	Phố Lê Trọng Tấn					
-	Từ ngã ba Ban quản lý dự án di dân tái định cư huyện đi đến hết hiệu sách (cạnh Ngân hàng BIDV)	1,0	1,0	1,0	1,0	
VI	Đoạn đường từ điểm tiếp giáp với đường Tô Hiệu đến công Chi cục Thống kê huyện Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	
VII	Phố Nguyễn Chí Thanh					
-	Từ ngã tư chợ đi đến công chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
VIII	Phố Ít Ong					
1	Từ ngã tư chợ hướng đi trụ sở UBND thị trấn Ít Ong đến hết nhà ông Đỗ Văn Hưng	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Tiếp từ hết nhà ông Đỗ Văn Hưng đến ngã ba hết đất nhà ông Lương Văn Biên	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã ba hết đất nhà ông Lương Văn Biên đến cầu treo Đông Mệt	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đường từ ngã ba đến hết đất nhà ông Lương Văn Biên hướng đi nhà văn hóa bản Hia Ít cũ đến nhà ông Lò Văn Tiễn	1,0	1,0	1,0	1,0	
IX	Đường vào hai bên thao trường quân sự cũ (Tiểu khu 5)	1,0	1,0	1,0	1,0	
X	Đường Trần Huy Liệu					
1	Từ ngã ba Nà Kè đến trạm điện 110kv	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ trạm điện 110kv đến ngã ba bản Tráng (Đồn Công an Thủy điện)	1,0	1,0	1,0	1,0	
XI	Đường từ ngã ba bản Tráng (Đồn công an thủy điện) đi hướng Sơn La, đến cầu cứng	1,0	1,0	1,0	1,0	
XII	Đường từ ngã ba bản Tráng (đồn công an thủy điện) đi hướng Chiềng San đến cầu bản Giàng	1,0	1,0	1,0	1,0	
1	Đường quy hoạch trong khu bản Giàng, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIII	Các tuyến đường trong khu vực công trường Thủy điện Sơn La					
1	Đường từ ngã ba Nà Kè đi đến hết đất Trung tâm truyền thông văn hóa	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đường từ hết đất trung tâm truyền thông văn hóa đến hết đất nhà máy may	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Đường từ hết đất nhà máy may đến ngã ba giáp trường mầm non Sông Đà cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đường từ ngã ba giáp trường mầm non Sông Đà cũ đi hướng trường mầm non Sông Đà cũ 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đường từ ngã ba giáp trường mầm non Sông Đà cũ đi đến cầu Nà Lo	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Đường từ trường mầm non Sông Đà cũ hướng đi cầu Nà Lo 250 m	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
7	Đường đi qua các khu đất liền kề 2 và liền kề 3 trong quy hoạch mặt bằng công trường Thủy điện Sơn La	1,0	1,0			
8	Đường đi qua khu đất liền kề 4 trong quy hoạch mặt bằng công trường Thủy điện Sơn La	1,0	1,0			
9	Đường từ cầu cứng Mường La đến công Parabol nhà máy thủy điện Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Đường từ ngã ba (đường lên Trạm truyền thanh - truyền hình Nà Kè) đến Hợp tác xã chăn nuôi Ít Ong	1,0	1,0	1,0	1,0	
11	Đường từ sân bóng thủy điện Sơn La đến đường lên Trạm truyền thanh - truyền hình Nà Kè	1,0	1,0	1,0	1,0	
12	Đường quy hoạch vào khu đất Tát Pát thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIV	Các đoạn đường xóm có chiều rộng mặt đường từ 4m trở lên không kể rãnh thoát nước	1,0	1,0	1,0	1,0	
XV	Các đoạn đường xóm có chiều rộng mặt đường từ 2,5m đến dưới 4m không kể rãnh thoát nước	1,0	1,0	1,0	1,0	
XVI	Các đoạn đường xóm có chiều rộng mặt đường dưới 2,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
XVII	Đường quy hoạch vào khu đất kho lương thực cũ tại tiểu khu 1, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	1,0	1,0			
XVIII	Đường từ cầu bản Rạng đi hướng Chiềng San đến hết địa phận thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH					
1	Từ đầu cầu Bản Két đi hướng Mường La đến Cầu tạm cũ	1,0	1,0	1,0		
2	Trục đường quốc lộ 279D Sơn La - Mường La (trừ các đoạn đường đã quy định giá)	1,0	1,0			
3	Các trục đường trải nhựa	1,1	1,1			
4	Các trục đường ô tô còn lại	1,1	1,1			
II	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ					
1	Xã Mường Bú					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ cổng lâm trường đi hướng Mường La đến ngã ba đường đi vào bản Bùng; đi hướng Mường Chùm qua ngã ba Mường Chùm 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ tiếp 300 m hướng đi Mường Chùm đến hết đất nhà ông Lò Văn Bình, bản Cúp	1,0	1,0			
-	Từ cổng lâm trường đi hướng Sơn La đến nhà ông Ủa, bản Giàn	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất nhà ông Ủa, bản Giàn đi hướng Sơn La đến ngã ba đường vào mỏ đá Nang Phai	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đường từ ngã ba bản Giàn đi hướng bản Nang Phai đến hết đất Trường mầm non Mường Bú	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất Trường mầm non Mường Bú đến giáp xã Bó Muối, huyện Thuận Châu	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch khu đất kho lương thực cũ, xã Mường Bú, huyện Mường La	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch trong khu đất trụ sở Công an xã Mường Bú	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Xã Mường Chùm					
2.1	Đoạn đường từ cổng UBND xã Mường Chùm đi hướng Mường La 700m	1,0	1,0	1,0		
2.2	Đoạn đường từ cổng UBND xã Mường Chùm đến hết đất nghĩa địa bản Cuông Mường	1,0	1,0	1,0		
3	Xã Chiềng Hoa					
-	Từ cổng UBND xã Chiềng Hoa đi các hướng trục chính 300 m	1,0	1,0	1,0		
4	Xã Ngọc Chiến					
4.1	Đường từ cổng UBND xã Ngọc Chiến đến Trạm y tế xã	1,0	1,0	1,0		
4.2	Đường từ cổng UBND xã Ngọc Chiến đến hết bản Đin Lanh	1,0	1,0	1,0		
4.3	Đường từ Trạm y tế xã đến giáp đất tỉnh Yên Bái	1,0	1,0	1,0		
4.4	Đường từ bản Đin Lanh đến dốc 30	1,0	1,0	1,0		
4.5	Đường quy hoạch vào vị trí 2 khu đất số 16 (đất dự phòng) Khu Trung tâm xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	1,0				
5	Xã Chiềng Lao					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5.1	Đường từ cổng UBND xã Chiềng Lao đi hướng Mường La đến trại cá giống An Đạt bản Nà Noong; đi hướng huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu đến nhà ông Lường Văn Muôn bản Phiên Cại	1,0	1,0	1,0		
5.2	Tuyến đường từ bản Nhạp, Huổi Choi đến bản Léch xã Chiềng Lao	1,0	1,0	1,0		
5.3	Tuyến đường từ đầu bản Huổi La dọc đường 279D đến hết địa phận xã Chiềng Lao (trừ đoạn đường bản Nhạp, Huổi Choi đến bản Léch và Đường từ cổng UBND xã Chiềng Lao đi hướng Mường La đến trại cá giống An Đạt bản Nà Noong; đi hướng huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu đến nhà ông Lò Văn Muôn bản Phiên Cại)	1,0	1,0	1,0		
5.4	Tuyến đường từ Nhà máy thủy điện Huổi Quảng đi hướng xã Nậm Giôn hết địa phận xã Chiềng Lao	1,0	1,0	1,0		
5.5	Tuyến đường từ bến đò bản Su Sầm đến nhà văn hóa bản Nà Viêng	1,0	1,0	1,0		
6	Xã Tạ Bú					
-	Từ cổng UBND Tạ Bú đi các hướng trực chính 200m	1,0	1,0	1,0		
7	Xã Pi Toong					
7.1	Từ cổng UBND xã Pi Toong đi các hướng trực chính 800 m	1,0	1,0	1,0		
7.2	Đường từ cổng Trường THCS xã Pi Toong đi các hướng 300 m	1,0	1,0	1,0		
8	Xã Chiềng San					
-	Đường từ Trung Tâm xã Chiềng San đi 2 hướng trực chính 400 m	1,0	1,0	1,0		
9	Xã Nậm Păm					
9.1	Cổng trụ sở UBND xã Nậm Păm đi 2 hướng 500m dọc theo trục đường chính	1,0	1,0	1,0		
9.2	Các đoạn đường tỉnh lộ 109 trên địa bàn xã Nậm Păm còn lại	1,0	1,0	1,0		
10	Xã Hua Trai					
10.1	Đường từ đầu Cầu Nậm Trai xã Hua Trai đi đến hết bản Nà Lòi	1,0	1,0	1,0		
10.2	Đường từ hết bản Nà Lòi đi hướng Mường La đến hết bản Ái Ngựa xã Hua Trai	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
10.3	Đường từ ngã ba bản Phiêng Phé đi hướng bản Lọng Bong đến hết bản Lè xã Hua Trai	1,0	1,0	1,0		
11	Xã Nậm Giôm					
-	Đường từ cổng UBND xã Nậm Giôn đi 2 hướng 500m dọc theo trục đường chính	1,0	1,0			
12	Xã Chiềng Công					
12.1	Từ cổng UBND xã Chiềng Công đi 2 hướng trục đường chính 500 m	1,0	1,0	1,0		
12.2	Từ cổng rẽ vào vào Trường phổ thông dân tộc bán trú. Trung học cơ sở Chiềng Công đi hướng Mường La và hướng UBND xã Chiềng Công 500 m	1,0	1,0	1,0		
13	Xã Mường Trai					
-	Từ cổng UBND xã Mường Trai đến Trạm y tế mới	1,0	1,0	1,0		
14	Xã Chiềng Ân					
14.1	Đường từ Trung tâm xã Chiềng Ân đến trạm y tế xã	1,0	1,0			
14.2	Đường từ Trung tâm xã Chiềng Ân đến ngã ba bản Nong Bông	1,0	1,0			
15	Xã Chiềng Muôn					
15.1	Đường từ trạm y tế xã đến hết nhà ông Đinh Văn Thông	1,0	1,0			
15.2	Đường từ ngã ba nhà ông Cứ A Dạng đến ngã ba đi bản Hua Kim	1,0	1,0			
III	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN SÔNG MÃ**

(Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Các trục đường chính					
1	Đường Cách mạng tháng 8					
-	Từ ngã tư giao với đường Lý Tự Trọng đến ngã tư giao với đường 19 tháng 5	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã tư giao với đường 19/5 đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba Trung tâm y tế đến ngã ba giao với đường Võ Thị Sáu	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba giao với đường Võ Thị Sáu đến đường rẽ Lý Tự Trọng	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đường Hồ Xuân Hương	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Đường 19 tháng 5					
-	Từ ngã tư (đèn tín hiệu giao thông) đến Cầu Treo	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã tư đến kênh thoát nước Tổ dân phố 9	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đường Hoàng Văn Thụ					
-	Từ đầu cầu cứng đến đường Cách mạng tháng 8	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đường Lò Văn Giá					
-	Từ ngã ba giáp đường 19/5 đến ngã ba giáp đường Lý Tự Trọng	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba giáp đường Lý Tự Trọng đến ngã ba giáp Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Đường Lê Văn Tám	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Đường Nguyễn Đình Chiểu					

STT	Tuyến đường Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8 đến giáp đường Thanh niên	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8 đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thuyền (số nhà 7)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đoạn Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thuyền (khu vực kênh thoát nước tổ 9) đến hết đất nhà bà Lò Thị Hoa (số nhà 57)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất nhà bà Hoa (công an huyện) đến hết đất M21 đường cách mạng Tháng tám	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Phố Hai Bà Trưng	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Đường Mòng 2 tháng 9					
-	Từ Bến xe đến ngã ba bản Địa	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba bản Địa đến hết đất nhà ông Tòng Văn Ọ (số nhà 41)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Tòng Văn Ọ (số nhà 41) đến hết đất nhà ông Lợi	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Đường Biên Hoà					
-	Từ ngã ba Bến xe đến hết đất trụ sở Nhà máy nước	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất trụ sở Nhà máy nước đến cầu Nà Hin	1,0	1,0	1,0	1,0	
11	Đường Thanh Niên					
-	Từ đầu cầu treo đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba giao với Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Bến xe	1,0	1,0	1,0	1,0	
12	Đường Nguyễn Thái Học	1,0	1,0	1,0	1,0	
13	Đường Võ Thị Sáu	1,0	1,0	1,0	1,0	
14	Đường Lý Tự Trọng					
-	Từ M21 tính từ Quốc lộ 4G đến hết đất Công an huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất Công an huyện đến hết đường	1,0	1,0	1,0	1,0	
15	Đường Lê Hồng Phong					
-	Từ đất Trung tâm y tế huyện đến giáp địa phận xã Nà Nghiu (giáp đất nhà ông Lê Hữu Ngọc, số nhà 52)	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
16	Đường Nguyễn Du (đoạn từ UBND thị trấn đến nhà văn hóa tổ dân phố 8, 9)	1,0	1,0	1,0	1,0	
17	Đường dọc bờ kè Sông Mã (từ tổ dân phố số 2 đến hết tổ dân phố 11)					
-	Từ nhà máy nước đến cầu cứng sông Mã	1,0				
-	Từ cầu cứng sông Mã đến cầu treo	1,0				
-	Từ cầu treo đến đường rẽ đi đường Lý Tự Trọng	1,0				
-	Từ đường rẽ đi đường Lý Tự Trọng đến đường rẽ đi đường Hoàng Quốc Việt (đất nhà bà Hiền Đương cũ)	1,0				
-	Từ đường Hoàng Quốc Việt (đất nhà ông Ngọc) đến hết bờ kè	1,0				
II	Các đường khu vực					
1	Đường Lý Tự Trọng (từ ngã tư Công an (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến vị trí 1 đường Lò Văn Giá)	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Phố Hoàng Quốc Việt (từ ngã ba Viện Kiểm sát (từ M 21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến, giáp vị trí 1 đường Lò Văn Giá)	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã ba nhà Văn hoá tổ dân phố 12 (từ M 21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết nhà Ông Tường Thế Tá (số nhà 20)	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đường Lê Văn Lương Từ ngã ba xăng dầu TDP 11 (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Trần Văn Tiến số nhà 20)	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Đường Chu Văn An (từ nhà ông Lương Văn Thuông (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Đỗ Ngọc Thảo)	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Đường Chu Văn An (đường lên trường PTTH (từ mét 21 tính từ đường Lê Văn Tám) đến hết nhà ông Lò Văn Chính)	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Phố Đào Tấn (từ nhà ông Biên (từ M21 tính từ đường Cách mạng T8) đến vị trí 1 đường Thanh Niên. (Tổ 6))	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Phố Bến Phà (đường từ đất trường Mầm Non (từ M21 tính từ đường Lê Văn Tám) đến vị trí 1 đường Thanh Niên)	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Từ nhà ông Hồng (tính từ M21 đường Hoàng Văn Thụ đến hết đất kho Công ty thương nghiệp) (tổ 5)	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
11	Phố Nguyễn Lương Bằng (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Lò Văn Nghĩa (số nhà 90) đến đường Thanh niên (tổ 7))	1,0	1,0	1,0	1,0	
12	Phố Lý Thường Kiệt (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Lê Duy Ninh (số nhà 80) đến đường Thanh niên (tổ 7))	1,0	1,0	1,0	1,0	
13	Phố Ngô Gia Tự (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Khổng Văn Tạo (số nhà 70) đến đường Thanh niên (tổ 7))	1,0	1,0	1,0	1,0	
14	Phố Kim Đồng (từ vị trí tiếp giáp đất Bưu điện đến hết đất nhà ông Hùng (tổ 8))	1,0	1,0	1,0	1,0	
15	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Nguyễn Tiến Dũng (số nhà 19) đến hết đất nhà ông Dương Văn Quảng (tổ 8)	1,0	1,0	1,0	1,0	
16	Từ hết đất nhà bà Trần Thị Dinh (số nhà 225) đến nhà ông Đặng Văn Biên - Sáng (số nhà 02, tổ 12)	1,0	1,0	1,0	1,0	
17	Từ M21 tính từ đường Cách Mạng Tháng Tám (Ông Lò Văn Chính số nhà 142) đến M21 đường Lò Văn Giá (ông An Hải Hậu số nhà 11)	1,0	1,0	1,0	1,0	
18	Đường rẽ từ UBND thị trấn đến giáp đất bà Dương Văn Viên (số nhà 16)	1,0	1,0	1,0	1,0	
19	Các đoạn đường khác có chiều rộng từ 4 m trở lên	1,0	1,0	1,0	1,0	
20	Các đoạn đường khác có chiều rộng từ 2,5 đến dưới 4 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
21	Các đoạn đường khác có chiều rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH					
1	Xã Mường Sai					
1.1	Đường Quốc lộ 4G					
-	Trung tâm xã: Từ hết cầu bản Sai đến hết đất bản Tiên Chung (hướng đi Sông Mã)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết cầu bản Sai đến hết đất trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Mường Sai (hướng đi Sơn La)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	Các bản khác còn lại (không nằm trên tuyến đường Quốc lộ 4G)	1,0	1,0	1,0		
2	Xã Chiềng Khương					

STT	Tuyến đường Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2.1	Đường Quốc lộ 4G					
-	Từ cửa hàng xăng dầu đến đường vào trường Trung học phổ thông Chiềng Khương	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường đi trường Trung học phổ thông đến cổng Huổi Nương	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng Huổi Nương đến đường vào UBND xã Chiềng Khương	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đường vào UBND xã Chiềng Khương đến hết bản Thống Nhất	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đầu bản Híp đến hết đất bản Tiên Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	Các tuyến đường khu vực					
-	Từ M 21 Quốc lộ 4G đến hết đất Đơn vị C2	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất đơn vị C2 đến hết đất nhà ông Đào Tuấn Anh(bản Khương Tiên)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đường Tuần tra biên giới, Từ M21 Quốc lộ 4G đến ngã ba đường vào bản Búa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường vào trụ sở UBND xã Chiềng Khương đến cổng trụ sở UBND xã Chiềng Khương	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đoạn đường lô bê tông có chiều rộng lớn hơn 3m thuộc các bản Tân Lập, Khương Tiên và bản Hưng Hà	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đoạn đường lô bê tông có chiều rộng lớn hơn 3m thuộc các bản Nam Tiến, Thống Nhất, bản Phụ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến Mường Hung - Chiềng Khương từ bản Cỏ đến hết bản Là	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường từ ngã ba bản Búa đến cầu cứng bản Búa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cầu tràn bản Mo đến hết đất bản Huổi Mo (khu tái định cư)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất nhà ông Anh Ngát đến nghĩa địa bản Huổi Nương	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cầu bản Híp (nhà ông Pâng) đến hết đất nhà ông Sơn bản Híp	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đường vào khu dân cư dọc theo suối Hải Hậu (bản Tiên Sơn)	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2.3	Các bản khác còn lại (không nằm trên tuyến đường Quốc lộ 4G)	1,0	1,0	1,0		
3	Xã Chiềng Cang					
3.1	Đường Quốc lộ 4G					
-	Từ đầu cầu Chiềng Cang qua cầu treo Mường Hung 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba cầu cứng (bản Nhạp) đi 2 hướng 200 m (hướng đi Sơn La và hướng đi Sông Mã)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3.2	Các bản khác còn lại (không nằm trên tuyến đường Quốc lộ 4G)	1,0	1,0	1,0		
3.3	Từ đầu cầu cứng (bản Nhạp) đến Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3.4	Đường đi Phiêng Cầm - Chiềng Nọi, huyện Mai Sơn (địa phận xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Xã Chiềng Khoong					
4.1	Đường Quốc lộ 4G					
-	Từ đường rẽ vào bản Co Pạo đến hết đất trường tiểu học Chiềng Khoong	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất trường Tiểu học Chiềng Khoong đến hết đất cây xăng Hoa Xuân (bản Púng)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất cây xăng Hoa Xuân (bản Púng) đến hết đất bản Hoàng Mã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4.2	Đường Nà Hạ - Mường Hung	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	Các tuyến đường khác trên địa bàn xã Chiềng Khoong					
-	Từ mét 21 đến nhà ông Long (tính từ Quốc lộ 4G đi C3)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất nhà ông Long (tính từ quốc lộ 4G đi C3) đến hết đất nhà ông Pản	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ mét 21 đến nhà ông Chú (tính từ Quốc lộ 4G đi C5)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất nhà ông Chú(tính từ quốc lộ 4G đi C5) đến hết đất nhà ông Phát bản Hua Na	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	Các bản khác còn lại (không thuộc các tuyến đường nêu trên)	1,0	1,0	1,0		
5	Xã Nà Nghịu					

STT	Tuyến đường Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5.1	Đường Quốc lộ 4G					
-	Đoạn đường qua địa phận bản Quyết Tiến (từ đất nghĩa trang liệt sỹ huyện hướng đi Sơn La đến hết địa phận bản Quyết Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5.2	Đường Lê Hồng Phong					
-	Từ hết đất nghĩa trang liệt sỹ huyện đến đường vào điểm trường Hương Nghiu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường vào điểm trường Hương Nghiu đến hết đất cây xăng Anh Trang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất cây xăng Anh Trang đến hết địa phận xã Nà Nghiu (hết đất nhà ông Ngọc)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5.3	Đường 8/3					
-	Từ ngã 3 bản Trại Giồng đến hết đất Chi cục Thuế	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất Chi cục Thuế đến hết đất bản Hưng Mai	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Địa phận bản Nang Cầu, xã Nà Nghiu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5.4	Đường Hoàng Công Chất					
-	Từ ngã ba bản Trại Giồng đến hết đất bản Trại Giồng	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất bản Trại Giồng (đi hướng Mường Lầm) đến đường lên trường mầm non Sao Mai	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường lên trường mầm non Sao Mai đến hết đất bản Nà Nghiu I	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5.5	Đường Hoàng Văn Thụ					
-	Từ đầu cầu cứng đến đường 8/3	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
5.6	Từ đầu cầu treo đến giáp vị trí 1 đường 8/3	1,66	1,0	1,0	1,0	1,0
5.7	Đường Nà Nghiu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)					
-	Từ cầu Nà Hin đến hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp đến đường vào bản Co Phường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên đường Nà Nghiu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5.8	Quốc lộ 12 (Sông Mã - Bó Sinh)					
-	Từ hết địa phận bản Nà Nghiu I đến hết địa giới hành chính xã Nà Nghiu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5.9	Các tuyến đường khu vực					
-	Từ M 21 hướng đi Nà Hin - Phòng Sài đến hết nhà ông Phanh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường vào trụ sở Trại Giồng đến hết đất bể bơi và đường rẽ từ đường Hoàng Công Chất đến sân bóng bản Nà Nghịu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất bể bơi (ông Chuyển) đến hết đất nhà ông Anh (Hương)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5.10	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0		
6	Xã Huổi Một					
6.1	Đường Quốc lộ 4G (Sông Mã - Sốp Cộp)					
-	Từ bản Pá Công đến cầu Nà Hạ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết cầu Nà Hạ đến cầu Nậm Mẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6.2	Đường Nà Hạ - Mường Hung	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6.3	Đường Huổi Một - Nậm Mẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6.4	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0		
7	Xã Chiềng Sơ					
7.1	Quốc lộ 12 (Sông Mã - Bó Sinh)					
-	Từ Nhà văn hóa bản Phiêng Xa đến cầu Nậm Khoa, bản Công	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Cổng chợ Phiêng Đồn (bản Quảng Tiến) hướng đi thị trấn Sông Mã 100 m, hướng đi xã Yên Hưng 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 12	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	Đường Nà Nghịu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)					
-	Từ bản Nà Sặng đến hết địa phận bản Nà Lốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7.4	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0		
8	Xã Yên Hưng					
8.1	Quốc lộ 12 (Sông Mã - Bó Sinh)					
-	Từ cổng thoát nước (giáp rừng ma bản Pái) đến đầu cầu cứng suối Mừ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 12	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ Quốc Lộ 12 đến hết đất thao trường xã Yên Hưng	1,0	1,0	1,0		
8.2	Các bản khác còn lại (không nằm trên tuyến đường Quốc lộ 12)	1,0	1,0	1,0		
9	Xã Mường Lầm					
9.1	Quốc lộ 12					
-	Từ hết đất xã Yên Hưng đến cầu cứng qua suối Nậm Con	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cầu cứng qua suối Nậm Con đến hết đất bản Mường Tợ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đất bản Mường Cang đến công trụ sở UBND xã Mường Lầm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ công trụ sở UBND xã đến hết đất nhà ông Lò Quang Nạt	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất nhà ông Lò Quang Nạt đến giáp xã Chiềng En	1,0				
9.2	Đường khu vực					
-	Từ ngã ba trụ sở UBND xã đến hết đất điểm bưu điện văn hóa xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất Điểm bưu điện văn hoá xã đến ngã 3 giáp Quốc lộ 12	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba đến hết đất bản Lầu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đất bản Phèn giáp đất bản Lầu đến hết đất bản Sàng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9.3	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0		
10	Xã Bó Sinh					
-	Các bản thuộc xã Bó Sinh trên tuyến đường Quốc lộ 12	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến Tỉnh lộ 108 từ ngã 3 bản Phổng đến cầu cứng bản Phổng 2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Xã Nậm Ty					
11.1	Đường Nà Nghịu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)					
-	Đoạn đường bê tông tại trung tâm xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên tuyến đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11.2	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0		
12	Xã Chiềng Phung					
12.1	Đường Nà Nghịu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)					

STT	Tuyến đường Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ điểm Bưu điện văn hoá xã (Hướng đi Sông Mã) đến hết đất nhà ông Dân và từ điểm Bưu điện văn hoá xã (hướng đi Thuận Châu) đến hết đất nhà ông Hưng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ nhà ông Lương Văn Báng đến nhà ông Lương Văn Việt (bản Phiêng Chiềng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên tuyến đường Nà Nghịu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12.2	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0		
13	Xã Mường Hung					
-	Từ đầu cầu treo đến hết đất nhà ông Dũng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Nà Hạ - Mường Hung	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đầu cầu cứng (bản Cương Chính) đến đường Nà Hạ - Mường Hung	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ					
1	Xã Mường Cai					
-	Từ trường Tiểu học Mường Cai đi các hướng 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng trường Tiểu học Mường Cai + 200 m đến hết đất nhà ông Vi Văn Vĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ nhà ông Lò Văn Thi qua trụ sở UBND xã mới đến hết đất nhà bà Lò Thị Định	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã Nậm Mẩn					
-	Từ cổng trụ sở UBND xã Nậm Mẩn về 2 phía 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Huổi Một - Nậm Mẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Xã Pú Pầu					
-	Từ trụ sở UBND xã cũ đến trụ sở UBND xã mới	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Quốc lộ 12 địa phận xã Pú Bả	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Xã Chiềng En					
-	Từ cổng trụ sở UBND xã Chiềng En về 2 phía 1km	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Quốc lộ 12 địa phận xã Chiềng En	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Xã Đứa Mòn					

STT	Tuyến đường Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Tuyến đường Muồng Lằm đi Đứa Mòn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	ĐẤT Ở NÔNG THÔN CÒN LẠI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỈ LỆ 1/500 KHU PHÍA TÂY SÔNG MÃ - THỊ TRẤN SÔNG MÃ KHU 6 VÀ KHU 9 HUYỆN SÔNG MÃ					
-	Đường quy hoạch 21 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,1				
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5 m	1,0				
V	QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỈ LỆ 1/500 KHU ĐÔ THỊ HƯNG MAI - THỊ TRẤN SÔNG MÃ, HUYỆN SÔNG MÃ					
-	Đường quy hoạch 21 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 6,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				

Phụ lục số 06

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN SÓP CỘP**

(Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Đường trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp					
1	Từ đầu cầu Nậm Lạnh (nhà nghỉ <i>Phương Hoa</i>) đến hết đất nhà ông Quảng Văn Phương, hướng Sốp Cộp - Nậm Lạnh phía bên trái đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
2	Từ mét 17,4 hết đất nhà ông Tòng Văn Thành đến hết đất nhà ông Quảng Văn Phương, hướng đi Nậm Lạnh (bên phải đường)	1,1				
3	Từ hết đất nhà ông Quảng Văn Phương đến cổng trường Tiểu học hướng Sốp Cộp đi Nậm Lạnh hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
4	Từ cổng trường Tiểu học đến hết nhà máy nước hướng Sốp Cộp - Nậm Lạnh, hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
5	Từ ngã 3 nhà ông Tòng Văn Thành hướng đi Dòm Cang đến mốc D19 (đến hết đất nhà ông Phan Chính Thân) hai bên đường	1,1				
6	Từ mốc D19 (hết đất nhà ông Phan Chính Thân) hướng đi Dòm Cang đến mốc D7 (đến ngã tư đi UBND huyện) hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	
7	Từ ngã tư D7 đến D86 Nhà văn hóa xã Sốp Cộp, hai bên đường.	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
8	Từ D7 đường 30 mét (hướng đi UBND huyện) đến D1 hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
9	Từ cầu tràn Nậm Lạnh đến cây xăng 326 hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
10	Từ cầu cứng Nậm Lạnh (bến xe tỉnh) hướng đi Sông Mã đến đầu cầu Nậm Ca hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ cầu Nậm Ca đến hết nghĩa trang liệt sỹ hai bên đường	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Từ ngã ba cầu Nậm Ca (trụ sở Đội quản lý đô thị) rẽ phải đến hết đất Bệnh viện mới, hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
13	Từ ngã ba Trung tâm y tế đến hết đất nhà ông Lò Văn Năng (từ mét 0 đến 170 m) hướng đi Mường Và hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
14	Từ hết đất nhà bà Tông Thị Quyên đến hết thửa đất số 11 hướng D46C - D84 hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
15	Từ D3 hướng đường đi Nà Phe đến D61 hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
16	Từ hết đất nhà ông Quàng Văn Phụng đến ranh giới đất nhà ông Vi Văn Hồng, phía bên phải đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
17	Từ D3 ngã tư Kho Bạc đến D28 (cạnh Trường cấp III), hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
18	Từ D43 đi D48 (mét 0 đất ông Vi Văn Thanh đến đất UBND xã Sốp Cộp) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
19	Từ mét 20 D16 đi D18 đến đất đội thuế số 2 hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
20	Từ mét 20 D16 đi D15 (từ đất Ngân hàng An Bình đến D15), hai bên đường	1,0	1,0			
21	Từ mét 0 đất nhà ông Trương Bá Đoàn đến nhà công vụ Chi cục thi hành án (khu mốc D15 - D16 đường 5m) phía bên phải đường	1,0				
22	Từ ngã ba nhà khách UBND huyện D26 - D15 - D1 đến hết đất nhà ông Trần Mạnh Hoài hướng đi Nà Phe, hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
23	Từ ngã tư D7 (cây xăng) đến mốc D8 hướng đi Sông Mã hai bên đường	1,0				
24	Tuyến D5 (từ mét 20 đất nhà ông Tông Văn Tiễn đến đất ông Vũ Văn Thắng) hướng đi D45 theo quy hoạch đường 9,5m hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
25	Từ hết đất Ngân hàng chính sách đến đất nhà ông Dương Đình Nghị hướng D6 - D18	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
26	Tuyến D18 đi D77 theo quy hoạch đường 9,5 m (từ cây me đến đất ông nhà ông Lường Văn Bình) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
27	Từ hết đất nhà bà Tông Thị Ngoi đường 4m hướng đi nhà ông Lường Văn Thiêm ra đến nhà ông Trần Văn Hiện hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
28	Từ mét thứ 21 đất nhà ông Thịnh Xuyên đến đất nhà bà Lường Thị Quỳnh hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	
29	Từ thửa nhà ông Lường Văn Chon đến hết đất nhà bà Lò Thị Hằng bên trái đường	1,0	1,0			
30	Hết thửa đất số 01 của Hà Văn Soi đến thửa số 03 hướng bên xe ra đường nút 12-14, đường 7,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Đường khu tái định cư D77-D78-D79-D29-D30 (khu TT hành chính huyện Sốp Cộp)					
1	Từ đất nhà bà Vì Thị Lẻ đến hết đất nhà ông Tòng Văn Hòa (<i>đường 7m đi khu dân cư</i>) hai bên đường	1,0				
2	Từ mét 21,5 D78 đường 7 m đến mét 46 (giáp đất nhà ông Cầm Duy Vinh) hai bên đường hướng ra đường chính đi Nậm Lạnh	1,0				
3	Từ mét 17,8 đất nhà ông Vì Văn Muôn đường 5 m đến mét 54,5 (giáp đất nhà ông Lò Văn Tinh) hướng ra đường chính đi Nậm Lạnh hai bên đường	1,0				
4	Từ mét 15,9 đến hết đất nhà ông Tòng Văn Cường đến hết đất nhà ông Vũ Văn Đông (Hằng) bên trái đường hướng ra đường chính 21m đường đi Sốp Cộp - Nậm Lạnh	1,0				
5	Từ mét 15 hết đất nhà ông Lường Văn Bình đến nhà ông Vũ Văn Mạnh (Thêu) bên trái đường hướng ra đường chính 21m đường đi Sốp Cộp - Nậm Lạnh	1,0				
6	Từ đất nhà ông Lò Văn Thoát đến đất nhà ông Lường Văn Bình (D78 đi D77) đường 7m hai bên đường	1,0				
III	Đường khu tái định cư D18 - D19 - D78 - D79 (khu TT hành chính huyện Sốp Cộp)					
1	Từ hết đất nhà ông Trần Công Lực mét 16,3 (D78) phía bên phải đến mét 50,5 đến hết đất nhà bà Ngô Thị Yên (hướng D18)	1,0				
2	Từ hết đất nhà ông Phan Chính Thân mét 18,4 (D19) phía bên trái đường đến mét 60 đến hết đất nhà ông Tòng Văn Quốc (<i>hướng D18</i>)	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
3	Từ hết đất nhà bà Vì Thị Quyên mét 17 (đường lô 5 mét) đến mét 45 giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Trường hai bên đường	1,0				
IV	Các tuyến đường khu tái định cư Nà Phe (khu TT hành chính huyện Sốp Cộp)					
1	Từ ngã tư nhà ông Đoàn Văn Tiến đến hết đất nhà ông Vũ Văn Quân (Nhàn) đường 16,5m hai bên đường	1,1				
2	Từ ngã tư D61 đường 15m từ mét 18 đến hết mét 105 nhà ông Đỗ Văn Thiết đến hết đất nhà ông Bùi Văn Quang (Trang) hướng đi trường Nội trú hai bên đường	1,1				
3	Từ đất nhà ông Hà Văn Dân đến hết đất nhà ông Lê Xuân Phú đường 9,5 m hướng đi trường Nội trú, hai bên đường	1,0				
4	Từ đất nhà ông Trần Văn Vang đến hết đất nhà ông Nguyễn Phi Hùng đường 9,5 m hướng đi Trường Nội trú hai bên đường	1,0	1,0			
5	Từ đất nhà ông Quảng Văn Soạn đến hết đất nhà ông Cầm Văn Việt đường 9,5 m hướng đi khu dân cư hai bên đường	1,0	1,0			
6	Từ đất nhà bà Hoàng Thị Chính đến D63 đường 9,5 m hai bên đường	1,0				
7	Từ đất nhà ông Vũ Văn Quân đến hết đất Nhà văn hóa bản Sốp Cộp đường 9,5 m hướng đi khu dân cư bên phải đường	1,0	1,0			
8	Từ đất nhà ông Vũ Văn Hợp đến hết đất nhà ông Bùi Văn Quang hướng đi D60 bên trái đường 9,5 m	1,0				
9	Từ D60 đường 15m hướng đi D38 (hai bên đường)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Từ D37 - D38 (khu trường nội trú), đường 15 hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ nhà (Hoài Hạnh) đến hết đất nhà ông Lầu Bá Rê (khu mố D60 - D38, đường quy hoạch 7m), hai bên đường	1,0				
12	Đường 7m từ đất nhà ông Thân Trọng Hạnh đến hết đất nhà ông Trịnh Bằng Phi hai bên đường (khu vực E1)	1,0	1,0			
13	Đường quy hoạch 21m N12 - N14 từ đầu cầu Nậm Ca đến nghĩa trang liệt sỹ hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
14	Đường quy hoạch 16,5 m từ cầu Bản Pe nối với Sân vận động mới hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
15	Đường quy hoạch 16,5 m từ cầu Bản Pe nối với tỉnh lộ 105 hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
16	Đường từ Nhà Văn hóa xã Sốp Cộp đến hết thửa đất số 17 hướng đi D87	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Các tuyến đường khu vực lô 57 (khu TT hành chính huyện Sốp Cộp)					
1	Từ D8-D9 (đầu cầu cứng qua suối Nậm Lạnh) hướng đi Sông Mã, hai bên đường	1,1				
2	Từ D8-D20 đường 21m (Tính từ mét 35,8 ranh giới giữa thửa đất số 1 và thửa số 33) phía bên trái đường	1,0				
3	Từ D9-D21 đường 9,5m (Tính từ mét 35,8 ranh giới giữa thửa đất số 18 và thửa số 19) phía bên phải đường	1,0				
4	Đường quy hoạch 10,5 m từ đất nhà ông Tuệ đến đất nhà ông Báu (tính từ ngã ba đường trên trục D8 - D20 vào hướng ra đường D9 - D21) hai bên đường	1,0				
5	Tuyến D20 đi D81, D81 đường 9,5m từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thêu đến hết đất nhà ông Lưu Văn Quý (đối diện công phụ chợ mới)	1,0				
6	Từ mốc D8 đến hết cầu Nậm Ban phía bên trái đường	1,0	1,0			
7	Từ mét 21 thửa 164 đến hết cầu Nậm Ban bên phải đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ mốc N1 hướng đi cầu Nậm Ban đường 11,5m	1,0				
10	Từ mốc N2 hướng đi cầu Nậm Ban đường 11,5 m	1,0				
11	Từ mốc D21 - D31 đối diện chợ trung tâm huyện Sốp Cộp đường 21 m	1,0				
VI	Các đoạn đường ven trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp					
1	Từ Cầu Nậm Ban (Hợp tác xã Nậm Ban) đến hết đất nhà văn hóa điểm Huổi Kháng hướng đi Dôm Cang hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất của bến xe đến đường lên bãi rác hướng đi Nô Sải hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
3	Từ nhà ông Tòng Văn Dũng đến hết đất nhà ông Cà Văn Phình (bản Nà Lóc) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ nhà ông Lò Văn Thành đến hết đất nhà ông Vì Văn Quang (bản Nà Lóc) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ nhà ông Lương Văn Xuân đến hết đất nhà ông Tòng Văn Thiên hướng đi bản Nà Lóc hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ ngã ba nhà ông Vì Văn Minh đến ngã ba hướng đi Nà Nó, Nà Sài hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ đất nhà bà Vì Thị Thơm (bản Ban) đến ngã ba hết đất nhà ông Vì Văn Thích (bản Pe) hướng đi bản Pe hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ ngã ba hết đất nhà ông Vì Văn Màng đến ngã ba nhà Lương Văn Sử rẽ trái đến điểm trường tiểu học bản Ban	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ ngã ba đất nhà ông Vì Văn Chung đến ngã ba đất nhà ông Lò Văn Vĩnh hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Từ đất nhà bà Tòng Thị Phương đi theo đường bê tông đến hết đất nhà bà Cẩm Thị Long hai bên đường	1,0	1,0			
VII	Đường khu vực mốc D7 - D8 - D20 - D20' - D19 (khu vực chợ cũ)					
1	Đường Quy hoạch rộng 12 m (từ hết đất nhà ông Nguyễn Huy Trung đến hết đất nhà ông Lò Văn Triễn) hai bên đường	1,1				
2	Tuyến D19 đi D20' (từ hết đất nhà bà Lương Thị Nụ đến hết đất nhà ông Đào Văn Cường) hai bên đường	1,1				
VIII	Các tuyến đường đô thị còn lại trong khu trung tâm hành chính huyện					
1	Các trục đường có độ rộng từ 5 m trở lên	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
2	Các trục đường có độ rộng từ 2,5 m đến nhỏ hơn 5 m	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
3	Các trục đường có độ rộng nhỏ hơn 2,5 m	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Các đoạn đường ven trung tâm xã Sốp Cộp					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Từ cổng qua đường đi Mường Và khu bản Nà Dì (từ mét 0 đến mét 450 ao nhà ông Tòng Văn Dịn đến hết nhà ông Cà Văn Bình, hai bên đường)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường từ bản Nà Lốc (Co Pồng cũ) xã Sốp Cộp đi bản Sỏm Pói, xã Mường Và	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ nhà ông Tòng Văn Thoai, ông Tòng Văn Đồi (bản Nó Sải) đến hết đất nhà ông Tòng Văn Thân (bản Nó Sải) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ hết đất nhà văn hóa bản Huổi Khăng (đất nhà ông Lương Văn Quyết) đến hết đất xã Sốp Cộp hướng đi Dồm Cang hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ đường lên bãi rác đến đội sản xuất số 4 hướng đi Nó Sải hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Xã Mường Và					
1	Từ cổng qua đường (giáp nhà ông Lương Văn May) đến ngã ba đường đi Nậm Lạnh 200m hướng đi xã Nậm Lạnh hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba nhà ông Lò Văn Chiến hướng đi Sốp Cộp đến hết đất trường cấp I + II hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Tuyến từ cổng giáp nhà ông Lương Văn May đến hết đất nhà ông Lò Văn Tiên hướng đi Mường Lạn hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Xã Mường Lạn					
1	Từ cây xăng xã Mường Lạn đến đầu cầu cứng hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đầu cầu cứng đến hết trụ sở UBND xã Mường Lạn hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất trụ sở UBND xã đến ngã ba đi bản Cống, Nà Khi đến hết đất nhà ông Lò Văn Tuấn (Chủ tịch UBND xã) hướng bản Cống và 500m hướng đi Nà Khi hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Xã Púng Bính					
1	Từ nhà ông Lò Văn Xuân (bản Kéo Hìn) đến hết đất nhà ông Tòng Văn Doãn (bản Cọ) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số, điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Tuyến đường từ nhà ông Tòng Văn Doãn (bản Cọ) đến hết ngã ba Huổi Hay, hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Xã Dồm Cang (theo trục đường 105)					
1	Từ hết đất xã Sốp Cộp đến đầu cầu cứng bản Nà Pháy hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đường rẽ đi bản Nà Khá đến trường mầm non bản Dồm hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trường mầm non bản Dồm đến hết đất bản Cang hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Xã Mường Lèo (theo trục đường 105)					
1	Đoạn từ nhà ông Quàng Văn Quân đến hết nhà ông Lò Văn Toàn (bản Mạt) hai bên đường	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đoạn từ nhà ông Quàng Văn Luyến đến cầu tràn (bản Liêng) hai bên đường	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đoạn từ cầu tràn (bản Liêng) đến hết đất của ông Lường Văn Vui, hướng đi tỉnh Điện Biên hai bên đường	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Các xã, các bản còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục số 07

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN MAI SƠN**

(Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Đường Tô Hiệu					
1	Từ Km 270 + 600 đến Km 272 + 300 (công công an huyện) (dọc Quốc lộ 6)	1,2	1,1	1,1	1,1	1,1
2	Từ Km 272 + 300 đến Km 274 + 100 (đường rẽ vào đường bê boi)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ 274 + 100 đến Km 274 + 300 (ngã tư Nông trường Tô Hiệu)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Đường 20 - 8					
1	Từ Km 274 + 300 đến Km 275 + 300 đầu cầu mới rẽ đi Nhà văn hoá thiếu nhi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Km 275 + 300 đến Km 276 đoạn Quốc lộ 6 (biển đỗ xe buýt đầu cầu vượt)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ Km 276 đến Km 279 + 500 (hết địa phận thị trấn Hát Lót)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba địa chất (Km 277 + 300 m Quốc lộ 6) + 40 m đến hết đoàn địa chất 305	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Đường nhánh					
1	Phố Lò Văn Muôn					
-	Từ Quốc lộ 6 + 20 m đến công chợ trung tâm đi các hướng 80 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ công Chợ Trung tâm + 80 m qua Trung tâm Chính trị cũ cách Quốc lộ 6 40 m (giáp ông Triễn)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 6 + 40 m đến hết trường THCS Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Phố Hà Văn Ấng					
-	Từ ngã tư Nông trường Tô Hiệu 20 m đến ngã ba Xưởng chế biến đi các hướng 50 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ phố Hà Văn Ẩng đi đến hết đất nhà máy nước	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Phố Trần Quốc Hoàn					
-	Từ Km 275 + 150 (cổng Kho bạc) đến đầu cầu Trạm bơm nước Nhà máy đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đầu cầu phía Công an đến hết đường Phố Trần Quốc Hoàn (kể cả các tuyến nhánh khu dân cư tiểu khu 8)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Đường Cà Văn Khum					
-	Từ ngã tư Nông trường 20 m dọc theo đường Hát Lót - Tà Hộc + 450 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã tư nông trường + 450 m (đường Hát Lót - Tà Hộc) đến ngã ba Viện Lao + 400 m (hết ranh giới thị trấn Hát Lót)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đường bản Dôm					
-	Từ ngã ba (Quốc lộ 6) 20 m + 300 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết ranh giới trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn Thịnh đến hết ranh giới Trường Dân tộc nội trú cấp II	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết ranh giới trường Dân tộc nội trú đến hết ranh giới Trạm dịch vụ Công ty cơ khí + 100 m (hết đất nhà ông Giang Len)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết ranh giới nhà Giang Len (phía ra Hát Lót) cách Quốc lộ 6 320 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đường Tôn Thất Tùng					
-	Từ ngã ba Viện Lao + 20 m đến hết ranh giới Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn + 100 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết ranh giới Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn + 100 m đến hết ranh giới trường THCS Chu Văn Thịnh	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Đường Nà Viên					
-	Từ cách ngã ba bản Dôm + 100 m đến hết địa phận thị trấn Hát Lót + 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Đường Hoa Ban					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngã ba đường 110 + 60 m đi qua tiểu khu 19, 20, 21 đến trường Mầm non Tô Hiệu (tiểu khu 2)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Hoa Ban đoạn từ trường Mầm non Tô Hiệu đến khu quy hoạch Trung tâm hành chính - chính trị huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Phố Kim Đồng					
-	Từ Quốc lộ 6 + 40 m đến trường Tiểu học Hát Lót + 10m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Phố Lò Văn Hắc					
-	Từ Quốc lộ 6 + 40 m đến hết Xí nghiệp nước	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Phố Cầu Treo					
-	Từ bên kia cầu treo đến cách cổng trường Trung học phổ thông (cấp III) 20 m về phía trường Nông Lâm	1,1	1,0	1,0	1,0	
12	Đường nhánh khác					
-	Từ đường Tôn Thất Tùng đi ngã ba Bắc Quang đến ngã ba đi Sông Lô (đường Chiềng Ngần - Mường Bằng mới)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba Xường Bông (cũ) + 40 m đến hết ranh giới thị trấn Hát Lót (đi cầu treo Nà Ban)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 6 tại Km 277 + 300 (ngã ba Nghĩa địa Mường Hồng) + 20 m đến đường vào điểm Tái định cư bản Củ Pe	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường nhánh xe con vào được (đường đất)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường còn lại xe con vào được (đường bê tông)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Các đường trong quy hoạch giai đoạn 1 khu đô thị mới ngã ba xã Cò Nòi					
1	Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 30 m	1,2				
2	Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 20,5 m	1,2				
3	Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 16,5 m					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
+	Lô 1B	1,1				
+	Lô 2A, Lô 3A, Lô 1C	1,1				
4	Từ Km 263 + 500 đến cách cổng UBND xã Cò Nòi 200 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cách cổng UBND xã Cò Nòi 200 m đến Đường vào trường Trung học cơ sở Cò Nòi (cấp II)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ đường vào trường THCS Cò Nòi (cấp II) đến Km 266 + 800 Quốc lộ 6 (ngã ba tiểu khu 19/5)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Đất ở đô thị còn lại trên địa bàn huyện	1,0	1,0	1,0		
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
B1						
I	Đường Quốc lộ 6					
1	Từ Km 279 + 500 (hết thị trấn Hát Lót) đến Km 286 + 800 (qua ngã ba đi bản Xum + 200 m)	1,5	1,1	1,1	1,1	1,1
2	Từ Km 286 + 800 đến Km 290 (hết địa phận huyện Mai Sơn)	1,5	1,1	1,1	1,1	1,1
3	Từ ngã ba Quốc lộ 6 cũ và mới + 20 m theo hướng đi Quốc lộ 6 cũ đến hết địa phận huyện Mai Sơn	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ Km 260 + 300 (giáp địa phận Yên Châu) đến Km 262 + 750 (đường vào bản Hua Tát)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ Km 262 + 750 đến Km 263 + 500 (qua Trạm 36 công an xã Cò Nòi 500 m)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ Km 266 + 800 đến Km 270 + 600 (địa phận thị trấn Hát Lót)	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
7	Từ cổng UBND xã Cò Nòi + 60 m phía ngã ba Cò Nòi đến hết ranh giới trường tiểu học Cò Nòi (cấp I)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ hết ranh giới trường Tiểu học Cò Nòi (cấp I) đến cách ngã ba đường Quốc lộ 6 mới 40 m (về phía Cò Nòi)	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
II	Đường Quốc lộ 4G					
1	Từ ngã ba Mai Sơn (đường đi Sông Mã cũ) đến ngã 3 Hợp tác xã 6 - 40m (giao nhau với Quốc lộ 4G)	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ Km 0 + 800 đến Bia tưởng niệm (Km 5 + 700)	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Bia tưởng niệm đến Km 5 + 700 m đến Km 6 + 500 m (Bản Áng xã Chiềng Ban)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ Km 6 + 500m (Bản Áng xã Chiềng Ban) đến Km 7 + 400 m (xã Chiềng Mai)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ Km 6 + 500 m (bản Áng xã Chiềng Ban) đến Noong Lý, bản Áng, xã Chiềng Ban	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ Noong Lý, bản Áng, xã Chiềng Ban đến công trường cấp III Chu Văn Thịnh + 100m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ công trường cấp III Chu Văn Thịnh + 100 m đi đến hết địa phận xã Chiềng Ban	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ Km 7 + 400 m (xã Chiềng Mai) đến đường rẽ lên trạm y tế xã (bản Vực Bon)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ đường rẽ lên trạm y tế xã đến đầu cầu Chiềng Mai + 300 m (tiểu khu ngã ba)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Từ công UBND xã Chiềng Kheo đi các hướng 500 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ đầu cầu Chiềng Mai + 300m đến ngã ba đường rẽ vào UBND xã Chiềng Ve (trừ đoạn từ công UBND xã Chiềng Kheo đi các hướng 500 m)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Từ ngã ba đường rẽ vào UBND xã Chiềng Ve đến hết địa phận xã Nà Ót	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Quốc lộ 37					
1	Từ Đài tưởng niệm Thanh niên xung phong đến hết địa phận huyện Mai Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Tuyến đường Quốc lộ 37 từ Cò Nòi đi Nà Ót					
-	Từ Quốc lộ 6 cũ đến ngã 3 Dốc Đá (Km 2 + 150m Tỉnh lộ 113 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 2 + 150m đến Km7	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 7 đến Km 8 + 800 m (trung tâm xã Chiềng Lương)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 8 + 800m đi đến Km19	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ Km 19 (trung tâm xã Phiêng Pần) đến Km 20	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 20 đến Giáp Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	
IV	Đường Hát Lót - Tà Hộc (Tỉnh lộ 110)					
1	Từ giáp Thị trấn Hát Lót đến đỉnh dốc Nà Bó + 20m (đường rẽ vào Hồ Nà Bó)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đỉnh dốc Nà Bó + 200 m (đường rẽ vào Hồ Nà Bó) đến nhà ông Chuyên Huệ (đường rẽ vào bản Nà Đuoi) + 20 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ nhà ông Chuyên Huệ (đường rẽ vào bản Nà Đuoi) + 20 m đến hết địa phận xã Nà Bó	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ hết địa phận xã Nà Bó đến Càng Tà Hộc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Đường Hát Lót - Chiềng Mung					
1	Từ hết đất Đoàn địa chất 305 đến ngã ba khu Tái định cư bản Nà Tiến + 40m đi các hướng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Trung tâm xã Hát Lót cũ đi 02 hướng 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cách Trung tâm xã Hát Lót (cũ) 100 m đến cách Quốc lộ 4G 60m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba Tiểu khu Nà sản 40m qua trường Tiểu học Nà Sản và khu dân cư Nà Sản đến đường Hát Lót - Chiềng Mung	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba chợ Chiềng Mung 20m đến ngã ba Bản Xum (đường Hát Lót - Chiềng Mung)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Đường Chiềng Sung (Tỉnh lộ 109)					
1	Từ Km 0 + 20m đến cách ngã ba Sông Lô 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba Sông Lô xã Nà Bó đi các hướng 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba trụ sở UBND xã Chiềng Sung (cũ) theo hai hướng Hòa Bình, Cao Sơn + 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Các đoạn còn lại của Tỉnh lộ 109	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Đường Nà Bó - Mường Chùm					
1	Từ đường Tỉnh lộ 110 (ngã ba Nà Bó) + 60m đến hết địa phận huyện Mai Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
VIII	Đường Quốc lộ 6 C					
1	Từ ngã ba Cò Nòi + 20m đến hết Trường THPT Cò Nòi	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết Trường THPT Cò Nòi đến hết tiểu khu Bình Minh (ngã ba đường đi Noong Te)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết tiểu khu Bình Minh đến hết địa phận huyện Mai Sơn	1,5	1,3	1,2	1,1	1,0
IX	Tuyến đường giao thông từ tỉnh lộ 110 + 100 m (Nà Bó) đến Quốc lộ 37 (Cò Nòi)	1,0	1,0	1,0	1,0	
X	Địa phận xã Chiềng Ban					
-	Từ đường Quốc lộ 4G + 20 m qua UBND xã đến hết ranh giới huyện Mai Sơn	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Quốc lộ 4G + 20 m qua Trung tâm Giáo dục lao động tỉnh đến hết ranh giới huyện Mai Sơn.	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
XI	Từ Quốc lộ 6 + 40 m nhà ông Tình đi bản Nà Cang xã Hát Lót					
	Từ Quốc lộ 6 + 40m nhà ông Tình đến ngã ba Yên Sơn xã Hát Lót	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Từ ngã ba Yên Sơn đi bản Nà Cang đến đường Hát Lót - Chiềng Mung	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Từ ngã ba Yên Sơn đến cách ngã ba bản Nà Tiến 40m	1,0	1,0	1,0	1,0	
XII	Từ Ngã 3 Quốc lộ 6 + 40m bản Bom Cưa đi khu Công Nghiệp Mai Sơn					
-	Từ Ngã ba Quốc lộ 6 + 40 m bản Bom Cưa đi khu Công Nghiệp Mai Sơn	1,4	1,3	1,2	1,1	
-	Từ ranh giới xã Mường Bon đến Khu công nghiệp Tà Xa đến điểm tái định cư Co Chay	1,2	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Ngã ba Quốc lộ 6 + 40 m bản Bom Cưa đi Khu Công nghiệp Mai Sơn Mường Bằng	1,5	1,4	1,3	1,2	
XIII	Các đường nhánh khác					
1	Từ nhà máy tinh bột sắn qua UBND xã Mường Bon + 300 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ ngã ba bản Mai Tiên + 40m đến hết khu Tái định cư Bản Tra - Xa Cấn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết địa phận ranh giới thị trấn Hát Lót đến hết khu công nghiệp Tà Xa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ cổng UBND xã Mường Bon + 300 m đến hết địa phận bản Mứn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba Sông Lô + 200 m nhánh 109 - 110 đến cách ngã ba Nhà máy xi măng 20m (Tỉnh lộ 110) về phía Sông Lô	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ hết địa phận thị trấn Hát Lót đến cầu treo Nà Ban (xã Hát Lót)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ Km 272 + 40 m Quốc lộ 6; 60 m đến điểm Tái định cư 428 (Nà Sảng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ ngã ba Chiềng Mai đi vào trung tâm xã đến nhà văn hóa bản Cuộm Sơn	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
XIV	Bổ sung các tuyến mới					
1	Tuyến đường tránh Quốc lộ 6 từ tiểu khu 3/2, xã Cò Nòi đi Nhà máy mía đường Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đoạn đường từ Quốc lộ 37 ra Quốc lộ 6 cũ (giáp bà Nga Sừu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Tuyến đường từ Quốc lộ 4G đi UBND xã Chiềng Dong	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đoạn đường từ Nhà máy tinh bột sắn (bản Củ Pe) đi bản Mé đến hết địa phận bản Lắm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đường từ Quốc lộ 6 đi ra trại trường Nông Lâm (nối vào tuyến nhà ông Tình đi bản Nà Cang)	1,5	1,4	1,3	1,2	1,1
7	Cách ngã ba bản Nà Tiến 40 m đến đường Hát Lót – Chiềng Mung	1,5	1,4	1,3	1,2	1,1
8	Đường từ ngã 3 Bản Cóc qua UBND xã Mường Bằng đến điểm tái định cư Quỳnh Bằng	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Đường Tỉnh lộ 117: Quốc lộ 4G đi Chiềng Chung, Mường Chanh và xã Hua La (thành phố Sơn La)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
10	Tỉnh lộ 113 trên địa bàn xã Phiêng Cầm					
-	Khu trung tâm xã từ trạm cân điện tử đến mỏ đá Hiền Luyện	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các vị trí còn lại trên tuyến Tỉnh lộ 113, xã Phiêng Cầm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Tỉnh lộ 113 trên địa bàn xã Nà Ót					
-	Từ cổng UBND xã Nà Ót đến hết địa phận xã Nà Ót hướng đi Phiêng Cầm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Tuyến đường trung tâm xã Nà Ót: từ Km 33 + 500 m đến Km 35 + 500	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XV	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ					
1	Các đường nhánh xe con vào được (đường đất)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các tuyến đường còn lại xe con vào được (đường bê tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đất ở nông thôn thuộc địa bàn các xã còn lại của huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục số 08**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN YÊN CHÂU***(Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh*

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Từ tâm ngã tư đi hướng Hà Nội					
1	Tuyến từ Km 240 + 485 m đến Km 240 + 392,5 m (từ ngã tư đến hết đất Ông Trường Nguyên)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Tuyến từ Km 240 + 392,5 m đến Km 240 + 285 m (từ đất của hàng dọc Thiên Đức đến hết đất ông Giao Hải)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Tuyến từ Km 240 + 285 m đến Km 240 + 151,5 m (từ giáp đất ông Giao Hải đến hết đất ông Thìn)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ Km 240 + 151, 5m đến Km 239 + 981, 5m (từ tiếp giáp đất ông Minh Kiểm đến hết đất nhà bà Thuý Khiêm)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ Km 239 + 981,5m đến Km 239 + 689 m (từ tiếp giáp đất nhà bà Thuý Khiêm đến hết đất ông Thâm Nga)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Tuyến từ Km 239 + 689 m đến Km 239 + 457 m (từ giáp đất ông Khánh Đồi đến hết đất ông Hùng Ánh)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ Km 239 + 457 m đến Km 239 + 324 m (từ giáp đất ông Hùng Ánh đến hết đất ông An Bích)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ đất ông Tuấn Văn đến hết đất thị trấn (từ Km 239 + 324 m đến Km 239 + 038 m)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Từ trung tâm ngã tư đi hướng Sơn La					
1	Từ Km 240 + 485 m đến Km 240 + 814,5 m (từ trung tâm ngã tư đến hết đất ông Thành Huân)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường vào bản Kho Vàng đến hết đất bà Phượng, đối diện đường đi bản Huổi Hẹ	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất bà Phượng đến hết đất bà Vân Ly (hết đất Thị trấn)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
III	Từ tâm ngã tư đi vào khu UBND huyện (Tiểu khu 3)					
1	Từ tâm ngã tư vào UBND huyện 140m (đường 20/11)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đất thi hành án đến ngã ba sân vận động 326 m (đường 20/11)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ tiếp giáp đất ông Định Toán đến đầu cầu Chiềng Khoi (đường 20/11)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ phòng giáo dục huyện đến đất bà Thanh Thành (đường Nguyễn Văn Huyền)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đất giáp đường quanh sân vận động (Tiểu khu 3) 261m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Từ trung tâm ngã tư vào trường cấp III (TK2)					
1	Từ trung tâm ngã tư đi 140 m (đường Chu Văn An)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ mét 141 đến mét 234 (đường Chu Văn An)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đất ông Chiến (con bà Vịnh) đến cổng trường cấp III (đường Chu Văn An)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba Công viên tuổi trẻ đi Quốc lộ 6 hướng tiểu khu 4, giáp đất bà Bún	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba (giáp đất nhà Quynh Thương) đi qua bản Huổi Hẹ hướng Quốc lộ 6 870 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ mét 871 đến mét 1071 hướng đi ngã ba Quốc lộ 6 (Tiểu khu 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Đoạn đường vào bãi rác mới					
1	Từ tiếp giáp vị trí 3 (hết đất nhà ông Quý) đến hết đất thị trấn (hết đất nhà bà Mùi Ký)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn (trên địa bàn xã Sập Vạt)					
1	Từ giáp đất Thị trấn đến ngã ba đường vào nhà ông Hoa (gương cầu cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đường vào nhà ông Hoa (gương cầu cũ) đến ngã ba vào bản Sai (đọc Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
3	Đoạn đường cầu sắt cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn (trên địa bàn xã Viêng Lán dọc Quốc lộ 6)					
1	Tuyến đường từ Km 241 + 800 m đến Km 242 + 200 m hướng đi Sơn La (từ hết đất nhà bà Thúy Khôm đến hết đất nghĩa trang liệt sỹ huyện)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Tuyến đường từ Km 242 + 200m đến Km 242 + 600 m hướng đi Sơn La (từ hết đất nghĩa trang liệt sỹ huyện đến hết đất nhà ông Toàn Bình)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Các đường nhánh (Trừ các tuyến đường đã có tại các mục đã nêu trên)					
1	Các đường nhánh có mặt đường rộng 2,5 m trở lên nội thị (đường đổ bê tông hoặc dải nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các đường nhánh có mặt đường rộng 2,5 m trở xuống nội thị (đường đổ bê tông hoặc dải nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	Các tuyến đường còn lại trên địa bàn thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
B1	ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH					
1	Dọc Quốc lộ 6 giáp Mộc Châu đến giáp Mai Sơn (trừ trung tâm xã, cụm xã, vị trí trung tâm khác có giá riêng)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Dọc Quốc lộ 37 (địa phận Yên Châu)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Dọc Quốc lộ 6C (trừ trung tâm xã, cụm xã)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Dọc tỉnh lộ 103A (trừ trung tâm xã Chiềng On, vị trí trung tâm khác có giá riêng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Dọc đường Bản Đán Chiềng Sàng - Bó Phương (trừ đất Trung tâm xã Yên Sơn; ngã ba Quốc lộ 6 bản Đán đến hết đất nhà ông Sinh bản Đán)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B2	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ					
I	Cụm xã Phiêng Khoài					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Từ ngã ba Trung tâm hướng đi Cò Nòi đến hết đất nghĩa trang Kim Chung	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba Trung tâm hướng đi Hang Mon đến hết đất cây xăng Đức Cường	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ tiếp hết đất nghĩa trang Kim Chung hướng đi Cò Nòi đến cổng trường tiểu học Cồn Huát	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ tiếp giáp đất cây xăng Đức Cường hướng đi Hang Mon 1.000 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba trung tâm hướng đi Lao Khô đến hết đất Hợp tác xã dịch vụ chế biến chè	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đoạn từ hết đất Hợp tác xã dịch vụ chế biến chè đến hết cây xăng số 2 của doanh nghiệp Đức Cường	1,1	1,0	1,0		
7	Đoạn từ doanh nghiệp Đức Cường đến trạm kiểm soát biên phòng Keo Muông	1,1	1,0	1,0		
II	Trung tâm xã Lóng Phiêng					
1	Từ nhà văn hoá bản Yên Thi hướng đi Hang Mon 1.300m (đất ông Kiên) và hướng đi Quốc lộ 6 1.015 m (dọc đường Quốc lộ 6C)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường vào bản Tái định cư Quỳnh Phiêng (từ đường Quốc lộ 6C đi 500m)	1,0	1,0	1,0		
III	Trung tâm xã Yên Sơn					
1	Từ ngã ba (nhà ông Kha) đi hướng Bó Phương 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba (nhà ông Kha) đi hướng Cò Nòi 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba (nhà ông Kha) đến hết đất trường tiểu học Yên Sơn (650 m) hướng đi Phiêng Khoài	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba Đông Bầu hướng đi Kim Sơn 1;100m (hết đất nhà ông Thắng Quốc)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Trung tâm xã Chiềng Đông					
1	Từ cầu Chiềng Đông 1 đến cầu Chiềng Đông 2 (dọc Quốc lộ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cầu Chiềng Đông 1 đến nhà ông Ủ Nhật cách 500 m (hướng đi Hà Nội)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
3	Từ cầu Chiềng Đông 2 đến đường rẽ vào bản Chai cách 100m (hướng đi Sơn La)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Trung tâm cụm xã Chiềng Sàng					
1	Từ ngã ba vào bản Chiềng Sàng đi hướng Hà Nội (đọc Quốc lộ 6) 730 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ 731 m hướng đi Hà Nội đến ngã ba vào bản Đán (820m)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba vào bản Chiềng Sàng đi hướng Sơn La hết đất bản Chiềng Kim	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Trung tâm xã Chiềng Pằn					
1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 đi Chiềng Phú đến hết đất ông Đạt Quỳnh	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường từ ngã ba Chiềng Phú đi hướng Hà Nội đến cầu bản Phát	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ tiếp giáp đất ông Tạ Ngọc Tính (Bản Thông Phiêng) hướng đi bản Chiềng Phú (2 bên đường) đến hết nhà ông Hà Văn Đò (Bản Chiềng Phú)	1,1	1,0	1,0		
VIII	Trung tâm cụm xã Chiềng Hặc					
1	Từ cổng cây xăng Thắng Thủy đến qua cổng UBND xã Chiềng Hặc 100m (đọc Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	Trung tâm xã Tú Nang					
1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 đi Nà Khoang đến Cầu đi bản Tin Tốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cầu đi bản Tin Tốc đến qua ngã ba Quốc lộ 6 đi Chiềng Ban 100m (đến cổng thoát nước) hướng đi Hà Nội	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba cầu Tà Làng đi Hà Nội đến hết đất Hạng 7 Quốc lộ 6 cũ, đi hướng Sơn La đến hết đất nhà Dinh Xuyên (đọc Quốc lộ 6)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
X	Trung tâm xã Chiềng On					
1	Trung tâm xã Chiềng On (từ cổng đồn Biên phòng Chiềng On đến hết trung tâm xã 640m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ ngã ba Đông Bâu hướng đi Chiềng On hết đất Trạm thu phí điện lực	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XI	Trung tâm xã Viêng Lán					
1	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Lửa (bản Mường Vạt) hướng đi bản Nà Và 2 (2 bên đường) đến giáp đất ông Lừ Văn Xóm	1,0	1,0	1,0		
XII	Trung tâm xã Chiềng Khoi					
1	Từ ngã ba đi Thao trường bắn đến ngã ba trường THCS (bản Pút)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba trường THCS đi các hướng 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba trường THCS (Bản Pút) đi hướng Hồ chiềng Khoi đến đập Hồ Chiềng Khoi	1,0	1,0	1,0		
XIII	Tuyến đường nông thôn					
1	Đất ở còn lại thuộc địa bàn các xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục số 09

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN MỘC CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
A1	Thị trấn Mộc Châu					
I	Đường Trần Huy Liệu					
1	Từ ngã ba Bưư điện đến đường rẽ vào Bưư điện cũ (Hang Dơi)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường rẽ vào Bưư điện cũ (Hang Dơi) đến ngã ba đường rẽ vào Phố Tây Tiến (đường vào trường Mầm non Tây Tiến)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
II	Phố Phan Đình Giót					
1	Từ ngã ba Bưư điện đến hết đất Nhà văn hoá huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất Nhà văn hoá huyện đến hết đất trường Trung học phổ thông Mộc Ly	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất trường Trung học phổ thông Mộc Ly đến đất Đập tràn tiểu khu 1	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ đầu Đập tràn tiểu khu 1 đến cách đường đi từ ngã ba tiểu khu 1 vào UBND xã Đông Sang 20m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Đường Tô Hiệu					
1	Từ giáp Ngã ba Quốc lộ 6 đến đường tránh dốc 75	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường tránh dốc 75 đến đầu công viên tiểu khu 4	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đầu công viên tiểu khu 4 đến hết đất Bưư điện	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Phố Vừ A Dính					
1	Từ giáp đất Bến xe đến cổng vào trường Trung học cơ sở Mộc Ly	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ trường Trung học cơ sở Mộc Ly đến hết đất trường Phổ thông dân tộc Nội trú huyện	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Phố Vũ Xuân Thiều và Phố Nguyễn Hoài Xuân					
-	Từ đường rẽ Ngân hàng nông nghiệp "Giáp đất KBNN" đến ngã tư Trạm biến thế	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
VI	Phố Nguyễn Hoài Xuân					
1	Từ ngã tư Trạm biến thế đến hết đất trường Tiểu học Mộc Ly	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba trung tâm tiểu khu 6 đến ngã ba tiểu khu 1	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Đường 20 - 11					
1	Từ trung tâm ngã ba Lóng Sập đi đến ngã tư Chợ Bảo Tàng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã tư Chợ Bảo Tàng đi hết đất thị trấn Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Đường Nguyễn Lương Bằng					
1	Từ ngã ba đường rẽ vào phố Tây Tiến đến Cầu Trắng	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Từ Cầu Trắng đến hết đất khách sạn Sao Xanh	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất khách sạn Sao Xanh đến cột điện li tâm 7A1 (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02) tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
4	Từ cột điện li tâm 7A1 (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02) tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu đến hết đất thị trấn Mộc Châu	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
IX	Phố Tuệ Tĩnh					
1	Từ Quốc lộ 6 20m đến ngã ba đường rẽ Bệnh Viện	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đường rẽ Bệnh viện đến trường Tiểu học và THCS Tây Tiến	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trường Tiểu học và THCS Tây Tiến đến cách ngã tư Chợ Bảo Tàng 20m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
X	Các tuyến đường nội thị khác					
1	Từ đất Đập tràn tiểu khu 1 đến hết thị trấn Mộc Châu (hướng đi bản Búa, xã Đông Sang)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba bản Mòn đến hết đất thị trấn Mộc Châu (đường đi Đông Sang)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
3	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (Quy hoạch 17,5m)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
4	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (Quy hoạch 11,5m)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5	Đường tránh dốc 75: Từ ngã ba đường tránh dốc 75 (Quốc lộ 6) đến đất Nhà văn hóa tiểu khu 3	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
6	Từ ngã ba đường trục chính Trung tâm hành chính cũ đến ngã ba đến cách Quốc lộ 6; 20m (hướng đi qua Công ty Hợp tác Quốc tế 705)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20 m theo đường vào khu đất Thanh tra giao thông I.02 ra đến cách Quốc lộ 6 20 m (tiểu khu 3)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ hết thửa đất nhà ông Tâm (thửa 24, tờ 18) đến ngã ba bản Mòn (tuyến phố Bình Minh)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ hết đất Công ty sửa chữa đường bộ 224 đến điểm giao nhau với phố Tuệ Tĩnh cách 20m (ngõ Hoa Anh Đào)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Từ đường rẽ xuống xóm bưu điện cũ cách 20m đến suối (tiểu khu 8)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ hết thửa đất số 136, tờ bản đồ số 25 (nhà bà Liên Mão) theo tường rào Chợ trung tâm huyện Mộc Châu đến hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 25 (tiểu khu 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Từ hết đất Khách sạn Hương Sen theo tường rào Công an huyện Mộc Châu đến hết đất Công an huyện, tiểu khu 6	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
13	Từ hết thửa đất nhà ông Liêm Tân (ngoài phạm vi 20m Quốc lộ 6) đến hết đất nhà ông Vương Thành Chung thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
14	Từ hết đất lương thực (ngoài phạm vi 20m Quốc lộ 6) đến đất nhà ông Tráng (thửa đất số 85, tờ bản đồ 25)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
15	Từ hết đất nhà ông Lại Vũ Hoạt (thửa đất số 99, tờ bản đồ 08) đến hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 8 (tiểu khu 13)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
16	Từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 12 đến hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 (tiểu khu 13)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
17	Từ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 09 đến hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 08 (tiểu khu 13)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
18	Từ thửa đất số 84, tờ bản đồ số 16 đến hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 15 (tiểu khu 12)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
19	Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 16 đến hết thửa đất số 96, tờ bản đồ số 11 (tiểu khu 11)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
20	Từ thửa đất số 254, tờ bản đồ số 16 đến hết thửa đất số 24, tờ bản đồ số 21 (tiểu khu 11)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
21	Từ thửa đất số 108, tờ bản đồ số 20 đến hết thửa đất số 07, tờ bản đồ số 24 (tiểu khu 8)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
22	Từ thửa đất số 345, tờ bản đồ số 25 đến hết thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25 (tiểu khu 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
23	Các tuyến đường trong khu đất đấu giá bến xe tỉnh cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
24	Từ cách ngã tư chợ Bảo tàng 20m đi đến cách Quốc lộ 6; 20m (theo hướng trường Mầm non Tây Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
25	Từ thửa đất số 236, tờ bản đồ 16 đến hết thửa đất số 246, tờ bản đồ 16 (tiểu khu 12)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
26	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
27	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
28	Tuyến đường nội thị thuộc quy hoạch khu dân cư và hồ sinh thái tiểu khu 2	1,3	1,1	1,0	1,0	1,0
A2	Thị trấn Nông trường Mộc Châu					
I	Đường Lê Thanh Nghị					
1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 mới đến đường rẽ tiểu khu 32 (theo Quốc lộ 43)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường rẽ tiểu khu 32 đến hết tường rào Khách sạn Công đoàn	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ tường rào Khách sạn Công đoàn đến đường phụ vào Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên	1,2	1,2	1,2	1,0	1,0
4	Từ đường phụ vào Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên đến hết đất cây xăng Km 70	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ hết đất cây xăng km 70 đến ngã ba vào Tân Lập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Đường nối với đường Lê Thanh Nghị					
1	Từ ngã ba Ngân hàng Nông nghiệp khu vực Thảo Nguyên ngoài phạm vi 100 m đến cầu tiểu khu 32	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ Quốc lộ 43 theo đường rẽ vào Khách sạn Công đoàn đến hết tường rào Khách sạn Công Đoàn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Đường Thảo Nguyên					
1	Từ ngã ba rẽ vào Tân Lập đến cột Km 194 (theo Quốc lộ 43)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cột Km 194 (theo Quốc lộ 43) đến đường rẽ vào Xưởng vi sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đường rẽ vào Xưởng vi sinh đến ngã ba vào tiểu khu Tiên Tiến (hết đất Chè Đen II)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba Km 64 ngoài phạm vi 100 m đến lối rẽ vào tiểu khu Tiên Tiến (Hướng đi Sơn La)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Đường 19-8					
-	Từ ngã ba đường rẽ vào trường Mầm non Hòa Mi đến Đài Bay	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Phố Lò Ván Giá					
1	Từ ngã ba Quỹ tín dụng thị trấn Nông trường Mộc Châu ngoài phạm vi 20m đến hết đất Xưởng chế biến thức ăn gia súc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất Xưởng chế biến thức ăn gia súc đến ngã tư tiểu khu Tiên Tiến	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Phố Kim Liên					
1	Từ ngã ba Công an 70 ngoài phạm vi 20 m đến hết đất UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu (Theo đường Kim Liên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất UBND thị trấn Nông trường Mộc Châu đến ngã ba Nhà máy sữa	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã 3 Nhà máy sữa đến cổng Nhà máy sữa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã 3 Nhà máy sữa đến Bia tường niệm, tiểu khu 19/5	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Đường Hoàng Quốc Việt					
1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 mới đến điểm tiếp giáp với đất của Resort Thảo Nguyên (theo hướng đi Hà Nội)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ giáp đất Resort Thảo Nguyên đến trung tâm ngã tư Bó Bun	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trung tâm ngã tư Bó Bun đến hết thửa đất ông Diệp Huệ (hướng đi Hà Nội)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ hết thửa đất nhà ông Diệp Huệ (theo hướng đi Hà Nội) đến hết thửa đất nhà ông Sinh Nghị (Cửa Hang Đá)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ hết thửa đất nhà ông Sinh Nghị (Cửa Hang Đá) đến trung tâm ngã tư tiểu khu 70	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ trung tâm ngã tư tiểu khu 70 đến hết thửa đất nhà ông Tuyền Thái (theo hướng đi Hà Nội)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ thửa đất nhà ông Tuyền Thái (tiểu khu 70) đến giáp đất xã Vân Hồ	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Đường nối với đường Hoàng Quốc Việt					
-	Từ đường Quốc lộ 6 cũ đến cách Quốc lộ 6 mới (ngã tư Kho Muối) 100 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20m đến hết thửa đất nhà Cường the (cổng chính Khách sạn Mường Thanh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	Đường Tiên Tiến					
1	Từ ngã tư tiểu khu Tiên Tiến đến Quốc lộ 43	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã tư tiểu khu Tiên Tiến đến Quốc Lộ 6	2,0	1,2	1,0	1,0	1,0
X	Đường Tỉnh lộ 104					
-	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Tân Lập đến hết khu đất quy hoạch hồ 70, tiểu khu Cơ quan (hết thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XI	Các đường nối với đường Tỉnh lộ 104					
1	Từ đường rẽ trạm biến áp 110Kv đến cách ngã ba tiểu khu Pa Khen 100 m	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ trung tâm ngã ba tiểu khu Pa Khen theo hướng đi thị trấn Nông trường Mộc Châu 100m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trung tâm ngã ba tiểu khu Pa Khen đi đến hết nhà văn hóa tiểu khu Pa Khen (theo hướng đi xã Tân Lập)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Từ trung tâm ngã ba tiểu khu Pa Khen đi đến hết thửa đất nhà bà Tích (theo hướng đi tiểu khu Tà Loọng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba tiểu khu Pa Khen (tính từ nhà văn hóa Pa Khen) đến giáp đất của xã Tân Lập (đường Nà Ka)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XII	Phố Tô Vĩnh Diện					
1	Từ ngã ba Xưởng chế biến thức ăn gia súc đến cách Quốc lộ 6; 20m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã 3 tiểu khu 70 (Nhà văn hóa) đến ngã ba tiểu khu 32 (hết đất nhà Chính Chất)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIII	Đường Thảo Nguyên đi hướng đường Tỉnh lộ 101					
-	Từ trung tâm ngã ba Km 64 đi các hướng 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIV	Đường 14-6					
1	Từ đường Quốc lộ 43 đến Xưởng chè Vân Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã tư đường rẽ vào Xưởng chè Vân Sơn theo hướng đi tiểu khu Hoa Ban đến ngã ba đường tỉnh lộ 101B (cách 20m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XV	Tiểu khu 70					
-	Từ ngã tư tiểu khu 70 ngoài phạm vi 20m đến cách Quốc lộ 6; 20m đi theo hướng nhà trẻ cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XVI	Tiểu khu Bản Ôn					
1	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m hướng đi đồi chè Trái tim đến ngã ba tiểu khu Bản Ôn (nhà Dân Mát)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba tiểu khu Bản Ôn (nhà Dân Mát) đến hết đất nhà Liên Vân (hướng đi tiểu khu Pa Khen 2)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba tiểu khu Bản Ôn (nhà Dân Mát) đến hết đất tiểu khu Bản Ôn (qua Nhà văn hóa tiểu khu Bản Ôn)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba ngoài phạm vi 20m (đường rẽ tiểu khu Pa Hía) đến hết khu dân cư tiểu khu Pa Hía	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XVII	Tiểu khu Tiên Tiến					
-	Từ ngã tư tiểu khu Tiên Tiến ngoài phạm vi 20m (cổng chào) đến hết đất Nhà văn hóa tiểu khu Tiên Tiến	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
XVIII	Tiểu khu 84/85					
-	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m đến Ngũ Động (bản Ôn)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIX	Các tuyến đường nội thị khác					
1	Từ ngã ba Ngân hàng Nông nghiệp khu vực Thảo Nguyên đi 100m theo hướng Bệnh viện cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã tư Bó Bun phạm vi 100 m theo đường ngang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trung tâm ngã tư tiểu khu 70 đi phạm vi 100 m theo hai hướng đường ngang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba tiểu khu Tiên Tiến (tính từ Thửa 54 tờ bản đồ 63) đến hết (thửa đất số 47 tờ bản đồ số 77) nhà Hoa Chuẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã 3 nhà Sang Toàn (tiểu khu 32) đến ngã 3 tiểu khu 32 (nhà Chinh + Chắt)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ ngã ba tiểu khu 32 (nhà Chinh + Chắt) đến cách ngã tư Bó Bun 20m (theo hướng ra Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ ngã tư Kho Muối phạm vi 100 m theo hai hướng đường ngang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ ngã ba Km 64 ngoài phạm vi 100m theo hướng tỉnh lộ 101B đến giáp đất Vân Hồ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ ngã ba Km 64 ngoài phạm vi 100m theo hướng Quốc lộ 43 đến giáp đất xã Phiêng Luông	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Các tuyến đường nội thị thuộc quy hoạch hồ 70	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ Nhà văn hóa tiểu khu 40 ngoài phạm vi 20m đến cách Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m (theo đường bê tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20 m đến hết đất Nhà văn hoá tiểu khu Khí tượng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
13	Từ ngã 3 Tân Cương (Tỉnh lộ 104) đi tiểu khu 26/7 và tiểu khu 67 đến cách Quốc lộ 43 (tiểu khu 67) 20 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
14	Từ Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20 m đến nhà văn hoá tiểu khu Vườn Đào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
15	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20 m theo hướng vào tiểu khu 19/5 đến Bia tưởng niệm nơi Bác Hồ về thăm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
16	Từ ngã 4 tiểu khu 70 (Quốc lộ 6) ngoài phạm vi 20m theo hướng đi tiểu khu Vườn Đào đến ngã 3 đường rẽ tiểu khu Vườn Đào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
17	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m (quán lẩu dê 68) theo hướng vào tiểu khu 26/7 đến ngã ba đường nối từ tiểu khu 26/7 đi tiểu khu 67	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
18	Từ ngã tư Bó Bun phạm vi ngoài 100m theo đường ngang đến hết đất Ban quản lý khu Du lịch Mộc Châu	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
19	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 40 m đến hết đất nhà văn hoá tiểu khu 69	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
20	Từ ngã 3 trường tiểu học 15/10 đến cách 20m tiếp giáp với đường Lò Văn Giá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
21	Khu đất đấu giá tiểu khu 77, thị trấn Nông trường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
22	Từ đường Lò Văn Giá (trường THPT Thảo nguyên) ra đến Quốc lộ 6	1,3	1,3	1,3	1,3	1,3
23	Từ ngã ba tiểu khu Chiềng Đi (tính từ thửa số 48, tờ bản đồ 77) đến hết thửa đất số 37, tờ bản đồ 10 (nhà Cúc Thắng), hướng đi tiểu khu Chiềng Đi.	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
24	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
25	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
26	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m đến hết đất nhà Thực Mai, tiểu khu Nhà nghỉ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
27	Từ đường Tỉnh lộ 104 ngoài phạm vi 20m đến cổng Trạm Ra đă, tiểu khu 84/85	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XX	Tuyến đường theo Nghị định 10 sau khách sạn Mừng Thanh, thị trấn Nông trường Mộc Châu: Từ Quốc lộ 6 đến Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XXI	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m đến cổng chính Bệnh viện Đa khoa Thảo nguyên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XXII	Tuyến đường từ hết đất quy hoạch hồ 70 theo đường tỉnh lộ 104 đến Trạm biến áp 110Kv	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
XXIII	Tuyến đường bê tông từ ranh giới thửa đất số 08 đến hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 20m, tiểu khu 32, thị trấn Nông trường Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Đường Tỉnh lộ 102 (đường từ Quốc lộ 43 đi vào Trung tâm cụm xã Chiềng Sơn)					
1	Từ quốc lộ 43 đến hết đất Trạm y tế xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất trạm Y tế xã đến giáp công trường Tiểu học Chiềng Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ công trường Tiểu học Chiềng Sơn đến qua công trụ sở CTCP Chè Chiềng Ve + 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ công trụ sở CTCP chè Chiềng Ve + 100m đến đường rẽ vào Xưởng chè + 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ đường rẽ vào xưởng chè + 100m đến hết địa giới xã Chiềng Sơn hướng đi xã Chiềng Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ ngã ba Trung tâm xã đi Nậm Dên ngoài phạm vi 20m đến cầu tiểu khu 2/9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20m đến đất Công ty chè Chiềng Ve	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20m đến đất nhà Thỏa Thiêng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20 m đến đất nhà Minh + Đức (tiểu khu 4)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20 m đến đất nhà bà Hoàng Thị Đào (tiểu khu 2)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Quốc lộ 6					
1	Từ giáp địa phận thị trấn Mộc Châu đến cách đường rẽ xuống trạm Y tế xã Chiềng Hắc 50m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cách đường rẽ xuống trạm Y tế xã Chiềng Hắc 50m đi phạm vi 200m đến hết cây xăng Quân Nam	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết cây xăng Quân Nam đến đầu khu dân cư bản Ta Niết (Km 250 + 480)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Từ đầu khu dân cư bản Ta Niết (Km 250 + 480) đến đường rẽ đập thủy điện Tà Niết	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ đường rẽ đập thủy điện Ta Niết đến cầu Ta Niết (khu nghĩa địa bản Ta Niết)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ cầu Ta Niết (Khu nghĩa địa bản Ta Niết) đến hết địa phận huyện Mộc Châu (Giáp ranh đất Yên Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Quốc lộ 43 từ bản Muống Phiêng Luông đến bến phà Vạn Yên					
1	Từ cầu bản Muống đến đập tràn bản Suối Khem + 100 m	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đập tràn bản Suối Khem + 100m đến Km số 9 xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ giáp đất huyện Vân Hồ đến cách khu đất Quy hoạch UBND xã Hua Phăng 600 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ khu đất quy hoạch UBND xã Hua Phăng về hai hướng 600m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ khu đất quy hoạch UBND xã Hua Phăng + 600m đến km 46 + 800 theo Quốc lộ 43 (Bản Thống Nhất xã Nà Mường)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ Km 46 + 800 theo Quốc lộ 43 đến Nhà văn hóa bản Đoàn Kết	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ Nhà văn hóa bản Đoàn Kết đến hết đất nhà Ông Thoan Bích (bản Đoàn Kết)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ hết đất nhà ông Thoan Bích (bản Đoàn Kết) theo Quốc lộ 43 đến hết đất nhà ông Mùi Văn Hòa (bản Kè Tèo)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ hết đất nhà ông Mùi Văn Hòa (bản Kè Tèo) đến hết Bến phà Vạn Yên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Từ ngã ba Quốc lộ 43 hướng đi xã Tà Lại + 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ hướng đi xã Tà Lại + 100m đến đường rẽ vào UBND xã Tà Lại + 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Quốc lộ 43 đoạn từ giáp đất thị trấn Mộc Châu đến Trụ sở xã Lóng Sập					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Từ hết đất thị trấn Mộc Châu + 300 m (theo Quốc lộ 43)	1,7	1,3	1,1	1,0	1,0
2	Từ giáp đất Thị trấn Mộc Châu ngoài phạm vi 300 m đến cầu Nà Bó	1,6	1,3	1,1	1,0	1,0
3	Từ cầu Nà Bó đến cầu Nà Ngà	1,5	1,2	1,0	1,0	1,0
4	Từ cầu Nà Ngà đến đường rẽ đi Chiềng Khừa	1,6	1,3	1,1	1,0	1,0
5	Từ đường rẽ đi Chiềng Khừa đến đường rẽ xuống thác Dải Yếm	1,5	1,2	1,0	1,0	1,0
6	Từ đường rẽ xuống thác Dải Yếm đến cầu Sò Lườn + 500 m	1,6	1,2	1,1	1,0	1,0
7	Từ Cầu Sò Lườn + 500 m đến hết đất xã Chiềng Sơn	2,0	1,3	1,1	1,0	1,0
8	Từ hết đất xã Chiềng Sơn đến hết địa phận xã Lóng Sập	2,0	1,3	1,1	1,0	1,0
VI	Đường ranh giới xã Đông Sang đi rừng thông Bản Áng					
1	Từ hết đất Thị trấn Mộc Châu đi rừng thông Bản Áng đến ngã ba rẽ vào rừng thông	2,6	1,5	1,2	1,0	1,0
2	Từ ngã ba rừng thông đi vào rừng thông Bản Áng	1,7	1,2	1,1	1,0	1,0
3	Từ ngã ba đường rẽ đi rừng thông đến cây đa bản Áng	2,0	1,3	1,1	1,0	1,0
4	Từ nhà văn hóa Bản Búa đi công Công ty TaKii	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Các tuyến đường tại các xã					
1	Xã Mường Sang					
-	Từ Quốc lộ 43 theo đường vào bản An Thái đến hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 09	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 43 đường rẽ đi Chiềng Khừa phạm vi ngoài 40m đến hết đất xã Mường Sang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đầu cầu Nà Ngà Quốc lộ 43 rẽ vào nghĩa trang nhân dân huyện Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ quốc lộ 43 phạm vi ngoài 40m đến ngã ba Chùa Vật Hồng (bản Vật)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 43 theo đường vào bản Thái Hưng đến hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 40m đến đường vào Nhà văn hóa bản Sò Lườn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Xã Đông Sang					
-	Từ ngã ba tiểu khu 34 theo đường vào trung tâm Giáo dục lao động	1,5	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba Nhà văn hóa bản Búa đến ngã tư đường rẽ trường THCS	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba sân vận động xã đến bản Búa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường theo Nghị định số 10 tại bản Áng, xã Đông Sang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Xã Chiềng Hắc					
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40m theo đường lên bản Tà Sồ đến hết đất nhà ông Vĩ Văn Nút	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40m theo đường đi trạm Y tế xã đến hết đất nhà ông Hà Văn Châm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40m theo đường đi vào trường cấp 2 Chiềng Hắc đến hết đất trụ sở UBND xã Chiềng Hắc (Trụ sở mới)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40m theo đường lên bản Ta Niết đến đất Ao bản Ta Niết trên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Xã Tân Hợp					
-	Từ cổng trụ sở UBND xã theo đường liên xã đến bản Cà Đặc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng trụ sở UBND xã Tân Hợp theo đường liên xã đến giáp đất bản Dội, xã Tân Lập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba bản Nà Sánh theo đường liên bản đến bản Sao Tua	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba bản Nà Sánh theo đường liên bản đến bản Suối Sáy	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Xã Chiềng Khừa					
-	Từ giáp đất xã Mường Sang theo đường vào trung tâm xã đến đất nhà ông Canh bản Phách	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ nhà ông Canh bản Phách đến hết đất xã Chiềng Khừa (giáp bản Bó Hin, xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
6	Xã Nà Mường					
-	Từ ngã ba đường đi xã Quy Hướng đến cầu cứng bản Kè Tèo	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cầu cứng bản Kè Tèo đến hết địa phận xã Nà Mường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Xã Quy Hướng					
-	Từ Quốc lộ 43 bản Cà Tèo xã Quy Hướng đến trung tâm xã Quy Hướng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ trung tâm xã đến bản Đồng Giăng, bản Suối Cẩu, Bó Hoi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Xã Tà Lại					
-	Từ đường rẽ vào UBND xã Tà Lại + 200m đến ngã ba bản Tà Lọt + 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Xã Hua Păng					
-	Tuyến đường liên bản Nà Bó I đến Nà Bó II (Quốc lộ 43)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường liên xã Quốc lộ 43 xã Hua Păng đi bản Đạo xa Tô Múa huyện Vân Hồ	1,0	1,0	1,0		
10	Xã Tân Lập					
-	Từ hết đất thị trấn Nông trường Mộc Châu theo hướng đi Tân Lập đến lối rẽ vào trường THCS Tân Lập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba tiểu khu 9 đi hết đất bản Tà Phình	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba tiểu khu 12 đi hết đất bản Nậm Khao (giáp đất Bắc Yên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba đường rẽ vào trường THCS Tân Lập đi hết đất Bản Dội (giáp đất xã Tân Hợp)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba Bản Hoa đi hết đất bản Nậm Tôm (giáp đất thị trấn Nông trường Mộc Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Đất ở nông thôn còn lại trên địa bàn huyện Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN VÂN HỒ**

(Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Quốc lộ 6 hướng đi Sơn La					
1	Từ giáp địa phận tỉnh Hoà Bình theo hướng đi Sơn La đến cách ngã ba đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu 200 m (Km 154 + 80 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
2	Trong phạm vi ngã ba đường đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu theo hai hướng 200 m (từ Km 154 + 80 đến Km 154 + 480 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
3	Từ cách ngã ba đường đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu 200 m đến đầu khu dân cư bản Co Chàm (từ Km 154 + 480 m đến Km 155 + 400 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
4	Từ khu dân cư bản Co Chàm đến đường rẽ vào bản Co Tang (từ Km 155 + 400 đến Km 157 + 950 m)	1,3	1,2	1,2	1,2	1,2
5	Từ đường rẽ vào bản Co Tang đến cách cổng trụ sở UBND xã Lóng Luông 500m (từ Km 157 + 950 m đến Km 159 + 600 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
6	Từ cổng trụ sở UBND xã Lóng Luông đi hai hướng 500m (từ Km 159 + 600m đến Km 160 + 600m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
7	Cách cổng trụ sở UBND xã Lóng Luông 500m đến cách ngã ba QL6 300m bản Lóng Luông (từ Km 160 + 600m đến Km 163 + 800m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
8	Ngã ba Quốc lộ 6 bản Lóng Luông theo hai hướng 300 m (từ Km 163 + 800m đến Km 164 + 400m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
9	Từ cách ngã ba Quốc lộ 6 bản Lóng Luông 300 m đến nhà ông Tráng A Sênh (từ Km 164 + 400m đến Km 170 + 400m)	1,3	1,2	1,2	1,2	1,2
10	Từ nhà ông Tráng A Sênh đến hết khu dân cư bản Bó Nhàng 1 (từ Km 170 + 400m đến Km 173 + 400m)	1,4	1,2	1,2	1,2	1,2
11	Từ hết đất khu dân cư bản Bó Nhàng 1 đến đường rẽ vào bản Chiềng Đi I (từ Km 173 + 400 m đến Km 176 + 800 m)	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
12	Từ đường rẽ vào bản Chiềng Đi I (Km 176 + 800) đến hết địa giới hành chính huyện Vân Hồ	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2
II	Quốc Lộ 6 hướng đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình					
-	Từ ngã ba Quốc lộ 6 (bản Co Chàm, xã Lóng Luông) đến hết địa giới hành chính xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
III	Quốc lộ 43					
-	Từ địa giới hành chính giáp với xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu đến địa giới hành chính giáp với xã Hua Păng, huyện Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Tỉnh lộ 101 (từ QL 6 đến bờ sông đền Hang Miếng)					
1	Từ ngã ba Quốc Lộ 6 đến ngã ba xã Vân Hồ (nhà ông Sào Hải)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
2	Từ ngã ba (nhà ông Mùi Văn Hải) đến hết đất Nhà máy IC Food + 300m	1,3	1,2	1,2	1,2	1,2
3	Từ hết đất nhà máy IC Food + 300m đến chân dốc cách cây xăng Chiềng Khoa 100m	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
4	Từ qua chân dốc cách cây xăng Chiềng Khoa 100m đi qua Trụ sở UBND xã Chiềng Khoa 100m	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
5	Từ cách Trụ sở UBND xã Chiềng Khoa 100m đến đỉnh dốc 3 tầng (biển Pano tuyên truyền về môi trường)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
6	Từ đỉnh dốc 3 tầng (biển Pano tuyên truyền về môi trường) đến đường rẽ vào trường mầm non Tô Múa	1,3	1,2	1,2	1,2	1,2
7	Từ đường rẽ vào trường mầm non Tô Múa đến cách đường vào trụ sở UBND xã Mường Tè 500m	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
8	Từ cách đường vào trụ sở UBND xã Mường Tè 500m đi đến trụ sở UBND xã Quang Minh + 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ trụ sở UBND xã Quang Minh + 500m đến bờ sông đền Hang Miếng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Tỉnh lộ 101 (từ giáp đất thị trấn Nông Trường Mộc Châu theo đường Quốc lộ 6 cũ đến ngã ba bản Lóng Luông)					
1	Từ giáp đất Thị trấn Nông trường huyện Mộc Châu đến cách ngã ba đường 31,5m 100m (khu cây đa)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Ngã ba đường 31.5m trong phạm vi 100 m đi hai hướng (khu cây Đa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba đường 31,5 m + 100 m đến đường lên cột phát sóng truyền hình	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ đường lên cột phát sóng truyền hình đến đường rẽ lên trụ sở UBND huyện cũ + 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ đường rẽ lên trụ sở UBND huyện cũ đến QL 6 (bản Lóng Luông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Tỉnh lộ 101 (Quốc lộ 43 đi trung tâm xã Chiềng Khoa)					
1	Từ Quốc lộ 43 đến hết đất nhà máy chế biến nông sản Sơn Hà	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất nhà máy chế biến nông sản Sơn Hà đến ngã ba bản Mường Khoa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Từ tỉnh lộ 101 đến trung tâm xã Suối Bàng					
1	Từ đường tỉnh lộ 101 đến hết đất nhà máy chè Tô Múa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất nhà máy chè Tô Múa đến hết đất khu dân cư bản Liên Hưng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất khu dân cư bản Liên Hưng xã Tô Múa đến cách cổng trụ sở UBND xã Suối Bàng 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ cổng trụ sở UBND xã Suối Bàng về 2 hướng 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cách cổng trụ sở UBND xã Suối Bàng 500m đến hết đường bê tông (ra Bến Lồi)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Tỉnh lộ 101 (đi xã Liên Hòa)					
1	Từ ngã ba bản Bó Mòng đến cách ngã ba trụ sở UBND xã Song Khùa 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba trụ sở UBND xã Song Khùa về ba hướng 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cách ngã ba trụ sở UBND xã Song Khùa 500m đến cách đường lên trụ sở UBND xã Liên Hòa 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Trong phạm vi đường lên trụ sở UBND xã Liên Hòa về hai hướng 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cách đường lên trụ sở UBND xã Liên Hòa 500m đến hết đường bê tông đi bản Tường Liên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
IX	Tỉnh lộ 101 (đi xã Mường Men)					
1	Từ ngã ba đường đi xã Mường Men đến ngã ba đi bản Chiềng Khòong	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đi bản Chiềng Khòong đến cách đường lên trụ sở UBND xã Mường Men 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đường lên trụ sở UBND xã Mường Men đi hai hướng 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
X	Tỉnh lộ 102 (đi xã Chiềng Xuân)					
1	Từ ngã tư bản Bó Nhàng, xã Vân Hồ (QL 6) theo hướng đi xã Xuân Nha đến hết khu dân cư bản Bó Nhàng II (chân dốc đá)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết khu dân cư bản Bó Nhàng II (chân dốc đá) đến cách đường lên trụ sở UBND xã Xuân Nha 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cách đường lên trụ sở UBND xã Xuân Nha 500m đến cách ngã ba bản Nà Hiềng 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Trong phạm vi ngã ba bản Nà Hiềng đi 3 hướng 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cách ngã ba bản Nà Hiềng 200m đến giáp đất trường trung học và tiểu học Chiềng Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ trường trung học và tiểu học xã Chiềng Xuân đến đầu cầu bản Suối Quanh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ đầu cầu Suối Quanh đến giáp đất xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XI	Tỉnh lộ 102 (đi xã Tân Xuân)					
1	Từ cách ngã ba bản Nà Hiềng 200m đến đường lên trụ sở cũ UBND xã Xuân Nha	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường lên trụ sở cũ UBND xã Xuân Nha đến ngã ba đường rẽ vào Bản Tụn - Pù Lầu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba đường rẽ vào Bản Tụn - Pù Lầu đến ngã ba đường rẽ vào bản Đồng Tà Lào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba đường rẽ vào bản Đồng Tà Lào đến ngã ba gần cầu Tân Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba gần cầu Tân Xuân đến ngã ba đường rẽ vào bản Tây Tà Lào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
6	Từ ngã ba gần cầu Tân Xuân đến qua đường lên trụ sở UBND xã Tân Xuân 500m (đường đi bản Cột Móc)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ qua đường lên trụ sở UBND xã Tân Xuân 500m đến hết đường bê tông bản Cột Móc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIII	Tỉnh lộ 102: Từ ngã ba Pa Cốp đi bản Lũng Xá Tà Dê đến hết địa giới hành chính huyện Vân Hồ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIII	Xã Chiềng Yên					
1	Từ Quốc lộ 6 mới đến đường Quốc lộ 6 cũ (qua bản Nà Bai)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Trong phạm vi ngã ba trường trung học và tiểu học xã Chiềng Yên về 2 hướng 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ công trụ sở UBND xã Chiềng Yên về 2 hướng 300m (trung tâm xã Chiềng Yên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Các đoạn đường khác thuộc Quốc lộ 6 cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đường du lịch xã Chiềng Yên (đi bản Phụ Mẫu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đường tái cơ cấu: Từ Quốc lộ 6 cũ (bản Bồng Hà) đến tỉnh lộ 101 (xã Quang Minh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIV	Đường trong khu trung tâm hành chính - chính trị huyện Vân Hồ (thuộc quy hoạch chung tỷ lệ 1/2.000 không bao gồm các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ)					
1	Đường đôi 31,5 m	1,5	1,3	1,3		
2	Đường 23,5m	1,5	1,3	1,3		
3	Đường 16,5 m	1,5	1,3	1,3		
4	Đường 13,5 m	1,5	1,3	1,3		
5	Đường 11,5 m và đường 9,5 m	1,5	1,3	1,3		
6	Các tuyến đường hiện trạng còn lại	1,3	1,3	1,3	1,3	1,3
XV	Các loại đường khác còn lại đã được cứng hóa lớn hơn 3m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XVI	Đất ở nông thôn thuộc các tuyến đường còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN BẮC YÊN**

(Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Đường 99					
1	Từ ngã ba Viện Kiểm sát đi đến hết đất Công an huyện	1,6	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết đất công an huyện đến hết đất nhà ông Công Dung	1,4	1,0	1,0	1,0	
3	Từ hết đất nhà ông Công Dung đến hết đất viễn thông	1,4	1,2	1,0	1,0	
4	Từ hết đất viễn thông đến suối Trám	1,2	1,0	1,0	1,0	
5	Từ suối Trám đến hết đất Hạt 2/37 giao thông	1,1	1,0	1,0	1,0	
6	Từ hết đất Hạt 2/37 giao thông đến suối Bạ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ ngã ba Viện Kiểm sát đến ngã ba đường đi xã Hồng Ngải	1,8	1,0	1,0	1,0	
8	Từ ngã ba đi Hồng Ngải đến hết đất nhà ông Phén	1,1	1,0	1,0	1,0	
9	Từ hết đất nhà ông Phén đến Suối Bẹ	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Phố A Phủ					
1	Từ ngã ba Thương nghiệp đến ngã ba Đồi nghĩa trang liệt sỹ	1,2	1,0	1,0	1,0	
III	Đường Phạm Ngũ Lão					
1	Từ ngã ba đường lên UBND huyện đến đất Trung tâm Chính trị (cũ)	1,2	1,0	1,0	1,0	
2	Từ đất nhà ông Dũng (Sở) đến hết đất nhà ông Đăng	1,3	1,0	1,0	1,0	
IV	Đường Tà Xùa					
1	Từ Viện Kiểm sát đến ngã ba đường rẽ đi Trung tâm y tế (Tỉnh lộ 112)	1,1	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã ba đường rẽ đi Trung tâm y tế (Tỉnh lộ 112) đến cua tay áo cách bề nước 50m	1,6	1,0	1,0	1,0	
3	Từ hết cua tay áo cách bề nước 50m đến Suối Ban (Tỉnh lộ 112)	1,5	1,0	1,0	1,0	
V	Phố 1 - 5					
-	Từ ngã tư Phòng Giáo dục đến hết đất sân bóng trường THCS Lý Tự Trọng cũ	1,5	1,0	1,0	1,0	
VI	Đường 20/10					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Từ nhà ông Hôm đến nhà ông Sơn Liên	1,5	1,0	1,0		
2	Từ ngã ba đường rẽ Huyện đội (đường vành đai) đến đường vào bệnh viện mới	1,6	1,0	1,0	1,0	
3	Từ đường vào bệnh viện mới đến ngã ba đường vào khu nhà ông Nhung	1,5	1,0			
4	Từ ngã ba đường vào khu nhà Ông Nhung (đường vành đai) đến ngã ba tiếp nối đoạn Quốc lộ 37	1,5	1,0	1,0	1,0	
5	Từ ngã ba Bến xe khách đến đất Huyện đội	1,5	1,0	1,0	1,0	
VII	Đường 3 - 2					
1	Từ ngã ba giáp đất nhà ông Dũng đến ngã tư công Phòng Giáo dục và Đào tạo	1,1	1,0	1,0	1,0	
VIII	Các tuyến đường khác					
1	Từ nhà ông Nhung đến ngã ba nhà ông Hặc đường vành đai hồ 2,3	1,8	1,0	1,0		
2	Đoạn tư Quốc lộ 37 đến hết đất trung tâm giáo dục lao động cũ	1,2	1,0	1,0	1,0	
3	Đoạn tư Quốc lộ 37 đến hết đất trung tâm giáo dục thường xuyên + 200m	1,1	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã ba đường rẽ đi Trung tâm y tế (Tỉnh lộ 112) đến hết đường bê tông nối Quốc lộ 37	1,1	1,0	1,0	1,0	
5	Từ hết đất Trại Khuyến nông cũ đi đến hết xóm Lâm Đồng thuộc Tiểu khu 1	1,2	1,0	1,0	1,0	
6	Đường bê tông từ cổng chợ thương mại đến hết nhà Bà Dung	1,1	1,0	1,0		
7	Đoạn đường bê tông từ hết đất nhà bà Dung đến trạm biến áp	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Từ ngã ba Hồng Ngải đến bãi đá Tổ hợp 20/10	1,0	1,0	1,0		
9	Từ ngã ba đường vành đai ngã ba vào bệnh viện mới + 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Từ đường A Phủ đi khu thể thao trung tâm văn hóa huyện đường bê tông	1,2	1,0	1,0	1,0	
11	Đường từ Tân Bắc Đa đến Quốc lộ 37	1,0	1,0	1,0		
12	Từ tỉnh lộ 112 đến xưởng mộc ông Thở (đường bê tông) Tiểu khu 2	1,1	1,0	1,0		
13	Các nhánh đường khác xe con vào được	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
14	Các nhánh đường khác xe con không vào được	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Tuyến dọc quốc lộ 37					
1	Từ suối Bẹ đến hết bản Cao Đa I	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Cung giao thông cũ đến hết đất Trường Tiểu học xã Song Pe	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ Cung giao thông giáp đất Trường Tiểu học xã Song Pe đến trụ sở UBND xã Song Pe	1,2	1,2	1,2	1,0	1,0
4	Từ trụ sở UBND xã Song Pe đến hết đất cây xăng	1,8	1,2	1,2	1,0	1,0
5	Từ hết đất cây xăng đến cách cầu Tạ Khoa 50m	1,2	1,2	1,2	1,0	1,0
6	Từ cầu Tạ khoa +50m đến cửa Pom Đôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ hết đất công sở mỏ Nikel đến cầu suối Pót	1,2	1,2	1,2	1,0	1,0
8	Từ cầu suối Pót đến nhà văn hóa bản Chẹn + 500 m	1,2	1,2	1,2	1,0	1,0
9	Từ suối Bạ đi hết đất Trụ sở xã Phiêng Ban + 200 m	1,2	1,2	1,2	1,0	1,0
10	Từ hết đất Trụ sở xã Phiêng Ban + 200 m đi hết đất nhà xây ông Lữ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ hết đất nhà xây ông Lữ đi đến Cung bản Tân Ban	1,0	1,0			
12	Từ Cung bản Tân Ban đến Cầu Suối Sập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
13	Đoạn đường vào UBND xã Tà Xùa đi về thị trấn theo hướng đường Tỉnh lộ 112 dài 300m	2,0	1,0	1,0	1,0	
14	Đoạn đường từ suối Ban dọc theo tỉnh lộ 112 đến đường vào UBND xã Tà Xùa	1,0	1,0	1,0	1,0	
15	Các vị trí còn lại dọc Quốc lộ 37	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Tỉnh lộ 112 xã Tà Xùa					
1	Đoạn từ Cổng chợ đến nhà ông Trịnh Xuân Lộc theo tỉnh lộ 112 dài 400m	2,8	1,5	1,5		
2	Đoạn từ nhà ông Trịnh Xuân Lộc ngã ba tỉnh Lộ 112 - Háng Đồng dài 800m	2,5	1,2	1,2		
3	Đoạn tiếp giáp ngã ba tỉnh lộ 112 - Háng Đồng, theo tỉnh lộ 112 đi về phía xã Làng Chếu 300 m	2,0	1,2	1,2		
4	Đoạn từ Cửa gió xã Tà Xùa đến nhà ông Phong dài 500 m	1,8	1,2	1,2		
5	Đoạn từ nhà ông Phong đến Cửa bể nước đầu nguồn Suối Cao thuộc bản Cáo A xã Làng Chếu dài 500m	1,8	1,2	1,2		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
6	Đoạn từ cổng Chợ đến giáp đất UBND xã Tà Xùa	2,5	1,2	1,2		
7	Đường bê tông từ UBND xã Tà Xùa đến nhà ông San	1,7	1,2	1,2		
8	Đoạn từ tiếp giáp tỉnh lộ 112 (Khu xã) theo đường bê tông đến bản Tà Xùa C dài 800m	2,0	1,2	1,2		
9	Đoạn từ giáp đất UBND xã Tà Xùa đến đường nối 112 Tà Xùa C đường bê tông (đường vành đai)	2,2	1,2	1,2		
10	Đoạn từ đường 112 ngã ba rẽ Khe Cải đi lên bản Tà Xùa A (đường bê tông) đến ngã ba đi về hai hướng mỗi hướng 50 m	2,0	1,2	1,2		
11	Đoạn từ ngã ba 112 đi hướng xã Háng Đồng dài 400 m	2,0	1,2	1,2		
12	Đoạn từ hết đất bản Tà Xùa A đi hết địa phận xã Tà Xùa theo đường Tà Xùa - Háng Đồng	2,0	1,2	1,2		
III	Xã Hồng Ngài					
1	Đoạn từ Cầu Hồng Ngài 2 đến nhà Văn Hóa bản Hồng Ngài	1,1	1,0	1,0		
2	Đoạn từ Cầu Hồng Ngài 2 đến ngã ba hướng đi bản Liếm Xiên dài 100m, và hướng đi bản Mới dài 50 m	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn tiếp 100 m đi Liếm Xiên đường đất đến ngã ba dài 150 m	1,0	1,0	1,0		
4	Đoạn từ trung tâm trường Phổ thông Dân tộc nội trú và bán trú THCS xã Hồng Ngài đi về 2 phía 200 m	1,1	1,0	1,0		
5	Đoạn từ mỏ đá tổ hợp 20/10 đến hết bản Mới	1,0	1,0	1,0		
IV	Xã Pắc Ngà					
1	Đoạn từ cổng trụ sở UBND xã theo đường ô tô đến đường vào khu tái định cư Nong Lương theo hướng đi bản Pắc Ngà	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ đường vào khu tái định cư Nong Lương đến hết nhà ông Minh qua bản Pắc Ngà	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Đoạn từ bản Bưóc đi qua khu tái định cư Nong Lương	1,0				
4	Đoạn từ cổng UBND xã đến hết bản Bưóc theo đường đi Mường La - Bắc Yên	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đoạn từ bản Bưóc đến hết bản Nà Sài theo đường đi Mường La - Bắc Yên	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Đoạn từ trung tâm xã đến hết bản Nong Cóc theo trục đường Bắc Yên - Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
7	Đoạn từ bản Nong Cóc đến hết bản Lùm Thượng A, B theo trục đường Bắc Yên - Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	
V	Xã Chim Vàn					
1	Từ cổng trụ sở UBND xã Chim Vàn theo đường ô tô đi 2 hướng: đi Chim Hạ, đi bản Vàn dài 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Dọc tuyến đường còn lại đến bản Vàn	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn từ bản Chim Hạ đến hết bản suối Tù	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đoạn từ đầu bản Chim Thượng đến hết bản Nà Phán dọc theo đường bê tông	1,0	1,0	1,0	1,0	
VI	Xã Tạ Khoa					
1	Đoạn từ cầu tràn vào trụ sở UBND xã đi về 2 phía 200m	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn đường từ ngã ba suối Sắt đến hết bản Nhận Nọc dọc theo tuyến đường ô tô Mường Khoa - Tạ Khoa	1,0	1,0	1,0		
3	Đường từ bản Co My đến hết bản Nhận Cuông dọc theo tuyến đường ô tô Mường Khoa - Tạ Khoa	2,0	1,0	1,0		
4	Đoạn từ cầu Tạ Khoa (cách 50m) đến Suối Phát	1,0	1,0	1,0		
VII	Xã Chiềng Sại					
1	Từ trước cổng trụ sở UBND xã đến hết đất điện lực	1,0	1,0	1,0		
2	Từ cổng trường Mầm non đến hết đất khu tái định cư Tạng Tào Suối Quốc theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0		
3	Từ ngã ba đường rẽ đi bản Quế Sơn đến hết bản Co Muông theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0		
4	Đoạn từ đường rẽ lên tượng đài nghĩa trang liệt sỹ đến hết bản Quế Sơn theo đường Co Muông - Mỗm Bò	1,0	1,0	1,0		
VIII	Xã Phiêng Côn					
1	Từ cầu bản En đến cổng hợp đường đi bản Tăng	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ cổng đi bản Tăng đến hết khu xưởng ngô nhà ông Biện Hòa theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0		
3	Từ cầu Bản Tăng đến hết trường tiểu học + 200m	1,0	1,0	1,0		
4	Đoạn từ nhà ông Neo đến hết kho ngô ông Đồn bản Nhèm theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0		
IX	Xã Háng Đồng					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Từ công trụ sở UBND xã đi về hai hướng 150 m	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn đường từ bản Chung Chinh đến bản Háng Đồng B	1,0	1,0	1,0		
X	Xã Làng Chếu					
1	Đoạn từ ngã ba đi Xím Vàng đến cách trụ sở UBND xã 200m	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ Đài truyền hình đến hết trạm Khuyến nông cũ + 200 m theo tỉnh lộ 112	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn từ ngã ba đi UBND đến hết bản Cáo B theo tỉnh lộ 112	1,0	1,0	1,0		
4	Các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	1,0	1,0	1,0		
5	Các vị trí khác tại các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con không đi được	1,0	1,0	1,0		
6	Từ đầu bản Làng Chếu đến nhà văn hóa bản Làng Chếu	1,0	1,0	1,0		
7	Từ ngã ba đường đi bản Làng Chếu đến đường đi bản Suối Lộng	1,0	1,0	1,0		
8	Từ ngã ba đường đi bản Làng Chếu đến đường vào bản Pang Khúa	1,0	1,0	1,0		
9	Từ trường tiểu học Làng Chếu đến trung tâm bản Trang Dưa Hang (khu 1,2)	1,0	1,0	1,0		
10	Từ ngã ba bản Suối Vàng đến bản Chim Púa	1,0	1,0	1,0		
XI	Xã Xím Vàng					
1	Công trụ sở UBND xã đi về hướng đông theo tỉnh lộ 112 đến khe cây suối cuối nhà Giàng A U	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ trụ sở UBND xã đến ngã 3 lên nhà trường Háng Chơ (Cúa Mang cũ) theo tỉnh lộ 112	1,0	1,0	1,0		
3	Từ ngã ba lên Bản Háng Chơ (Cúa Mang cũ) đến ngã ba đường rẽ đi ngàm suối Thông Lý Qua Ché	1,0	1,0	1,0		
XII	Xã Hang Chú					
1	Từ nhà Mùa Cang Sinh đến nhà ông Giàng A Tủa (đường lên bản Pá Đông)	1,0	1,0	1,0		
2	Các bản còn lại dọc theo tỉnh lộ 112 và đường giao thông nông thôn xe con đi vào được	1,0	1,0	1,0		
XIII	Xã Hua Nhàn					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Từ giáp đất Mai Sơn đi về phía Bắc Yên theo Quốc lộ 37 dài 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Trung tâm trụ sở UBND xã đi hai hướng dài 200m	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn từ đỉnh đèo Chẹn vào cách công trụ sở UBND xã 200 m	1,0	1,0	1,0		
XIV	Xã Mường Khoa					
1	Đoạn từ Quốc Lộ 37 đi hết bản Pót	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ Quốc Lộ 37 đi hết bản Chạng	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn từ Quốc Lộ 37 đi hết bản Suối Tăng	1,0	1,0	1,0		
XV	Xã Phiêng Ban					
1	Đoạn từ Quốc lộ 37 đến điểm trường tiểu học Pu Nhi	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ điểm trường tiểu học Pu Nhi đến ao nhà ông Mùa A Tủa	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn từ ao nhà ông Mùa A Tủa đi hết đường vào bản Pu Nhi	1,0	1,0	1,0		

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN PHÙ YÊN**

(Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
1	Công Viên mừng 3/2					
1.1	Đi Bệnh viện đến hết đất ông Tăng	1,0	1,0	1,0		
1.2	Từ hết nhà ông Tăng đến hết đất bệnh viện	1,0	1,0	1,0		
1.3	Từ hết đất bệnh viện đến ngã tư rẽ vào Huy Bắc	1,0	1,0	1,0		
2	Đường 18/10					
2.1	Từ Công viên mừng 3/2 đến đường vào Hội trường trung tâm huyện	1,0	1,0	1,0		
2.2	Từ đường vào Hội trường trung tâm huyện đến ngã tư Truyền hình	1,0	1,0	1,0		
3	Đường Noong Bua					
3.1	Từ công viên mừng 3/2 tính từ nhà bà Hải Soái đến ngã tư đường rẽ vào Huy Bắc	1,0	1,0	1,0		
3.2	Từ ngã tư Huy Bắc (đài phun nước) đến đường vào Kim Tân (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0		
4	Khu đô thị công viên 2/9					
4.1	Các đường nhánh xung quanh công viên 2/9	1,2	1,0	1,0		
4.2	Các đường nhánh tiếp giáp với công viên 2/9	1,2	1,0	1,0		
5	Đường Phù Hoa					
5.1	Từ ngã tư Truyền hình đến giáp đất Công ty TNHH nhà nước một thành viên lâm nghiệp Phù Yên (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0		
5.2	Từ Công ty TNHH nhà nước một thành viên lâm nghiệp Phù Yên đến hết đất Cửa hàng xăng dầu (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0		
5.3	Từ hết đất Cửa hàng xăng dầu đến hết đất Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng giao thông II Sơn La (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0		
5.4	Từ hết đất Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng giao thông II Sơn La đến hết đất bà Ngợi	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5.5	Từ hết đất bà Ngợi đến hết đất Trạm cấp nước Phù Yên (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0		
6	Đường Nguyễn Công Trứ					
6.1	Từ siêu thị Dừng Hằng đến cầu suối Ngọt	1,0	1,0	1,0		
6.2	Tiếp từ cầu suối Ngọt đến hết đất nhà Hùng Sai	1,0	1,0	1,0		
7	Đường Mường Tắc					
7.1	Từ ngã ba Bệnh viện đi Quang Huy đến đầu cầu suối Ngọt	1,0	1,0	1,0		
7.2	Từ cầu suối Ngọt (trại giống lúa cũ) đến giáp nhà Hùng Sai	1,0	1,0	1,0		
8	Đường Tô Vĩnh Diện					
8.1	Từ công viên mừng 3/2 đi từ nhà Thanh Sinh đi vào huyện đội đến hết đất nhà ông Thành Sâm	1,0	1,0	1,0		
8.2	Từ hết đất nhà Thành Sâm đến ngã tư chợ xã Huy Bắc	1,0	1,0	1,0		
9	Đường Võ Thị Sáu					
9.1	Từ đường quốc lộ 37 đi vào Hội trường trung tâm	1,0				
9.2	Từ nhà Hùng Khuyên đi hết đất nhà ông Hồ Đăng Quang	1,0	1,0	1,0		
9.3	Từ nhà ông Hùng Khuyên đến tiếp giáp đường QL 37	1,0	1,0	1,0		
9.4	Từ hội trường trung tâm huyện đi đến công trung tâm chính trị huyện	1,0	1,0	1,0		
10	Đường nhánh khu chợ mới					
10.1	Từ nhà Sơn Hằng đi thẳng giáp đất nhà Vân Ninh Đường vào công chợ	1,0	1,0	1,0		
10.2	Từ nhà Vân Ninh rẽ phải đến hết đất nhà Luân Dung	1,0	1,0	1,0		
10.3	Từ nhà Vân Ninh đi thẳng 30m rẽ phải đến giáp đất nhà Hùng Huyền	1,0	1,0	1,0		
11	Đường Lý Tự Trọng					
11.1	Từ Ngã ba Trung tâm văn hoá huyện đến đầu cầu suối ngọt	1,0	1,0	1,0		
11.2	Tiếp từ cầu suối Ngọt đến hết đất nhà bà Hiền công trường THCS thị trấn cũ	1,0	1,0	1,0		
12	Đường Đinh Văn Tỷ					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngã tư truyền hình đi đến hết đất nhà ông Hợi Đới	1,0	1,0	1,0		
13	Đường Vàng Lý Tả					
13.1	Từ ngã tư Truyền hình rẽ trái đến giáp Trường Tiểu học Thị trấn	1,0	1,0	1,0		
13.2	Từ đất trường Tiểu học Thị trấn đến suối Ngọt (hết đất ông Sỹ)	1,0	1,0	1,0		
13.3	Từ suối ngọt tiếp giáp đất ông Sỹ đến trạm cấp nước	1,0	1,0	1,0		
14	Đường nhánh Tiểu khu 2					
-	Từ nhà ông Thắng Sản rẽ phải đến nhà ông Đông Mỹ	1,0	1,0	1,0		
15	Đường Hoa Ban					
-	Đường ngã ba nhà Hà Thắm Cương đến ngã tư trường mầm non thị trấn cơ sở 1	1,0	1,0	1,0		
16	Đường Chu Văn An					
16.1	Từ ngã tư trường Mầm non Thị trấn (cơ sở 1) rẽ trái đến đường nhựa đi Huyện đội	1,0	1,0	1,0		
16.2	Từ ngã tư trường Mầm non Thị trấn (Cơ sở 1) rẽ phải đến hết trường cấp I Thị trấn	1,0	1,0	1,0		
17	Đường nhánh tiểu khu 4, tiểu khu 5					
17.1	Từ trường mầm non Thị trấn cơ sở 1 đi Huyện đội 50m rẽ trái đến hết đất Công ty môi trường đô thị	1,0				
17.2	Từ Ngã ba Trụ sở Trung tâm dịch vụ nông nghiệp đi hết đất nhà bà Dung	1,0	1,0	1,0		
17.3	Từ ngã tư trường mầm non thị trấn cơ sở 1 rẽ phải tính từ nhà bà Sắc đến hết đất nhà ông Cung tiểu khu 5 (khối 7 cũ)	1,0	1,0	1,0		
17.4	Từ ngã tư trường mầm non thị trấn cơ sở 1 rẽ phải tính từ nhà bà Sắc đến hết đất nhà bà Hồng tiểu khu 5 (khối 8 cũ)	1,0	1,0	1,0		
17.5	Từ ngã tư trường mầm non thị trấn cơ sở 1 đi thẳng đến nhà Hòa Hạnh tiểu khu 4 (khối 6 cũ)	1,0	1,0	1,0		
18	Từ ngã tư truyền hình đi Quang Huy					
18.1	Từ ngã ba ông Hợi Đới rẽ phải đến công trường THCS Thị trấn (cũ)	1,0	1,0	1,0		
18.2	Từ công trường THCS Thị trấn (cũ) đi chợ mới đến giáp đường Nguyễn Công Trứ	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
19	Đường Quang Huy					
-	Tuyến đường từ ngã tư Mo 1 đi xăng dầu: Từ ngã tư nhà ông Hùng đến giáp nhà ông An Mo 1	1,0	1,0	1,0		
20	Đường Xuân Diệu					
-	Đường nhánh Quốc lộ 37 từ nhà Diêm đến hết đất nhà ông Cẩm Vĩnh Chi	1,0	1,0	1,0		
21	Đường Phan Đình Giót					
-	Đường nội thị từ Quốc lộ 37 xuống trạm điện tiếp giáp với đường đi xăng dầu	1,0	1,0			
22	Xã Huy Bắc					
22.1	Đường vành đai Huy Bắc (từ đài phun nước ngã tư Huy Bắc đến ngã tư chợ Huy Bắc)	1,0	1,0	1,0		
22.2	Đường vành đai Huy Bắc: Từ trường TH và THCS Huy Bắc cũ đến tiếp giáp đường tiểu khu 4 (khối 6 cũ)	1,1	1,1	1,0		
22.3	Đường trục chính và đường nhánh xung quanh khu đô thị bản Phố, xã Huy Bắc.	1,1	1,1	1,0		
22.4	Đường Bê tông từ ngã ba Kim Tân đi hết khu dân cư Kim Tân	1,0	1,0	1,0		
22.5	Đường Bê tông từ trước cổng BCH Quân sự huyện Phù Yên nối vào đường vành đai Huy Bắc	1,0	1,0	1,0		
22.6	Đường Bê tông tiếp giáp BCH Quân sự huyện Phù Yên rẽ phải đi tiểu khu 4 (khối 5 cũ) thị trấn Phù Yên	1,0	1,0	1,0		
23.7	Từ đường rẽ vào Kim Tân đến cổng trào tiếp giáp xã Huy Hạ	1,0	1,0	1,0		
23	Xã Quang Huy					
23.1	Đường Mường Tấc					
-	Từ nhà Hùng Sai đến giáp nhà ông Ánh (Ngân hàng)	1,0	1,0	1,0		
-	Từ nhà ông Ánh Ngân hàng đến hết đất nhà ông Lường - Ấng ao Noong Bua	1,0	1,0	1,0		
23.2	Đường Đình Văn Tỷ					
-	Từ giáp đất ông Hời Đợi đi Quang Huy đến ngã tư ông Ún	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Tuyến từ Ngã tư ông Ún đi thẳng đến tiếp giáp đường Mường Tắc (đường Đinh Văn Tỷ kéo dài qua nhà ông Hiền)	1,0	1,0	1,0		
23.3	Đường Quang Huy					
-	Tuyến Ngã tư ông Ún đi chợ mới: Từ nhà ông Ún đến nhà ông Hùng Sai giáp với đường nhánh Chợ mới	1,2	1,0	1,0		
-	Tuyến từ Ngã tư ông Ún đi xăng dầu: Từ đất nhà ông An đến đất nhà ông Hoàng bản Mo 2	1,2	1,0	1,0		
-	Tuyến từ Ngã tư ông Ún đi xăng dầu: Từ nhà ông Hoàng bản Mo 2 đến ngã ba xăng dầu	1,2	1,0	1,0		
23.4	Xã Quang Huy					
-	Đường khu đô thị hồ Noong Bua	1,3	1,3			
-	Tuyến đường xung quanh hồ Noong Bua, xã Quang Huy	1,2	1,2	1,0		
-	Từ trạm cấp nước Phù Yên đến cầu Nà Xá	1,2	1,2	1,0		
-	Đường Mường Tắc tiếp giáp Quốc lộ 37 đến ngã tư đường rẽ vào trụ sở UBND xã Quang Huy	1,2	1,2	1,0		
23.5	Đường Tạ Xuân Thu					
-	Đường khu đô thị Đông Phù Yên đến trường mầm non thị trấn cơ sở 2 (trường mầm non Hoa Hồng cũ)	1,0	1,0			
-	Đường từ ngã ba bản Mo 2 (Mo 4 cũ) đến hết trường mầm non thị trấn cơ sở 2 (trường mầm non Hoa Hồng cũ)	1,0	1,0	1,0		
23.6	Đường bê tông rộng từ 2,5m trở lên đường liên bản Mo 1, Mo 2, Mo Nghè 1, Mo Nghè 2, Tường Quang (trong quy hoạch đô thị)	1,2	1,1	1,0		
24	Các tuyến đường còn lại					
24.1	Đường trục chính Chợ thực phẩm	1,1				
24.2	Đường nhánh xung quanh Chợ thực phẩm	1,2				
24.3	Các tuyến đường còn lại xe con vào được (đối với đường bê tông) lớn hơn hoặc bằng 3m	1,1	1,1	1,0		
24.4	Các tuyến đường còn lại xe con vào được (đối với đường bê tông) nhỏ hơn 3,0m	1,1	1,1	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
24.5	Các tuyến đường nhánh xe con vào được (đường đất)	1,1	1,1	1,0		
24.6	Các tuyến đường nhánh xe con không vào được	1,1	1,1	1,0		
25	Đường từ Quốc lộ 37 đi công viên 2/9 mở rộng (đường có mặt rộng 16,5m)	1,0	1,0	1,0		
26	Đường nhánh khu đô thị Đồng Đa (đường có mặt rộng 13,5m)	1,0	1,0	1,0		
27	Đường nhánh khu đô thị Đồng Đa (đường có mặt rộng 7,5m)	1,0	1,0	1,0		
28	Đường nội thị từ Quốc lộ 37 (từ nhà may Hòa Thuận) xuống tiếp giáp với đường Quang Huy (đường Xăng dầu)	1,0	1,0	1,0		
29	Các đường nhánh xe con không vào được (đất trong quy hoạch khu đô thị)	1,0	1,0	1,0		
30	Các đường bê tông rộng 2,5m trở lên đường liên bản Phở, bản Kim Tân (trong quy hoạch đô thị)	1,0	1,0	1,0		
31	Đường dọc Quốc lộ 37 đi ngã tư Huy Bắc (đài phun nước)	1,0	1,0	1,0		
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
B1	ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH					
1	Xã Huy Bắc					
1.1	Tuyến từ chợ Huy Bắc đến hết đất nhà ông Cầm Văn Thứ (bản Suối Làng)	1,0	1,0	1,0		
1.2	Tuyến từ giáp đất nhà ông Cầm Văn Thứ đi qua trụ sở UBND xã Huy Bắc (mới) đến hết đất nhà ông Dương hướng đi Phai Làng	1,0	1,0	1,0		
1.3	Tuyến từ ngã ba trụ sở UBND xã Huy Bắc (mới) điểm từ bưu điện đến trạm biến thế (giáp cánh đồng) bản Nà Phái 1	1,0	1,0	1,0		
2	Đường Quốc lộ đi qua khu quy hoạch dân cư nông thôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đường Tỉnh lộ đi qua khu vực quy hoạch dân cư nông thôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Đường huyện quản lý qua khu vực quy hoạch dân cư nông thôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
B2	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ					
I	Xã Gia Phù					
1	Trung tâm ngã ba gia phù đi 3 hướng					
1.1	Đi Vạn Yên 200m (đến hết đất nhà ông Dự Nho)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
1.2	Đi Vạn Yên từ mét 201 (đến nhà ông Việt Phố Mới xã Gia Phù)	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
1.3	Đi Bắc Yên 150m (Đến hết đất nhà ông Thịnh Toan)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
1.4	Đi Phù Yên 150 m (đến cầu suối Bùa)	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
1.5	Từ mét 151 đến mét 441 (Giáp Trạm Y tế)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
1.6	Từ nhà ông Thịnh Toan đến cầu suối Hiền (bản Tạo)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Từ giáp Trạm Y tế đến cầu suối Công (từ mét 442 đến mét 1292)	1,1	1,1	1,1	1,0	1,0
3	Đường mở mới thị tứ Gia Phù, từ đất nhà bà Oanh đến tiếp giáp đường Quốc lộ 43 đi Vạn Yên	1,2	1,2	1,2		
4	Đường nội bộ khu dân cư bản Lá, xã Gia Phù đường có mặt cắt rộng 6,0m	1,0	1,0	1,0		
II	Xã Mường Cơi					
1	Trung tâm ngã ba đi 3 hướng					
1.1	Đi Phù Yên cách 150m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	Từ mét 151 đến mét 291 (đường vào bản suối Bí)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1.3	Đi Yên Bái 150 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	Đi Hà Nội 120 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường Quốc lộ đến cổng trường Trung học cơ sở Mường Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đường nhánh đi UBND xã Mường Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	
III	Khu Xưởng chè					
1	Từ cổng xưởng chè đi 2 hướng					
1.1	Đi Hà nội đến cầu Xưởng chè	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	Đi Phù Yên cách 150m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Ngã ba đường đi Tân lang đi 2 hướng					
2.1	Đi Hà nội cách 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2.2	Đi Phù Yên cách 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	Đi xã Tân Lang cách 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Xã Mường Do (từ cổng trường THPT và THCS đi các hướng trong khu vực quy hoạch thị tứ mở rộng)					
1	Đi Phù Yên đến chân đèo Bụt	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đi bản Lăn đến cửa hàng Thương Nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đi xã Mường Bang 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Khu trung tâm thị tứ Mường Do trước nhà văn hóa cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Xã Huy Tân (Từ trung tâm đi 5 hướng)					
1	Từ ngã tư xã Huy Tân hướng đi bản Lềm 150m (TL 114)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã tư xã Huy Tân hướng đi bản Puôi 150m (TL 114)	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
3	Từ ngã ba tiếp giáp đường tỉnh lộ 114 hướng đi bản Chải 150m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã tư xã Huy Tân hướng đi xã Huy Thượng 150m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã tư xã Huy Tân đến hết trường Mầm non hướng đi trường cấp I + II	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Xã Mường Thái (Ngã ba Mường Thái đi 3 hướng)					
1	Đi Phù Yên cách 150m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đi Phù Yên từ 151 m đến đỉnh Đèo Ban	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đi Hà Nội cách 150m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Đi Hà Nội từ 151m đến giáp đất Mường Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đi vào trụ sở UBND xã cách 150m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Xã Tân Lang					
1	Từ tỉnh lộ 114 (ngã ba Sông Mưa) hướng đi ngã ba bản Diệt cách 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Tỉnh lộ 114 (ngã ba Sông Mưa) hướng đi suối Đi xã Mường Lang cách 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cổng trường THPT Tân Lang đi hướng Sông Mưa 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Từ cổng trường THPT Tân Lang đi hướng UBND xã 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cổng UBND xã Tân Lang đi đến cách cổng trường THPT Tân Lang 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ cổng UBND xã Tân Lang đi hướng Quốc lộ 32 đến đồn công an Tân Lang cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Xã Tân Phong (Từ trung tâm xã đi hai hướng)					
1	Từ nhà ông Đinh Văn Sáu đến hết đất nhà bà Đinh Thị Chung (Quốc lộ 43)	1,0	1,0	1,0		
IX	Xã Huy Hạ (Ngã ba Huy Hạ đi 3 hướng)					
1	Đi Sơn La đến đầu cầu bản Trồ	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
3	Từ cầu bản Trồ đến tiếp giáp xã Tường Phù (Quốc lộ 37)	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba Huy Hạ đến cổng chào tiếp giáp thị trấn Phù Yên (Quốc lộ 37)	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba Huy Hạ đến vị trí qua cổng trại giam Yên Hạ 150m hướng đi xã Huy Tường (TL 114)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
X	Xã Huy Thượng (ngã ba trước trụ sở Huy Thượng đi 3 hướng)					
1	Từ trung tâm ngã ba Huy Thượng đến cầu Đập Tràn (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ trung tâm ngã ba Huy Thượng hướng đi Hà Nội 300m (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trung tâm ngã 3 Huy Thượng hướng đi Huy Tân 200m	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
XI	Xã Tường Hạ					
1	Trụ sở UBND xã Tường Hạ đi Phù Yên 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Trụ sở UBND xã Tường Hạ đến cầu bản Cóc 1	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIII	Xã Tường Phù					
1	Trụ sở UBND xã Tường Phù đi Phù Yên 150m	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Trụ sở UBND xã Tường Phù đi Sơn La đến giáp đất Gia Phù	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ tiếp giáp xã Huy Hạ đi hết khu dân cư bản Đông (Quốc Lộ 37)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
XIV	Xã Tường Thượng					
1	Trụ sở UBND xã Tường Thượng hướng đi Phù Yên đến tiếp giáp xã Gia Phù	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Trụ sở UBND xã Tường Thượng hướng đi Vạn Yên đến hết ngã ba rẽ bản Chượp (giáp cánh đồng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XV	Xã Suối Bau (ngã tư đỉnh đèo Suối Cáy)					
1	Từ thửa đất nhà bà Tách (bản Suối Cáy) đến hết thửa đất ông Mùa A Giông (bản Suối Cáy)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ thửa đất nhà ông Đình Văn Liệt đến hết thửa đất nhà ông Thào A Chìa (bản Nhọt 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B3	Đất ở nông thôn còn lại tại địa bàn các xã thuộc huyện Phù Yên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở CÁC XÃ THUỘC VÙNG NÔNG THÔN
VÀ CÁC BẢN THUỘC PHƯỜNG TẠI THÀNH PHỐ CÓ ĐIỀU KIỆN NHƯ NÔNG THÔN**
(Kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Địa bàn	Hệ số điều chỉnh Giá đất 2022 (lần)
I	Đất ở thuộc địa bàn các xã của các huyện, thành phố	
1	Vị trí 1	1,0
2	Vị trí 2	1,0
3	Vị trí 3	1,0
II	Đất ở thuộc các bản tại các phường của thành phố có điều kiện như nông thôn	
1	Vị trí 1	1,0
2	Vị trí 2	1,0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 17 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BNG ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 05/TTr-SNV ngày 12 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác ngoại vụ và công tác biên giới lãnh thổ quốc gia (*sau đây gọi chung là công tác đối ngoại*) của địa phương; các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.

2. Sở Ngoại vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của UBND tỉnh về tổ chức, biên chế và hoạt động; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Ngoại giao.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Ngoại vụ thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư Thông tư số 03/2021/TT-BNG ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc

a) Giám đốc Sở Ngoại vụ là Ủy viên UBND tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ủy viên UBND tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của UBND tỉnh;

b) Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Hành chính - Tổ chức

b) Phòng Ngoại vụ và Biên giới

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Ngoại vụ, Nội vụ, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Ngoại giao;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Ngoại Giao;
- Như Điều 5;
- Trung tâm Thông tin – VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hiệp (20b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 108/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục các văn bản quy phạm pháp luật
do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La
ban hành hết hiệu lực đến hết ngày 31/12/2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 07/TTr-STP ngày 13
tháng 01 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND
và UBND tỉnh Sơn La ban hành hết hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm
2021, gồm **70** văn bản (có 02 Danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ
tịch HĐND, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/C);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng khối nội dung – VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Vi Hải (20b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HĐND, UBND
TỈNH SƠN LA HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 18/01/ 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
I	VĂN BẢN DO HĐND TỈNH BAN HÀNH				
01	Nghị quyết	Nghị quyết số 123/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	Quy định tiêu thức phân công cơ quan Thuế quản lý đối với doanh nghiệp thành lập mới năm 2016 trên địa bàn tỉnh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ Nghị quyết số 123/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh quy định tiêu thức phân công cơ quan Thuế quản lý đối với doanh nghiệp thành lập mới năm 2016 trên địa bàn tỉnh	01/12/2021
02	Nghị quyết	Nghị quyết số 127/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	Sửa đổi Điểm 2.2 Khoản 2, Điều 3 1, Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐND ngày 19/9/2012 của HĐND tỉnh quy định chế độ đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải đấu thể thao tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh về quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác trên địa bàn tỉnh Sơn La	01/9/2021
03	Nghị quyết	Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh giai đoạn 2017 - 2020	Được thay thế bởi Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022 - 2025	31/12/2021
CỘNG					125

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
04	Nghị quyết	Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	Về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017	Được thay thế bởi Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022	31/12/2021
05	Nghị quyết	Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh giai đoạn 2017 - 2020	Được thay thế bởi Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022 - 2025	31/12/2021
06	Nghị quyết	Nghị quyết số 93/2019/NQ-HĐND ngày 28/02/2019	Về sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017	Được thay thế bởi Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022	31/12/2021
07	Nghị quyết	Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019	Quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ	Được thay thế bởi Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	01/10/2021
08	Nghị quyết	Nghị quyết số 131/2020/NQ-HĐND ngày 01/7/2020	Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh	Được thay thế bởi Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm	01/01/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
09	Nghị quyết	Nghị quyết số 137/2020/NQ-HĐND ngày 31/07/2020	Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	Được thay thế bởi Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	01/10/2021
10	Nghị quyết	Nghị quyết số 139/2020/NQ-HĐND ngày 03/9/2020	Về kéo dài thực hiện một số Nghị quyết của HĐND tỉnh sang năm 2021 được tiếp tục thực hiện đến hết niên độ ngân sách năm 2021.	Được thay thế bởi Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022 - 2025	31/12/2021
II	VĂN BẢN DO UBND TỈNH BAN HÀNH				
01	Quyết định	Quyết định số 51/2004/QĐ-UBND ngày 20/4/2004	Về việc ban hành quy định ứng vốn và hoàn trả vốn để sản xuất con giống phục vụ dự án Di dân tái định cư thủy điện Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 51/2004/QĐ-UBND ngày 20/4/2004; Quyết định số 37/2005/QĐ-UBND ngày 04/4/2005 của UBND tỉnh Sơn La	15/02/2021
02	Quyết định	Quyết định số 55/2004/QĐ-UBND ngày 17/5/2004	Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đền bù di dân giải phóng mặt bằng công trường thủy điện Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh về bãi bỏ Quyết định số 55/2004/QĐ-UBND ngày 17/5/2004; Quyết định số 52/2006/QĐ-UBND ngày 07/7/2006; Quyết định số	01/02/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
03	Quyết định	Quyết định số 134/2004/QĐ-UB ngày 27/10/2004	Về việc ban hành quy định tạm thời cụ thể hóa một số nội dung Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 12/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng riêng cho thực hiện dự án khu tái định cư Mường Chùm, huyện Mường La	56/2006/QĐ-UBND ngày 25/7/2006 và Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 29/02/2008 của UBND tỉnh Sơn La	20/3/2021
04	Quyết định	Quyết định số 37/2005/QĐ-UBND ngày 04/4/2005	Về việc bổ sung một số chính sách áp dụng cho dự án tái định cư xã Tân Lập huyện Mộc Châu	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 51/2004/QĐ-UBND ngày 20/4/2004; Quyết định số 37/2005/QĐ-UBND ngày 04/4/2005 của UBND tỉnh Sơn La	15/02/2021
05	Quyết định	Quyết định số 96/2005/QĐ-UBND ngày 06/8/2005	Về việc ban hành quy trình di dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ các Quyết định của UBND tỉnh Sơn La	20/3/2021
06	Quyết định	Quyết định số 52/2006/QĐ-UBND ngày 07/7/2006	Về việc ban hành đơn giá thẩm định và quản lý quy hoạch chi tiết các khu, điểm tái định cư dự án thủy điện Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh về bãi bỏ Quyết định số 55/2004/QĐ-UBND ngày 17/5/2004; Quyết định số 52/2006/QĐ-UBND ngày 07/7/2006; Quyết định số 56/2006/QĐ-UBND ngày 25/7/2006 và Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 29/02/2008 của UBND tỉnh Sơn La	01/02/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
07	Quyết định	Quyết định số 56/2006/QĐ-UBND ngày 25/7/2006	Về việc điều chỉnh bổ sung một số nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2006/QĐ-UBND ngày 07/7/2006 của UBND tỉnh Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh về bãi bỏ Quyết định số 55/2004/QĐ-UBND ngày 17/5/2004; Quyết định số 52/2006/QĐ-UBND ngày 07/7/2006; Quyết định số 56/2006/QĐ-UBND ngày 25/7/2006 và Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 29/02/2008 của UBND tỉnh Sơn La	01/02/2021
08	Quyết định	Quyết định số 26/2007/QĐ-UBND ngày 31/10/2007	Quy định về một số chế độ chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 49/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về bãi bỏ Quyết định số 26/2007/QĐ-UBND ngày 31/10/2007 của UBND tỉnh quy định về một số chế độ chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Sơn La	10/01/2021
09	Quyết định	Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 29/02/2008	Về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều quy định ban hành kèm theo Quyết định số 47/2005/QĐ-UBND ngày 22/4/2005 của UBND tỉnh Sơn La về trình tự, nội dung lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu, điểm tái định cư thủy điện Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh về bãi bỏ Quyết định số 55/2004/QĐ-UBND ngày 17/5/2004; Quyết định số 52/2006/QĐ-UBND ngày 07/7/2006; Quyết định số 56/2006/QĐ-UBND ngày 25/7/2006 và Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 29/02/2008 của UBND tỉnh Sơn La	01/02/2021
10	Quyết định	Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 15/4/2013	Về việc ban hành quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc bãi bỏ Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 15/4/2013 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Sơn La	18/9/2021
					129

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
11	Quyết định	Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 07/5/2013	Về việc quy định thành phần và quy chế hoạt động của Hội đồng kỷ luật đối với cán bộ xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Sơn La	15/01/2021
12	Quyết định	Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013	Về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong việc xây dựng và kiểm tra thực hiện đề án	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Sơn La	15/01/2021
13	Quyết định	Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014	Quy định xử lý cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang uống rượu, bia trước và trong giờ làm việc	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La bãi bỏ Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh quy định xử lý cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang uống rượu, bia trước và trong giờ làm việc	15/6/2021
14	Quyết định	Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015	Về việc quy định xử lý cán bộ, công chức, viên chức vi phạm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và tiếp công dân	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND tỉnh về bãi bỏ các Quyết định của UBND tỉnh Sơn La	20/9/2021
15	Quyết định	Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 25/9/2015	Về việc ban hành đơn giá sản phẩm đo đạc địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá sản phẩm đo đạc địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Sơn La	20/6/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
16	Quyết định	Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015	Về việc ban hành quy định hoạt động thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Sơn La	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 28/6/2021 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định hoạt động thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Sơn La	15/7/2021
17	Quyết định	Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 09/12/2015	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La	05/12/2021
18	Quyết định	Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 07/3/2016	Về việc ban hành quy chế quản lý, vận hành sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 50/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý, vận hành sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	15/01/2021
19	Quyết định	Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	Quy định về việc xử lý cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND tỉnh về bãi bỏ các Quyết định của UBND tỉnh Sơn La	20/9/2021
20	Quyết định	Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017	Quy định giá dịch vụ do nhà nước định giá thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc quy định giá dịch vụ do nhà nước định giá thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La	01/01/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
21	Quyết định	Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	Về việc ban hành quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La phân cấp một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La	01/01/2022
22	Quyết định	Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 07/3/2018	Ban hành quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La	15/10/2021
23	Quyết định	Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	Về việc ban hành quy định phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	06/6/2021
24	Quyết định	Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	Ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Được thay thế bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La	06/6/2021
25	Quyết định	Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Sơn La	20/10/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
26	Quyết định	Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La	20/10/2021
27	Quyết định	Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La	15/11/2021
28	Quyết định	Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Được thay thế bởi Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	30/12/2021
29	Quyết định	Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La	15/11/2021
30	Quyết định	Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 14/11/2018	Về cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; trình tự và thời gian thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND 13/12/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; trình tự và thời gian thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La.	01/01/2022
31	Quyết định	Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La	Được thay thế bằng Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La	15/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
32	Quyết định	Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Sơn La	15/9/2021
33	Quyết định	Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 29/01/2019	Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh	Được thay thế bởi Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc quy định giá dịch vụ do nhà nước định giá thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La	01/01/2022
34	Quyết định	Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 04/4/2019	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La	20/10/2021
35	Quyết định	Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019	Về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu, máy móc nông nghiệp khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La	10/02/2021
36	Quyết định	Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 06/5/2019	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh	Được thay thế bởi Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	06/6/2021
37	Quyết định	Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	Về việc quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La	01/01/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
38	Quyết định	Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 06/6/2019	Ban hành quy chế rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 28/9/2021 bãi bỏ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ban hành quy chế rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La	15/10/2021
39	Quyết định	Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	Về việc phân cấp thẩm định dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La	15/10/2021
40	Quyết định	Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 18/7/2019	Về việc quy định hạn mức giao đất ở, công nhận đất ở, giao đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng; diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa đất; định mức đất sử dụng trong nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định chi tiết nội dung được quy định tại một số điều của Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai	30/11/2021
41	Quyết định	Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 10/02/2020	Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 53/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh	10/01/2021
42	Quyết định	Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 31/3/2020	Về việc thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phân cấp thẩm định dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La	15/10/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
43	Quyết định	Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020	Về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 19 phần quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La	01/01/2022
44	Quyết định	Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc quy định bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý hóa giống nhau năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La	01/01/2022
45	Quyết định	Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020	Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La	15/11/2021
46	Quyết định	Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	Về việc ban hành quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND tỉnh về bãi bỏ các Quyết định của UBND tỉnh Sơn La	20/9/2021
47	Quyết định	Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND ngày 13/10/2020	Về việc sửa đổi Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La	Được thay thế bởi Quyết định số 53/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 31/12/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh	10/01/2021

B. VẤN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
I	VẤN BẢN DO HĐND TỈNH BAN HÀNH				
01	Nghị quyết	Nghị quyết số 54/2004/NQ-HĐND ngày 10/12/2004	Nghị quyết về thông qua quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn tỉnh Sơn La giai đoạn 2004 - 2020	Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản	31/12/2020
02	Nghị quyết	Nghị quyết số 324/2010/NQ-HĐND ngày 08/7/2010	Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh thực hiện Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La	Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 hết hiệu lực	01/01/2015
03	Nghị quyết	Nghị quyết số 70/2014/NQ-HĐND ngày 03/4/2014	Về các biện pháp, phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh đến năm 2020	Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản	31/12/2020
04	Nghị quyết	Nghị quyết số 77/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014	Về phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo đảm nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La”	Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản	31/12/2020
05	Nghị quyết	Nghị quyết số 78/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014	Chính sách và biện pháp thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2014 - 2020	Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản	31/12/2020
06	Nghị quyết	Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020	Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản	31/12/2022
II	VẤN BẢN DO UBND TỈNH BAN HÀNH				
01	Quyết định	Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 03/02/2015	Về việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án đào tạo cán bộ của Tỉnh ủy Sơn La giai đoạn 2015 - 2020	Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản	31/12/2027

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HĐND, UBND TỈNH SƠN LA HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Nội dung quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
I	VĂN BẢN DO HĐND TỈNH BAN HÀNH				
01	Nghị quyết	Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐND ngày 19/9/2012 của HĐND tỉnh quy định chế độ đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải đấu thể thao tỉnh Sơn La	Khoản 1, Khoản 2, Điều 1	Được thay thế bởi Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh về quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác trên địa bàn tỉnh Sơn La	01/9/2021
02	Nghị quyết	Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La	Điều 1, Khoản 2 Điều 2; Điều 3; Điều 4; Điều 5	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều tại quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La	01/12/2021
03	Nghị quyết	Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; tổng số lượng và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh	Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 1	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; tổng số lượng và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định về mức phụ cấp, bồi dưỡng kiêm nhiệm, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh	01/01/2022

CÔNG BÁO SƠN LA SỐ 06 + 07/Ngày 25-02-2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Nội dung quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
04	Nghị quyết	Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 quy định về mức phụ cấp, bồi dưỡng kiêm nhiệm, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của bản, thôn, xóm tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh	Khoản 1, Điều 1; Khoản 3, Điều 1; Khoản 4, Điều 1; Điểm 5.1, Khoản 5; Điều 1	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một Số điều của Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; tổng số lượng và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định về mức phụ cấp, bồi dưỡng kiêm nhiệm, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh	01/01/2022
05	Nghị quyết	Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 về việc kéo dài thời hạn áp dụng đối với 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định mức học phí đến hết năm học 2021 - 2022	Khoản 1 Điều 1	Được thay thế bởi Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh	01/01/2022
II	VĂN BẢN DO UBND TỈNH BAN HÀNH				
01	Quyết định	Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 về việc điều lệ tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Sơn La	Điểm a, Khoản 2, Điều 8	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 về việc sửa đổi Điểm a, Khoản 2, Điều 8 Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh về việc điều lệ tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Sơn La	25/10/2021

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com